

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương					
1	Trường Mầm Non Hoa Cúc (điểm ấp 7)	DGD	Định Quán	Phú Tân	0,25
2	Trường MN Phú Vinh (Mở rộng)	DGD	Định Quán	Phú Vinh	0,20
3	Trường THCS Bình Sơn	DGD	Long Thành	Bình Sơn	1,58
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải					
4	Đường Đỗ Văn Thi (mở rộng đoạn 1)	DGT	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,01
5	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viện kiểm sát)	DGT	Biên Hòa	Quang Vinh	0,01
6	Đường vào trường THCS Lê Quang Định (HT)	DGT	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,01
7	Cải tạo nút giao thông đường Trương Định - Trương Quyền	DGT	Biên Hòa	Tân Mai	0,04
8	Đường tổ 10, tổ 11 ấp Tân Hòa	DGT	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,80
9	Nâng cấp đường Hoàn Quân - Xuân Mỹ	DGT	Cẩm Mỹ	Long Giao, Xuân Mỹ	0,80
10	Nâng cấp đường Cọ Dầu 2 - Suối Lức	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	1,10
11	Đường vào Cụm Công nghiệp Long Giao	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	1,11
12	Đường tổ 8, ấp 5, xã Xuân Tây	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,60
13	Đường ấp 9, ấp 11 xã Xuân Tây đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Tây, Bảo Bình	2,40
14	Đập dâng Cắn Đu 2	DTL	Định Quán	Phú Túc	0,28
15	Nút giao thông đầu nối đường Xuân Hiệp - Lang Minh với QL1 (thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đường Xuân Hiệp-Lang Minh)	DGT	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	0,20
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở					
16	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Bình Đa 2	ODT	Biên Hòa	Bình Đa	1,50
17	Khu tái định cư phường Quang Vinh	ODT	Biên Hòa	Quang Vinh	0,03
18	Khu tái định cư (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	ODT	Biên Hòa	Thống Nhất	0,03
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,					
19	Khu dân cư số 88 (giai đoạn 2 - Công ty CP XD Dân dụng CN số 1 ĐN)	ODT	Biên Hòa	Trảng Dài	0,50
20	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai	DKH	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	4,25
21	Khu dân cư Long Thành (công ty CP BĐS Đại Thành Công)	ONT	Long Thành	An Phước	1,77
22	Khu dân cư Long Thành (công ty CP TMDV Long Điền)	ONT	Long Thành	Long Phước	1,90

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
23	Khu dân cư Long Thành Phát (công ty TNHH Phương Minh Triết)	ONT	Long Thành	Phước Bình	4,20
TỔNG					23,57

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương					
1	Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	DGD	Biên Hòa	An Hòa	0,03
2	Công viên cây xanh và kè dọc sông Đồng Nai	DKV	Biên Hòa	Bửu Long	1,78
3	Bảo tồn, tôn tạo khu lăng mộ Trịnh Hoài Đức	DDT	Biên Hòa	Trung Dũng	0,03
4	Trường Mầm non ấp 2 xã Suối Trầu cũ (Thửa 265+299 tờ 10 xã Suối Trầu cũ)	DGD	Long Thành	Bàu Cạn	0,15
5	Trường TH Phước Bình (Thửa 71, tờ 30 xã Phước Bình)	DGD	Long Thành	Phước Bình	1,57
6	Trường TH, THCS Gia Kiệm	DGD	Thống Nhất	Gia Kiệm	1,50
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải					
7	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa an đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	DGT	Biên Hòa	Bửu Long	17,64
8	Trạm Biến áp 110 kV Giang Điền và đường dây đầu nối	DNL	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	0,48
9	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	DGT	Cẩm Mỹ	Bảo Bình, Xuân Mỹ	5,50
10	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	DTL	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,76
11	Tuyến thoát nước ngoài ranh Khu dân cư, tái định cư Lộc An - Bình Sơn	DTL	Long Thành	Lộc An	2,36
12	Bến xe Long Thành	DGT	Long Thành	Long An	4,85
13	Tuyến thoát nước ngoài hàng rào KCN Lộc An – Bình Sơn (bổ sung diện tích)	DTL	Long Thành	Long An	1,00
14	Đường Nguyễn Văn Cừ	DGT	Long Thành	TT. Long Thành	1,55
15	Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân	DGT	Nhơn Trạch	Long Tân	3,55
16	Đường điện 220kV Sông Máy - Tam Phước	DGT	Trảng Bom	Bình Minh	0,35
17	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	DGT	Vĩnh Cửu	Tân An, Trị An, TT. Vĩnh An	12,00
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở					
18	Khu tái định cư Bình Đa	ODT	Biên Hòa	An Bình, Bình Đa, Tam Hiệp	0,30
19	Khu tái định cư Thống Nhất, Tân Mai	ODT	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	9,40
20	Nhà văn hóa ấp 2 xã Suối Trầu cũ (Thửa 284 tờ 10, xã Suối Trầu cũ)	DSH	Long Thành	Bàu Cạn	0,05
21	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Gia Yên	DSH	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,					

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
22	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	ODT	Biên Hòa	Thống Nhất	0,03
23	Khu dân cư Công ty Tây Tây Nam	ONT	Long Thành	Long Đức	0,88
24	Khu dân cư The Queen	ONT	Long Thành	Long Đức	1,21
25	Khu dân cư CIC ONE	ONT	Long Thành	Long Đức	5,00
26	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Long Thành	Long Phước	4,91
27	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Long Thọ	3,85
28	Khu dân cư Phú Đông Riverside	ONT	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,35
29	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	ONT	Nhơn Trạch	Phước Thiện	13,00
30	Khu dân cư đô thị Lành Mạnh	ONT	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	29,60
31	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Công ty CPĐT Donal)	ONT	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	2,75
32	Xây dựng khu dân cư và thương mại	ONT	Trảng Bom	Tây Hòa	7,19
TỔNG					135,69

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐANG TRIỂN KHAI CÁC BƯỚC ĐỀ LẬP THỦ TỤC THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương					
1	Trường MN Quang Vinh (vị trí hạt duy tu cũ)	DGD	Biên Hòa	Quang Vinh	0,06
2	Trụ sở UBND xã An Phước	TSC	Long Thành	An Phước	3,70
3	Trụ sở UBND xã Phước Thái	TSC	Long Thành	Phước Thái	2,30
4	Xây dựng trụ sở công an xã	TSC	Tân Phú	Phú Lâm	0,10
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	DGD	Trảng Bom	Tây Hòa	0,46
6	Trường tiểu học Bàu Phụng (CS2)	DGD	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,96
7	Trường TH Tân Phú xã Thạnh Phú (địa điểm mới áp 1)	DGD	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	2,20
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải					
8	Đường và cầu tại ấp Tân Bắc	DGT	Trảng Bom	Bình Minh	0,68
9	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	DGT	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	2,28
10	Trạm biến áp 110kV Núi Tượng và đường dây đầu nối	DGT	Tân Phú	Các xã	0,85
11	Đường nối khu đô thị mới Phú Hữu- Đại Phước đến đường tỉnh ĐT 769 huyện Nhơn Trạch	DGT	Nhơn Trạch	Đại Phước	0,51
12	Đường từ QL 20 vào trường THCS Gia Tân 1	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,80
13	Đường vào trường TH Long Bình 1	DGT	Biên Hòa	Long Bình	0,08
14	Đường 25C (đoạn từ QL 51 đến HL 19)	DGT	Long Thành	Long Phước	21,00
15	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	DGT	Nhơn Trạch	Long Thọ	10,00
16	Đường giao thông trong khu trung tâm hành chính xã Mã Đà	DGT	Vĩnh Cửu	Mã Đà	2,36
17	Đường đê bao Đồng Hiệp	DGT	Tân Phú	Phú Điền, Phú Thanh	3,60
18	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	DGT	Định Quán	Phú Tân	0,25
19	Đường ven sông Đồng Nai	DGT	Định Quán	Phú Tân, Phú Vinh	3,00
20	Bến thủy nội địa Phước Khánh	DGT	Nhơn Trạch	Phước Khánh	14,65
21	Đường ấp 3 xã Tân An	DGT	Vĩnh Cửu	Tân An	2,10
22	Hương lộ 9 (Thành Đức - Tân Bình)	DGT	Vĩnh Cửu	Tân Bình	4,50
23	Hương lộ 7 (Tân Bình - Bình Lợi)	DGT	Vĩnh Cửu	Tân Bình, Bình Lợi	4,20
24	Đường Hùng Vương nối dài	DGT	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	4,80
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	DGT	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	2,20
26	Đường Nguyễn Du	DGT	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	2,73
27	Đường Kỳ lân	DGT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	3,40
28	Cầu Suối Đức	DGT	Tân Phú	Tả Cỏ	0,06
29	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú	DGT	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	6,20
30	Đường Lê Duẩn	DGT	Long Thành	TT. Long Thành – An Phước – Long Đức	4,00

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
31	Đường Dương Bạch Mai (đoạn từ đường 29/4 đến đường 3/2)	DGT	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,15
32	Đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ gần điểm giao với đường 29/4 đến giáp đường sắt)	DGT	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,32
33	Trung tâm văn hóa huyện (Đường N2, N3)	DGT	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	2,39
34	Nâng cấp vỉa hè đường Quang Trung	DGT	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,30
35	Vĩa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài (Đoạn từ nút giao thông ĐT 768 đến nút ĐT 762)	DGT	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	1,68
36	Đường cầu Suối Rắc	DGT	Định Quán	Túc Trưng	3,00
37	Đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi	DGT	Long Khánh	X.Hòa	0,54
38	Trạm 110 kV KĐT Long Hưng và đường dây đầu nối	DNL	Biên Hòa	Phước Tân	0,40
39	Trạm biến áp 110kV Phước Tân và nhánh rẽ đầu nối	DNL	Biên Hòa	Phước Tân	0,87
40	Trạm bơm Đắc Lua	DTL	Tân Phú	Đắc Lua	27,50
41	Nạo vét Rạch Đông	SON	Vĩnh Cửu	Tân An	33,23
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở					
42	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thanh Phú (bao gồm đường N4, D4, D5 và hạ tầng công viên cây xanh, khu văn hóa thể thao)	DHT	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	9,90
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,					
43	Khu dân cư Bửu Hòa Phát	ODT	Biên Hòa	Bửu Hòa	5,68
44	Khu dân cư Thành Công (công ty CP BĐS đất nền Thành Công)	ONT	Long Thành	Long Đức	2,75
45	Khu dân cư Thiên Trường	ONT	Long Thành	Long Phước	1,10
46	Khu dân cư Phước Bình (công ty CP BĐS đất nền May Mẫn)	ONT	Long Thành	Phước Bình	1,53
47	Khu dân cư công nghiệp Phước Bình (công ty CP BĐS đất nền Hạnh Phúc)	ONT	Long Thành	Phước Bình	6,53
48	Khu dân cư Phước Lộc Phát	ONT	Long Thành	Phước Bình	4,00
49	Khu dân cư Phước Thái (T&T)	ONT	Long Thành	Phước Thái	0,57
50	Khu dân cư CIC LAND	ONT	Long Thành	Phước Thái	1,65
51	Khu dân cư Nguyên Xuân ONYX	ODT	Long Thành	TT.Long Thành	2,10
52	Khu dân cư đô thị	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	28,50
53	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	11,92
54	Khu dân cư thương mại đô thị mới	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	22,37
55	Khu dân cư Lâm Viên sinh thái	ONT	Trảng Bom	Giang Điền	19,10
56	Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ)	ONT	Vĩnh Cửu	Tân An	23,48
57	Khu dân cư Chiến Thắng	ONT	Xuân Lộc	Xuân Định	7,15
TỔNG					323,74

PHỤ LỤC 04

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHƯA THỰC HIỆN

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương					
1	Mở rộng trường TH Phú Đông	DGD	Nhơn Trạch	Phú Đông	0,45
2	Trường MN Thiện Tân	DGD	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,10
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải					
3	Xây dựng cầu vòm cái Sứt trên hương lộ 2 nối dài	DGT	Biên Hòa	Long Hưng, Tam Phước	3,50
4	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	DGT	Biên Hòa	Tân Biên	0,02
5	Đường Nội đồng ấp 3 xã Xuân Tây đi Bảo Bình	DGT	Cẩm Mỹ	Bảo Bình, Xuân Tây	1,80
6	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	DTL	Cẩm Mỹ	Lâm San, Sông Ray	0,37
7	Đường khu 5 ấp Suối Cá, xã Long Giao	DGT	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,40
8	Đường tổ 26 ấp Tân Hạnh, xã Xuân Bảo	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,87
9	Đường Thừa Đức đi Tp. Long Khánh	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Đường, Xuân Quế, Sông Nhạn	14,00
10	Đường liên ấp Tân Hòa - Tân Hợp	DGT	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,15
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 30/4 xã Bàu Hàm	DGT	Trảng Bom	Bàu Hàm	3,48
12	Đường Nguyễn Hữu Cánh (Đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ)	DGT	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	2,00
13	Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm	DGT	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	1,74
14	Đường Bến Xúc (nối Vĩnh Cửu - Trảng Bom)	DGT	Vĩnh Cửu	Tân An	1,20
15	Đường nối từ Hương lộ 15 đến Khu dân cư Miền Đông (Đường N3 dưới tuyến đường điện cao thế)	DGT	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	4,30
16	Dự án đầu nối đường Quang Trung với đường Lý Thái Tổ	DGT	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,80
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở					
17	Cải tạo, nâng cấp Chợ Bàu Hàm	DCH	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,54
TỔNG					36,72

PHỤ LỤC 5A

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG ĐÃ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
Dự án có sử dụng đất trồng lúa							
1	Nâng cấp đường Cộ Dầu 2 - Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	2,75	0,60	-	-
2	Trang trại chăn nuôi Vịt	Xuân Lộc	Xuân Trường	4,90	3,20	-	-
TỔNG CỘNG				7,65	3,80	-	-

PHỤ LỤC 5B
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT
(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
Dự án có sử dụng đất trồng lúa							
1	Khu dân cư An Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	1,37	0,63	-	-
2	Ban Trị sự GHPGVN tỉnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,70	0,70	-	-
3	Khu nhà ở chung cư cao tầng đường QL 1K	Biên Hòa	Hóa An	0,52	0,05	-	-
4	KCN Hồ Nai giai đoạn II	Biên Hòa	Long Bình; Phước Tân	101,53	0,69	-	-
5	Khai thác chế biến Đá xây dựng Mô đá Tân Cang 9	Biên Hòa	Phước Tân	15,10	1,17	-	-
6	Trường Trung cấp Phật học	Biên Hòa	Phước Tân	0,73	0,73	-	-
7	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 8 -Phước Tân (BH.Đ1-3)	Biên Hòa	Phước Tân - Tam Phước	35,98	7,70	-	-
8	Đường Cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây	Cẩm Mỹ	Các xã	152,88	1,91	-	-
9	Đập dâng Cắn Đu 2	Định Quán	Phú Túc	0,28	0,12	-	-
TỔNG CỘNG				309,09	13,70	-	-

PHỤ LỤC 5C
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
Dự án có sử dụng đất trồng lúa							
1	Hương lộ 2	Biên Hòa	An Hòa	11,70	0,50	-	-
2	Khu dân cư - TMDV số 22 (Công ty Phúc Hiếu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	19,06	2,12	-	-
3	Công viên cây xanh và kè dọc sông Đồng Nai	Biên Hòa	Bửu Long	1,78	0,17	-	-
4	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa an đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bửu Long	17,64	0,22	-	-
5	Đường ven sông Cái	Biên Hòa	Các phường	19,37	0,42	-	-
6	Mô đá xây dựng Tân Cang 2 mở rộng -Phước Tân (BH.Đ2-3)	Biên Hòa	Phước Tân	5,65	0,93	-	-
7	Mô đá xây dựng Tân Cang 5 -Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	13,59	0,90	-	-
8	Hương lộ 21	Biên Hòa	Tam Phước	1,10	0,00	-	-
9	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	8,80	0,17	-	-
10	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai 2	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	9,40	0,01	-	-
11	Bến xe Long Thành	Long Thành	Long An	4,85	4,85	-	-
12	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Thành	Long Phước	4,91	1,01	-	-
13	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Thọ	3,85	0,55	-	-
14	Khu dân cư Phú Đông Riverside	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,35	0,77	-	-
15	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	13,00	6,04	-	-
16	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Gia Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	0,07	-	-
17	Trường tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	1,60	0,16	-	-
18	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	Tân An, Trị An, TT. Vĩnh An	50,00	0,96	-	-
Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ						-	-
19	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00		1,03	-
TỔNG CỘNG				188,72	19,85	1,03	-

PHỤ LỤC 5D

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG ĐANG TRIỂN KHAI CÁC BƯỚC ĐỂ LẬP THỦ TỤC THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
Dự án có sử dụng đất trồng lúa							
1	Trạm biến áp 110kV Phước Tân và nhánh rẽ đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,87	0,87	-	-
2	Khu dân cư Bửu Hòa Phát	Biên Hòa	Bửu Hòa	5,68	1,36	-	-
3	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Bảo Long	Biên Hòa	Hóa An	0,06	0,06	-	-
4	Cơ sở giết mổ tập trung	Cẩm Mỹ	Lâm Sơn	0,97	0,34	-	-
5	Công ty TNHH Lê Hòe	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	2,69	0,35	-	-
6	Trạm kinh doanh xăng dầu Ngọc Song Anh	Long Thành	Long An	0,16	0,14	-	-
7	Điểm du lịch sinh thái và vui chơi giải trí của công ty TNHH Hoàng Gia Bảo	Long Thành	Long An	14,75	2,42	-	-
8	Đường 25C (đoạn từ QL 51 đến HL 19)	Long Thành	Long Phước	21,00	8,50	-	-
9	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	Nhơn Trạch	Long Thọ	10,00	6,16	-	-
10	Khu dân cư đô thị TMDV An Hòa	Nhơn Trạch	Phú Hội	34,04	2,30	-	-
11	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	14,65	5,49	-	-
12	Trạm bơm Đắc Lua	Tân Phú	Đắc Lua	27,50	6,92	-	-
13	Trại nuôi vịt giống quy mô 25.000 con	Tân Phú	Núi Tượng	4,39	4,39	-	-
14	Đường đê bao Đồng Hiệp	Tân Phú	Phú Điền, Phú Thanh	3,60	0,55	-	-
15	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tân Phú	TT. Tân Phú	2,20	0,04	-	-
16	Đường và cầu tại ấp Tân Bắc	Trảng Bom	Bình Minh	1,18	0,25	-	-
17	Điểm giết mổ tập trung	Trảng Bom	Bình Minh	2,48	1,72	-	-
18	Đường ấp 3 xã Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	4,50	1,48	-	-
19	Nạo vét Rạch Đông	Vĩnh Cửu	Tân An	60,50	9,40	-	-
20	Hương lộ 9 (Thành Đức - Tân Bình)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	4,50	0,50	-	-
21	Hương lộ 7 (Tân Bình - Bình Lợi)	Vĩnh Cửu	Tân Bình, Bình Lợi	4,20	0,74	-	-
22	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (bao gồm đường N4, D4, D5 và hạ tầng công viên cây xanh, khu văn hóa thể thao)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	9,90	8,90	-	-
23	Đường Kỳ lân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,00	0,74	-	-
24	ViNA Gà	Xuân Lộc	Suối Cao	3,70	1,67	-	-
25	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	6,20	0,00	-	-
26	Khu dân cư Chiến Thắng	Xuân Lộc	Xuân Định	7,15	0,16	-	-
TỔNG CỘNG				250,87	65,45	-	-

PHỤ LỤC 5E
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG CHƯA THỰC HIỆN
(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
Dự án có sử dụng đất trồng lúa							
1	Cơ sở Hóa An (nay là Giáo xứ Hóa An)	Biên Hòa	Hóa An	0,40	0,40	-	-
2	Xây dựng cầu vòm cái Sứt trên hương lộ 2 nối dài	Biên Hòa	Long Hưng, Tam Phước	3,50	0,25	-	-
3	Trường bắn BB	Vĩnh Cửu	Tân An	21,30	1,63	-	-
4	Đường nối từ Hương lộ 15 đến Khu dân cư Miền Đông (Đường N3 dưới tuyến đường điện cao thế)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	4,30	2,30	-	-
TỔNG CỘNG				29,50	4,58	-	-

PHỤ LỤC 6A
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải				
1	Đường dẫn vào Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hoá An	0,15
TỔNG				0,15

PHỤ LỤC 6B
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG LẬP THỦ TỤC THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương				
1	Trường mầm non Phước Bình	Long Thành	Phước Bình	1,10
2	Bệnh viện dã chiến	Xuân Lộc	Suối Cao	9,06
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải				
3	Đường nối từ đường Võ Thị Sáu sang đường Hưng Đạo Vương	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,84
4	Đường Nguyễn Văn Hoa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến hết ranh trường tiểu học Thống Nhất C	Biên Hòa	Thống Nhất	0,11
5	Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	Biên Hòa	Thống Nhất, Hiệp Hoà	10,08
6	Cảng cạn Long Thành (Công ty Cổ phần kho bãi và Logistic Long Thành)	Long Thành	Long An	21,87
7	Đường Khu dân cư Long Đức (phía Nam)	Long Thành	Long Đức	1,60
8	05 điểm trung chuyển rác (xã Long Đức 02 điểm, xã Bình An 01 điểm, xã Bàu Cạn 01 điểm, xã Tân Hiệp 01 điểm)	Long Thành	Long Đức, Bình An, Bàu Cạn, Tân Hiệp	2,50
9	Phân pha dây dẫn đường dây 110Kv Trị An - Phú Giáo	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,06
10	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thạnh Phú đoạn đầu ra trục số 16 xã Thạnh Phú theo quy hoạch	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,10
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở				
11	Công viên B5	Biên Hòa	Tân Tiến	3,18
12	Văn phòng khu phố 7	Biên Hòa	Tân Phong	0,02
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,				
13	Khu nhà ở Hoàng Long (Công ty TNHH Nhà Hoàng Long)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,28
14	Khu dân cư tại phường Xuân Hòa	Long Khánh	Xuân Hòa	39,35
15	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH SX-DVTM Đại Hoàng Hào)	Long Thành	Bình Sơn	4,06
16	Chung cư Tâm Khái Hoàn 769 (Công ty Cổ phần BĐS Tâm Khái Hoàn)	Long Thành	Lộc An	0,83

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
17	Khu dân cư Aten (Công ty TNHH Bất động sản Aten Land)	Long Thành	Long An	3,93
18	Khu dân cư Long Việt An (Công ty Cổ phần Đầu tư Long Việt An)	Long Thành	Long Đức	4,78
19	Khu dân cư Phúc An Bình (Công ty Cổ phần Bất động sản Phúc An Bình)	Long Thành	Long Đức	1,05
20	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH Trí Thuận Tiến)	Long Thành	Long Phước	6,30
21	Khu dân cư Long Phước (Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát)	Long Thành	Long Phước	50,20
22	Khu dân cư Long Phát (Công ty TNHH SX TM DV Linh Long Phát)	Long Thành	Long Phước	4,02
23	Khu dân cư Khiết An Phước Bình (Công ty Cổ phần BĐS Khiết An Phước Bình)	Long Thành	Phước Bình	0,88
24	Khu dân cư Newland (Công ty Cổ phần Bất động sản BĐS Hạnh Phúc Long Thành)	Long Thành	Phước Bình	2,12
25	Khu dân cư Phước Bình Land (Công ty Cổ phần bất động sản Tâm Gia)	Long Thành	Phước Bình	2,16
26	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đầu tư bất động sản An Trường Đạt)	Long Thành	Phước Thái	18,43
27	Chung cư Thiên Tâm An (Công ty Cổ phần Bất động sản Điền Tâm)	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,62
28	Khu dân cư theo quy hoạch (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Nhơn Trạch	Long Tân	7,77
29	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Mai-Archi)	Nhơn Trạch	Long Tân	9,20
30	Khu dân cư theo quy hoạch (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Nhơn Trạch	Phú Hội	12,97
31	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Phú Hội	18,50
32	Khu dân cư tại xã Phước Thiện (Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Phúc Tiến)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	39,15
33	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO)	Vĩnh Cửu	Tân An	48,82
34	Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	2,70
35	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	6,76
36	Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH bất động sản Trịnh Vũ Giáp)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	5,62
37	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư nông thôn (Công ty TNHH Ninh Thịnh)	Xuân Lộc	Suối Cao	6,39
38	Khu dân cư thị trấn Gia Ray	Xuân Lộc	TT Gia Ray	47,50
TỔNG				394,91

PHỤ LỤC 06C**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,					
1	Khu đô thị Lake View City		Long Thành	Tam An	120,90
TỔNG					120,90

PHỤ LỤC 7A**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT***(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
1	Trạm biến áp 500kV Tân Uyên và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Bửu Hòa, Hóa An, Tân Hạnh	16,11	0,65	-	-
TỔNG CỘNG				16,11	0,65	-	-

PHỤ LỤC 7B
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
1	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành)	Long Thành	thị trấn Long Thành	4,43	2,34	-	-
TỔNG CỘNG				4,43	2,34	-	-

PHỤ LỤC 7C

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐANG TRIỂN KHAI CÁC BƯỚC ĐỂ LẬP THỦ TỤC THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
1	Đường dây 220KV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	23,90	0,08	-	-
2	Khu nhà ở Hoàng Long	Biên Hòa	Thống Nhất	0,28	0,03	-	-
3	Cửa hàng trưng bày, kinh doanh kết hợp đăng kiểm, kiểm định các loại xe ô tô, xe cơ giới, xe có động cơ Đông Nam Bộ	Long Thành	Long An	0,60	0,37	-	-
4	Khu dân cư Long Phước (Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát)	Long Thành	Long Phước	50,20	8,80	-	-
5	Khu dân cư Phước Bình Land	Long Thành	Phước Bình	2,16	0,10	-	-
6	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDCO)	Vĩnh Cửu	Tân An	48,82	5,70	-	-
7	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	6,76	5,40	-	-
8	Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH bất động sản Trịnh Vũ Giáp)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	5,62	4,00	-	-
9	Trang trại nuôi chim trĩ đỏ khoảng cỡ 10.000 con	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,29	0,29	-	-
TỔNG CỘNG				138,63	24,77	-	-

PHỤ LỤC 8A
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ HOÀN THÀNH VIỆC THU HỒI ĐẤT

(Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018))

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
1	Xây dựng Tòa án thành phố	Biên Hòa	Bửu Long	0,40	128	2014
2	Trạm y tế phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	0,19	144	2015
3	Chốt dân quân thường trực KCN Biên Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	0,05	144	2015
4	Trung tâm hành chính xã An Hòa	Biên Hòa	An Hòa	0,33	144	2015
5	Trung tâm Văn hóa xã	Biên Hòa	An Hòa	0,66	144	2015
6	Ký túc xá và khu học tập sinh viên (trường ĐH Lạc Hồng)	Biên Hòa	Bửu Long	1,92	144	2015
7	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	144	2015
8	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,27	166	2015
9	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng II (Bộ Công thương)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,29	144	2015
10	Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai	Biên Hòa	Quang Vinh	0,13	166	2015
11	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Quang Vinh	0,72	166	2015
12	Chốt dân quân thường trực KCN Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước	0,06	144	2015
13	Trường THCS Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	1,48	144	2015
14	Công an xã Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,13	144	2015
15	Trường Tiểu học Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	0,95	144	2015
16	Trung tâm văn hóa phường Tân Tiến	Biên Hòa	Tân Tiến	0,47	144	2015
17	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Biên Hòa	Tân Tiến	0,40	144	2015
18	Trường Tiểu học (Khu phố 2)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,01	144	2015
19	Trung tâm văn hóa phường	Biên Hòa	Trung Dũng	0,50	144	2015
20	Trường MN Lâm San (ấp 5)	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,30	144	2015
21	Nhà văn hoá xã Sông Nhạn	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,64	144	2015
22	Mầm non Sông Nhạn	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,70	144	2015
23	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,87	144	2015
24	Kiên cố hoá kênh mương đập Cù Nhí	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	7,64	144	2015
25	Mở rộng trường MN Sơn Ca (điểm chính)	Định Quán	Gia Canh	0,05	144	2015
26	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Định Quán	Gia Canh	0,43	144	2015
27	Trường TH Kim Đồng Ấp 1	Định Quán	Gia Canh	1,00	166	2015
28	Trụ sở Công an xã Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	0,20	166	2015
29	Trường MN Phú Hoa	Định Quán	Phú Lợi	0,78	144	2015
30	Trường Tiểu học Phú Ngọc B (Mở rộng)	Định Quán	Phú Ngọc	0,40	144	2015
31	Trụ sở Công an xã Phú Vinh	Định Quán	Phú Vinh	0,20	166	2015
32	Trụ sở Công an xã Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	0,20	166	2015
33	Trường MN Hoa Mai (ấp Đồng Xoài)	Định Quán	Túc Trưng	0,49	144	2015
34	Trường Mầm non Hoa Sen (ấp Bàu Sen)	Long Khánh	Bàu Sen	0,03	144	2015
35	Ban chỉ huy quân sự xã Bình Lộc	Long Khánh	Bình Lộc	0,14	144	2015
36	Trường MN Xuân Bình	Long Khánh	Xuân Bình	0,20	166	2015
37	Trụ sở Liên đoàn Lao động thị xã Long Khánh	Long Khánh	Xuân Hòa	0,23	144	2015
38	Trạm y tế phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,05	144	2015
39	Trường Tiểu học Lộc An (mở rộng)	Long Thành	Lộc An	0,09	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
40	Trụ sở công an xã Long An	Long Thành	Long An	0,20	144	2015
41	Trụ sở xã đội	Long Thành	Long An	0,05	144	2015
42	Trường THCS Long Đức (trong TĐC Long Đức)	Long Thành	Long Đức	1,74	144	2015
43	Mở rộng trường Cao đẳng nghề Lilama 2	Long Thành	Long Phước	1,50	144	2015
44	Trụ sở công an xã Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,20	144	2015
45	Xây dựng tượng đài	Long Thành	Phước Thái	0,12	144	2015
46	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng	Long Thành	Phước Thái	0,50	144	2015
47	Trường Tiểu học Phước Thái mở rộng	Long Thành	Phước Thái	0,46	166	2015
48	Trường Tiểu học Tam An ấp 4 (mở rộng)	Long Thành	Tam An	0,50	144	2015
49	Mở rộng trường nghề (Changsin cũ)	Long Thành	TT. Long Thành	0,68	144	2015
50	Phòng khám ban bảo vệ sức khỏe huyện Long Thành	Long Thành	TT. Long Thành	0,03	144	2015
51	Trường Mầm non Đại Phước	Nhơn Trạch	Đại Phước	1,00	144	2015
52	Chốt dân quân thường trực KCN	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	2,00	144	2015
53	Trường Mầm non Phú Đông	Nhơn Trạch	Phú Đông	1,00	144	2015
54	Trung tâm văn hóa xã Phú Hội	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,00	144	2015
55	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,00	144	2015
56	Đội thanh tra giao thông số 8	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,20	144	2015
57	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao và học tập cộng đồng xã Phú Hữu	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,70	166	2015
58	Trụ sở xã đội Phú Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,10	166	2015
59	Trụ sở xã Đội Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	0,10	166	2015
60	Trụ sở xã đội	Tân Phú	Phú Sơn	0,10	144	2015
61	Trường TH Phú Thanh (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	0,51	144	2015
62	Trụ sở Chi cục thống kê	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,03	144	2015
63	Nhà văn hóa xã	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,24	166	2015
64	Trường TH Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30	166	2015
65	Trường THCS Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30	166	2015
66	Trường MN Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30	166	2015
67	Trường MN Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30	166	2015
68	Trường TH Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30	166	2015
69	Trường THCS Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30	166	2015
70	Trường đại học- Công nghệ Miền đông	Thống Nhất	Xuân Thạnh	10,00	144	2015
71	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,07	144	2015
72	Chốt dân quân thường trực	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,15	144	2015
73	TT. VH xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,40	166	2015
74	Trường MG Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,06	166	2015
75	Trường TH Nguyễn Trung Trực	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,50	144	2015
76	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,10	144	2015
77	Trường MN Anh Đào	Trảng Bom	Bình Minh	0,12	166	2015
78	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Cây Gáo	0,10	144	2015
79	Trường Mẫu giáo Hoàng Yến - Cơ sở 3	Trảng Bom	Sông Thao	0,40	144	2015
80	Mở rộng Trường Tiểu học An Bình	Trảng Bom	Trung Hòa	0,30	144	2015
81	Trường tiểu học liên xã Đông - Trung Hòa	Trảng Bom	Trung Hòa	0,90	166	2015
82	Công viên văn hóa Hùng Vương	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,10	166	2015
83	Trụ sở hạt kiểm lâm liên huyện	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10	166	2015
84	Trường Mầm non bán trú	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	2,99	144	2015
85	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã	Trảng Bom	Xã Đồi 61	1,43	144	2015
86	Trung tâm văn hóa, thể thao, học tập cộng đồng	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	2,50	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
87	Trường MN ấp 2 (Trường Mầm non Trị An -cơ sở 2)	Vĩnh Cửu	Trị An	0,70	144	2015
88	Trụ sở Liên đoàn Lao động huyện	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,13	144	2015
89	Trường MN Lang Minh (Mở rộng phân hiệu Đông Minh)	Xuân Lộc	Lang Minh	0,32	144	2015
90	Mở rộng Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Xuân Lộc	Xuân Bắc	2,06	144	2015
91	QH mầm non Thọ Vực (Phân hiệu 2B)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,68	144	2015
92	Trường Nguyễn Thị Sáu	Biên Hòa	An Hòa	1,00	183	2016
93	Trường TH Trần Văn Ôn	Biên Hòa	Bửu Hòa	1,30	183	2016
94	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Biên Hòa	Bửu Long	1,70	21	2016
95	Trường TH Phước Tân (trong khu TĐC đường Võ Nguyên Giáp)	Biên Hòa	Phước Tân	1,30	21	2016
96	Xây dựng trụ sở cơ quan Sở LĐTBXH mới	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,13	21	2016
97	Trụ sở Bảo hiểm xã hội Biên Hòa	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06	21	2016
98	Trường THCS Tân Biên	Biên Hòa	Tân Biên	1,33	183	2016
99	Trường MN Tân Mai (cơ sở 2)	Biên Hòa	Tân Mai	0,15	21	2016
100	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	0,45	183	2016
101	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (mở rộng)	Định Quán	La Ngà	0,42	183	2016
102	Trụ sở công an xã Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,20	21	2016
103	Trường MN Phú Hoa (ấp 3)	Định Quán	Phú Lợi	1,10	183	2016
104	Trường MN Hoa Phượng	Định Quán	Phú Ngọc	0,08	183	2016
105	Trạm y tế xã Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	0,01	183	2016
106	Trụ sở công an xã Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	0,20	183	2016
107	Trụ sở công an xã Túc Trung	Định Quán	Túc Trung	0,20	183	2016
108	Trường Mẫu giáo Phú Bình (công viên Hòa Bình)	Long Khánh	Phú Bình	0,30	183	2016
109	Trường MN Xuân Bình (Bình Minh)	Long Khánh	Xuân Bình	0,24	21	2016
110	Hạt kiểm lâm liên huyện Xuân Lộc - Long Khánh	Long Khánh	Xuân Tân	0,08	21	2016
111	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,02	183	2016
112	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,04	183	2016
113	Trường TH An Phước (ấp 7)	Long Thành	An Phước	1,66	183	2016
114	Trường MN An Phước (ấp 2)	Long Thành	An Phước	0,52	183	2016
115	Trường TH Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	1,00	183	2016
116	Trường MN Bình Sơn (ấp 1)	Long Thành	Bình Sơn	1,17	183	2016
117	Trụ sở xã đội xã Long An	Long Thành	Long An	0,05	183	2016
118	Trường tiểu học Tập Phước	Long Thành	Long Phước	0,61	183	2016
119	Trường MN Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,30	183	2016
120	Trường Tiểu học Phước Thái	Long Thành	Phước Thái	0,46	183	2016
121	Mở rộng Trường Tiểu học Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,09	183	2016
122	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,04	183	2016
123	Bệnh viện đa khoa huyện (mở rộng)	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,04	183	2016
124	Trường TH Xuân Thạnh (khu A1)	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,04	183	2016
125	Trường MN Hòa Hưng (cơ sở 2) mở rộng	Biên Hòa	An Hòa	0,12	38	2017
126	Đền Quốc Tổ Hùng Vương (mở rộng)	Biên Hòa	Bình Đa	0,02	57	2017
127	Trường MN tại xã Hóa An (mở rộng)	Biên Hòa	Hóa An	0,10	57	2017
128	Trường TH Nguyễn Khắc Hiếu (mở rộng)	Biên Hòa	Hòa Bình	0,02	57	2017
129	Trường TH Tam Phước 4	Biên Hòa	Tam Phước	1,13	38	2017
130	Trường MN Tân Tiến (vị trí TH Tân Tiến cũ)	Biên Hòa	Tân Tiến	1,16	57	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
131	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,47	38	2017
132	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,47	38	2017
133	Phân hiệu trường TH Trần Quốc Tuấn	Định Quán	Gia Canh	0,09	38	2017
134	Trường MN Bé Ngoan điểm ấp Mít Nài (mở rộng)	Định Quán	La Ngà	0,07	38	2017
135	Trường TH La Ngà	Định Quán	La Ngà	0,86	38	2017
136	Trường MN Ngọc Lan ấp Hòa Thành (mở rộng)	Định Quán	Ngọc Định	0,24	38	2017
137	Trường MN Ngọc Lan (mở rộng trụ sở chính)	Định Quán	Ngọc Định	0,10	38	2017
138	Trụ sở công an xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	0,20	38	2017
139	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	Định Quán	Phú Hòa	0,41	38	2017
140	Trường MN Phú Hòa ấp 3	Định Quán	Phú Hòa	0,40	38	2017
141	Trường TH Phú Tân (điểm ấp 1)	Định Quán	Phú Tân	0,35	38	2017
142	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm (mở rộng)	Định Quán	Phú Tân	0,35	38	2017
143	Trường MN Thanh Sơn điểm chính (mở rộng)	Định Quán	Thanh Sơn	0,97	38	2017
144	Trường MN Tuổi Thơ điểm chính	Định Quán	Thanh Sơn	0,57	38	2017
145	Trụ sở công an xã Bảo Vinh	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05	38	2017
146	Trụ sở công an xã Bảo Vinh	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05	38	2017
147	Trung tâm Văn hóa - học tập cộng đồng	Long Khánh	Bàu Trâm	0,34	38	2017
148	Ban chỉ huy quân sự xã Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	0,20	38	2017
149	Trụ sở công an xã Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	0,20	38	2017
150	Ban chỉ huy quân sự xã Phước Thái	Long Thành	Phước Thái	0,20	38	2017
151	Trụ sở công an xã Phước Thái	Long Thành	Phước Thái	0,20	38	2017
152	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấp 2	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,32	38	2017
153	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,72	38	2017
154	Trung tâm thể dục thể thao	Tân Phú	Phú Bình	2,70	38	2017
155	Trường MN Phú Bình (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	0,62	38	2017
156	Trụ sở BCHQS xã	Tân Phú	Phú Điền	0,14	38	2017
157	Trường TH Phú Trung (mở rộng)	Tân Phú	Phú Trung	0,10	38	2017
158	Trường THCS Trà Cỏ (mở rộng)	Tân Phú	Trà Cỏ	0,10	38	2017
159	Trường MN Trà Cỏ	Tân Phú	Trà Cỏ	0,77	38	2017
160	Trung tâm VH-TT xã Trà Cỏ	Tân Phú	Trà Cỏ	0,86	38	2017
161	Trụ sở UBND thị trấn Tân Phú	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,40	38	2017
162	Trụ sở BHXH tại thị trấn Tân Phú	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,15	38	2017
163	Trụ sở công an xã Gia Tân 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,10	38	2017
164	Mở rộng trường TH Phân hiệu Phú Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,30	38	2017
165	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,33	38	2017
166	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Giang Điền	0,10	38	2017
167	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,15	38	2017
168	Trung tâm văn hóa xã	Trảng Bom	Hung Thịnh	1,00	57	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
169	Trường cấp THCS phía Bắc thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,30	38	2017
170	Trường Mầm non Mã Đà (phân hiệu chính)	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,97	38	2017
171	Trụ sở công an xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,20	38	2017
172	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,20	38	2017
173	Trụ sở làm việc ấp Suối Cát 2	Xuân Lộc	Suối Cát	0,18	38	2017
174	Trường MN Xuân Hưng (mở rộng phân hiệu ấp 5)	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,05	38	2017
175	Trường MN Xuân Hưng (mở rộng phân hiệu chính ấp 4)	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,17	38	2017
176	Nhà văn hoá dân tộc Chăm xã Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,33	38	2017
177	Trường THCS Nguyễn Trãi (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,33	38	2017
178	Trụ sở kiểm toán nhà nước khu vực XIII	Biên Hòa	An Bình	0,63	91	2018
179	Trụ sở Tỉnh đoàn Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06	91	2018
180	Xây dựng trụ sở Đội nghiệp vụ số 2 Cục Hải quan	Biên Hòa	Tam Phước	0,39	91	2018
181	Ủy ban Đoàn kết công giáo tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Tân Biên	0,10	113	2018
182	Trung tâm dịch vụ hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	0,90	91	2018
183	Bệnh viện da liễu Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,71	91	2018
184	Trường THCS Trảng Dài 2	Biên Hòa	Trảng Dài	1,80	91	2018
185	Khối đoàn thể phường Trung Dũng (vị trí Quỹ Tín dụng phường)	Biên Hòa	Trung Dũng	0,01	91	2018
186	Trường MN Sơn Ca điểm chính (mở rộng)	Định Quán	Gia Canh	0,34	91	2018
187	Trung tâm VH-TT, HTCD xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	2,50	91	2018
188	Trụ sở Công an xã	Định Quán	Suối Nho	0,23	91	2018
189	Trường TH Suối Nho (mở rộng)	Định Quán	Suối Nho	0,30	91	2018
190	Trường MN Hướng Dương ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,50	91	2018
191	Trụ sở phòng giáo dục (xây mới)	Định Quán	TT.Định Quán	0,22	91	2018
192	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Định Quán	TT.Định Quán	1,10	91	2018
193	Trường Mầm non Tuổi Thơ (phân hiệu ấp 4 xã Bình Lộc)	Long Khánh	Bình Lộc	0,12	91	2018
194	Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng	Long Khánh	Phú Bình	0,20	91	2018
195	Trụ sở BCHQS phường Xuân Bình	Long Khánh	Xuân Bình	0,01	91	2018
196	Trường Mẫu giáo Xuân Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,29	91	2018
197	Trụ sở công an xã Bình An	Long Thành	Bình An	0,20	91	2018
198	Trường MN Phú Lộc (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lộc	0,65	91	2018
199	Trường TH dân tộc Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	1,11	91	2018
200	Trường TH Lê Văn Tám cơ sở 1 (mở rộng)	Tân Phú	Trà Cổ	0,88	91	2018
201	Huyện Ủy	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,55	91	2018
202	Kho bạc Nhà nước huyện Tân Phú	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,20	91	2018
203	Trường MN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,64	91	2018
204	Trường THCS Duy Tân	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,50	91	2018
205	Trường MN An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	0,05	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
206	Trường Mẫu giáo Sao Mai	Trảng Bom	Đông Hòa	0,32	91	2018
207	Trụ sở công an xã Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,14	91	2018
208	Điều chỉnh vị trí trường mầm non Bình Minh và đường vào	Trảng Bom	Hố nai 3	0,50	113	2018
209	Trường TH Trần Phú	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,70	91	2018
210	Trường Mẫu Giáo Hoa Lan	Trảng Bom	Sông Trầu	0,13	91	2018
211	trường tiểu học Nam Cao và đường vào	Trảng Bom	Trung Hòa	0,83	113	2018
212	Mở rộng trường TH Nguyễn Khuyến	Trảng Bom	Trung Hòa	0,25	91	2018
213	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,65	91	2018
214	Trụ sở công an Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,20	91	2018
215	Trường MN Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	1,00	91	2018
216	Trạm y tế xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,26	91	2018
217	Trụ sở công an Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,30	91	2018
218	Trụ sở công an Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	0,16	91	2018
219	Trụ sở UBND xã Suối Cát (mở rộng)	Xuân Lộc	Suối Cát	0,08	91	2018
220	Đền thờ Liệt sỹ huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	TT Gia Ray	2,13	91	2018
221	Trường TH Trần Hưng Đạo (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,20	91	2018
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
222	Đường Đỗ Văn Thi (HL10, đoạn 1)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,70	144	2015
223	Xây dựng cầu An Hảo	Biên Hòa	Hiệp Hoà, An Bình	10,04	166	2015
224	Đường A11 (đường vào trường Phan Bội Châu)	Biên Hòa	Long Bình	2,94	144	2015
225	Xây dựng tuyến đường nối từ khu tái định cư 14,2ha phường Long Bình	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02	166	2015
226	Tuyến cống thoát nước hạ lưu khu TĐC phục vụ dự án QL 1A, đoạn tránh thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Phước Tân	0,16	166	2015
227	Cầu sông Buông và đường dẫn vào cầu tại ấp Miếu	Biên Hòa	Phước Tân	0,82	144	2015
228	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98	144	2015
229	Đường vào trạm bơm tăng áp	Biên Hòa	Tam Phước	0,03	144	2015
230	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Biên Hòa	Tam phước, phước Tân	24,16	144	2015
231	Via hè đường Lê Thánh Tôn	Biên Hòa	Thanh Bình	0,02	144	2015
232	Cải tạo rạch Diên Hồng	Biên Hòa	Thống Nhất	0,76	144	2015
233	Cầu Suối Sắn Máu (Cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,43	144	2015
234	Cải tạo mở rộng đoạn cống thoát nước	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	144	2015
235	Đường huyện Sông Nhạn - Dầu Giây	Các huyện	Sông Nhạn, Bàu Hàm 2	9,97	144	2015
236	Dự án chống ùn tắc giao thông trên QL1	Các huyện	Tân Hòa, Hồ Nai 3	2,05	144	2015
237	Đường trung tâm ấp Tân Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	3,60	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
238	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông (đoạn từ Bảo Bình đi Xuân Tây)	Cẩm Mỹ	Bảo Bình, Xuân Tây	6,40	144	2015
239	Dự án đường dây 110kV Ngãi Giao - Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Long Giao, Xuân Đường	0,15	166	2015
240	Đường nối Hương lộ 10 - ĐT 769	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn, Thừa Đức	14,87	144	2015
241	Đường HL10 đi ấp 8 xã Thừa Đức	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	5,20	144	2015
242	ĐH Xuân Đông - Xuân Tâm (mở rộng)	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	4,50	144	2015
243	Đường TL 765 đi Cọ Dầu	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	2,83	144	2015
244	Đường TL 765 (Nâng cấp mở rộng đoạn từ KM 10 đến KM 28+300)	Cẩm Mỹ	Xuân Đông, Xuân Đông	2,58	144	2015
245	Đường huyện Chốt Mỹ - Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	6,24	144	2015
246	ĐH Xuân Phú - Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	6,00	144	2015
247	Đường vào khu tái định cư ấp 3, xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	2,10	166	2015
248	Mở rộng hệ thống kênh tưới trạm bơm Ba Giọt	Định Quán	Phú Vinh	4,36	144	2015
249	Hệ thống cấp nước sinh hoạt ấp 5 xã Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	0,10	144	2015
250	Tiêu nước cánh đồng Bàu Kiền	Định Quán	Thanh Sơn	21,47	144	2015
251	Cầu treo Thanh Sơn và nhà điều hành	Định Quán	Thanh Sơn	0,17	144	2015
252	Cấp nước nam thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,10	144	2015
253	Đường Lương Thế Vinh	Định Quán	TT.Định Quán	0,40	144	2015
254	Đường Suối Rắc	Định Quán	Túc Trung	3,10	144	2015
255	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc (Suối Đá)	Long Khánh	Bảo Quang	9,30	166	2015
256	Đường tổ 1 Thọ An đi tổ 23 Ruộng Lớn	Long Khánh	Bảo Vinh	3,47	144	2015
257	Đường giao thông nông thôn tổ 10 ấp Tân Phong	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20	166	2015
258	Đường nội ô ấp Phú Mỹ 2	Long Khánh	Xuân Lập	0,10	144	2015
259	Đường số 17 ấp Trung Tâm	Long Khánh	Xuân Lập	0,01	144	2015
260	Đường Suối Phèn	Long Khánh	Xuân Lập	0,01	144	2015
261	Đường dây trung thế vào khu vực Suối Hôn	Long Khánh	Xuân Lập	1,80	144	2015
262	Đường tổ 3A ấp Tân Phong đi khu 8 ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,38	144	2015
263	Đường tổ 31D nối dài ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,31	144	2015
264	Đường tổ 31B Bàu Tra	Long Khánh	Xuân Tân	1,30	144	2015
265	Tuyến thoát nước từ ranh KCN Long Đức ra Suối Nước Trong (GĐ 2)	Long Thành	An Phước	1,86	166	2015
266	Khu vực Sụt trượt dự án đường cao tốc TP.HCM-LT-Dầu Giây	Long Thành	Bình Sơn	0,86	166	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
267	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Long Thành	các xã	7,82	144	2015
268	Tuyến ống nước	Long Thành	L.An, L.Phước	1,48	144	2015
269	Đầu nối hạ tầng khu dân cư An Thuận vào TL25B	Long Thành	Long An	0,20	144	2015
270	Đường vào trường THCS Long Đức	Long Thành	Long Đức	1,53	144	2015
271	Đường ống nước và nhà máy Hồ Cầu Mới	Long Thành	Long Phước, Bàu Cạn	11,38	144	2015
272	Đường ấp 1 - ấp 3	Long Thành	Phước Bình	3,48	144	2015
273	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Tân Hiệp	0,03	144	2015
274	Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 đến rạch Bà Kỳ	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	2,65	144	2015
275	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	6,36	144	2015
276	Dự án Xây dựng cảng xăng dầu tại xã Phú Đông do Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Đông	37,60	166	2015
277	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 2	Nhơn Trạch	Phú Hữu	35,47	144	2015
278	Cảng tổng hợp	Nhơn Trạch	Phước Khánh	10,00	144	2015
279	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,18	166	2015
280	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Nhà Bè	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,14	166	2015
281	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,10	166	2015
282	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Cát Lái	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,08	166	2015
283	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 500KV Phú Mỹ- Nhà Bè	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,20	166	2015
284	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	29,00	144	2015
285	Tháp nước ấp 10	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,03	144	2015
286	Cầu Đa Kai	Tân Phú	Phú Bình	0,20	144	2015
287	Cầu Đa Kai	Tân Phú	Phú Bình	0,30	144	2015
288	Trạm cấp nước tập trung	Tân Phú	Trà Cỏ	0,20	144	2015
289	Hoàn thành vỉa hè đường Nguyễn Đình Chiểu	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,01	144	2015
290	Đường Nguyễn Thị Định	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,30	144	2015
291	Hệ thống thoát nước khu dân cư xóm hó	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,04	144	2015
292	Mương thủy lợi cánh đồng 78a-78b	Thống Nhất	Lộ 25	0,20	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
293	Khu xử lý và đài nước Công trình hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Thạnh	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,35	144	2015
294	Đường số 9 (liên ấp 2-6)	Trảng Bom	An Viễn	1,22	144	2015
295	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Trảng Bom	Giang Điền	5,38	144	2015
296	Trạm biến áp 110 kv Giang Điền và đường dây đầu nối	Trảng Bom	Giang Điền	0,43	166	2015
297	Đường D3 xã Hố Nai 3	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,70	144	2015
298	Đường nối D3 đi D4 Hố Nai 3	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,50	144	2015
299	Đường dân sinh tránh nhà máy xử lý chất thải (Tài Tiến)	Trảng Bom	Sông Thao	0,15	144	2015
300	Đường vào khu thể thao ấp Nhân Hòa	Trảng Bom	Tây Hòa	0,07	144	2015
301	Đường 30/4 (đoạn từ đường 3/2 đến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,30	166	2015
302	Đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,90	144	2015
303	Đường Lương Thế Vinh	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,30	144	2015
304	Đường vào trường MN	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,26	144	2015
305	Đường bến đò Thới Sơn	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,06	144	2015
306	Đường liên ấp 3-4 (tuyến 2)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,16	144	2015
307	Đường Bến đò (tuyến 1)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,54	144	2015
308	Đường Cộ Cây xoài	Vĩnh Cửu	Tân An	4,65	144	2015
309	Đường dây 500kV Sông Máy - Tân Uyên	Vĩnh Cửu	Tân An, Thiện Tân, Thạnh Phú, Bình Lợi, Tân Bình, Bình Hòa	2,82	166	2015
310	Đường liên xóm ấp Vĩnh Hiệp (đường hẻm 5,6,7)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20	144	2015
311	Đường cây Gõ ấp 6	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,13	144	2015
312	Đường xóm Dừa	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,22	144	2015
313	Nâng cấp cải tạo hàng rào, vỉa hè Nghĩa trang liệt sĩ huyện	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,03	144	2015
314	Nạo vét suối cây Khô (nạo vét và đặt cống)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,40	144	2015
315	Đường Vũng Rễ	Vĩnh Cửu	Trị An	0,28	144	2015
316	Đường Hóc Lai (vào vùng K KCN)	Vĩnh Cửu	Trị An	1,90	144	2015
317	Đường xóm Huế nối dài	Vĩnh Cửu	Trị An	1,08	144	2015
318	Đường đò 74	Vĩnh Cửu	Trị An	0,47	144	2015
319	Nạo vét mương thoát lũ Thủy Hội	Vĩnh Cửu	Trị An	4,16	144	2015
320	Đường liên tổ 2-4-5	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	1,59	144	2015
321	Đường Xuân Hiệp - Gia Lào	Xuân Lộc	Các xã	2,00	144	2015
322	Xây dựng đường tổ 23 ấp Suối Cát 1	Xuân Lộc	Suối Cát	0,02	166	2015
323	Cầu tập đoàn 7	Xuân Lộc	Suối Cát, Lang Minh	0,08	144	2015
324	Tuyến kênh dẫn nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	2,60	144	2015
325	Khu xử lý rác thải không nguy hại	Xuân Lộc	Xuân Tâm	20,17	166	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
326	Xây dựng hệ thống cấp treo	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,80	144	2015
327	03 trạm quan trắc tự động môi trường nước	Biên Hòa	các xã	0,01	21	2016
328	Mở rộng hầm chui - cầu tránh đường sắt	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,17	21	2016
329	Dự án Xử lý nhà máy nước thải tại phường Hồ Nai	Biên Hòa	Hồ Nai	2,40	183	2016
330	Xây dựng hạ tầng, cây xanh - C.ty TNHH MTV Dầu khí Đồng Tháp	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,37	21	2016
331	Bến xe Biên Hòa 2	Biên Hòa	Phước Tân	4,06	183	2016
332	Trạm biến áp 110KV An Phước và hướng tuyến đường dây nối xã Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước	0,70	183	2016
333	Đường vào trường THCS Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,40	183	2016
334	Đường Long Giao - Bảo Bình	Cẩm Mỹ	Long Giao, Bảo Bình	8,72	21	2016
335	Đường 72 xã Sông Ray	Cẩm Mỹ	Sông Ray	15,68	183	2016
336	Đường vào cụm công nghiệp Long Giao	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	2,40	21	2016
337	Hệ thống cấp nước tập trung Xuân Mỹ	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,03	21	2016
338	Đường Xoài Quéo (đường Bàu Đục - Phú Mỹ)	Long Khánh	Bàu Sen	2,04	183	2016
339	Đường mùa Hè Xanh	Long Khánh	Bàu Trâm	0,78	183	2016
340	Đường từ trường học ấp Cây Da đi ngã 3 Lộc Na	Long Khánh	Bình Lộc	1,75	21	2016
341	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tập trung	Long Khánh	Hàng Gòn	0,10	21	2016
342	Đường tổ 37 ấp Hàng Gòn (Mở rộng)	Long Khánh	Hàng Gòn	0,40	183	2016
343	Đường dây 500 kV (Vĩnh Tân-Sông Mỹ)	Long Khánh	S.Tre; B.Lộc	0,01	183	2016
344	Đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (XD tuyến đường nối từ CMT8 sang NTM Khai)	Long Khánh	Xuân Hòa	3,04	21	2016
345	Đường vào vùng khuyến khích chăn nuôi Cầu Be	Long Khánh	Xuân Lập	1,01	183	2016
346	Giếng khoan quan trắc (TD13)	Long Thành	An Phước	0,00	21	2016
347	Giếng khoan quan trắc (NB14A, NB14B)	Long Thành	Bàu Cạn	0,00	21	2016
348	Đường vào khu chăn nuôi tập trung	Long Thành	Bàu Cạn	0,50	183	2016
349	Đường vào khu chăn nuôi tập trung	Long Thành	Bàu Cạn	0,50	183	2016
350	Giếng khoan quan trắc (TD25)	Long Thành	Lộc An	0,00	21	2016
351	Dự án Nhà máy Giấy Tân Mai Miền Đông (mương thoát nước)	Long Thành	Long Phước	1,90	21	2016
352	Giếng khoan quan trắc (TD10)	Long Thành	Tân Hiệp	0,00	21	2016
353	Trạm bơm bến thuyền	Tân Phú	Phú Bình	0,04	183	2016
354	Cầu Đồng Hiệp	Tân Phú	Phú Điền	0,75	183	2016

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
355	Nạo vét suối Đa Tôn	Tân Phú	Phú Thanh, Thanh Sơn, Phú Lâm	6,70	183	2016
356	Hệ thống cấp nước tập trung (ấp 4)	Tân Phú	Tà lài	0,04	183	2016
357	Đường điện 500 kV TTĐL Vĩnh Tân –Rẽ Sông Mây – Tân Uyên	Thống Nhất	Các xã	1,70	183	2016
358	Đường từ Trung tâm xã Hố Nai 3 đi 2 ấp Đông Hải và Lộ Đức	Trảng Bom	Hố Nai 3	1,95	183	2016
359	Đường Lê Quang Định	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,21	21	2016
360	Đường Nguyễn Hữu Cánh từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,73	21	2016
361	Tuyến mương thoát nước từ KP4 đến Suối Đá	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,44	21	2016
362	Đường dây 110KV Trị An - Vĩnh An (cải tạo các móng trụ)	Vĩnh Cửu	Các xã	0,20	21	2016
363	Đường liên xã Thanh Phú - Tân Bình - Bình Lợi (đường Ông Bình)	Vĩnh Cửu	Các xã	0,59	21	2016
364	Đường liên xã Thanh Phú - Tân Bình - Bình Lợi (đường Ông Bình)	Vĩnh Cửu	Các xã	1,89	21	2016
365	Bến thủy nội địa (Công ty TNHH MTV Khang Khoa)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,70	21	2016
366	Mở rộng bến thủy nội địa (bến 1)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,25	183	2016
367	Mở rộng bến thủy nội địa (bến 2)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,13	183	2016
368	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng ĐT 768 (các hộ còn lại)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân, Tân An	0,10	21	2016
369	Nạo vét Suối Sâu	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An,Vĩnh Tân	23,59	183	2016
370	Đường dây điện 500KV Vĩnh Tân rẽ Sông Mây	Xuân Lộc	Các xã	0,40	183	2016
371	Đường Xuân Bắc - Long Khánh (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	4,67	21	2016
372	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	3,85	21	2016
373	Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Phú	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,15	183	2016
374	Mở rộng đường vào núi Chứa Chan (đường vào chùa Gia Lào)	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,52	183	2016
375	Đường vào trường Nguyễn Thị Sáu	Biên Hòa	An Hòa	0,27	38	2017
376	Đường song hành QL1 tại khu vực Amata	Biên Hòa	Long Bình	0,05	38	2017
377	Xây dựng đường D1 khu dân cư theo quy hoạch tại khu phố Bình Dương - Công ty An Hưng Phát	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,07	38	2017
378	Dự án nạo vét suối Sân Máu (đoạn bổ sung từ điểm cuối K6 + 052 đến sông Cái)	Biên Hòa	Tân Mai, Thống Nhất	0,32	38	2017
379	Hầm chui ngã tư Tân Phong	Biên Hòa	Tân Tiến, Trảng Dài	0,02	38	2017
380	Đường vào trường THCS Nguyễn Văn trỗi và trường MN Tân Vạn	Biên Hòa	Tân Vạn	0,07	38	2017
381	Trạm trung chuyển rác	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,05	38	2017
382	Trạm trung chuyển rác	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,02	38	2017
383	Đường dân sinh (đọc đường cao tốc)	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	2,55	38	2017
384	Mương thoát lũ (đọc đường cao tốc)	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,19	38	2017
385	Đường 107 - Tư Sở	Định Quán	Thanh Sơn	6,46	38	2017
386	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	Định Quán	TT.Định Quán	0,40	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
387	Xây dựng, nâng cấp hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Long Thành	Long Thành	TT.Long Thành	1,38	38	2017
388	Trạm bơm dã chiến ấp 8	Tân Phú	Đắc Lua	0,35	38	2017
389	Trạm bơm ấp 3	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,10	38	2017
390	Trạm bơm ấp 6A, 6B	Tân Phú	Núi Tượng	0,04	38	2017
391	Đường Năm Rươi (mở rộng đoạn từ ấp 2 đến bến đò)	Tân Phú	Phú Thịnh	1,52	38	2017
392	Hệ thống cấp nước tập trung	Tân Phú	Thanh Sơn	0,22	38	2017
393	Đường Hùng Vương (đoạn từ khu tái định cư 9,7 ha đến trường TH Nguyễn Huệ và đoạn từ khu tái định cư 9,7 ha đến Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao)	Tân Phú	TT. Tân Phú	1,30	38	2017
394	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ khu tái định cư 9,7 ha đến đường Nguyễn Tri Phương)	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,43	38	2017
395	Đường Song hành phía đông Quốc Lộ 20	Thống Nhất	Các xã	26,00	38	2017
396	Đường Tây Hòa - Trung Hòa	Trảng Bom	Các xã	7,57	38	2017
397	Mở rộng đường Sông Dinh (8m)	Trảng Bom	Tây Hòa	0,42	38	2017
398	Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ	Trảng Bom	Thanh Bình	0,21	38	2017
399	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,60	38	2017
400	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	9,05	38	2017
401	Hệ thống cấp nước tập trung	Trảng Bom	Xã Đồi 61	0,05	38	2017
402	Đường dây Sông Mây, uyên Hưng 220kv	Vĩnh Cửu	Tân An	0,02	38	2017
403	Bến thủy nội địa (Công ty TNHH Bảo Kim Ngân)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,60	38	2017
404	Đường Quang Trung nối dài (từ ngã tư UBND huyện đến giáp đường Lê Quý Đôn)	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	3,26	38	2017
405	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 768 (đoạn từ nút giao ĐT.767 đến nút giao ĐT.762) đoạn qua thị trấn Vĩnh An	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	2,50	57	2017
406	Kênh mương (ấp Bưng Cản)	Xuân Lộc	Bảo Hòa	0,11	38	2017
407	Đường Xuân Trường - Trảng Táo	Xuân Lộc	các xã	14,78	38	2017
408	Tỉnh lộ 765 (GD 2)	Xuân Lộc	Các xã	7,00	38	2017
409	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (mở rộng)	Xuân Lộc	TT Gia Ray	0,30	38	2017
410	Đường Tân Hữu - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	29,44	38	2017
411	Đường Xuân Thành - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	25,60	38	2017
412	Cầu Đồng Nai mới và tuyến 2 đầu cầu từ ngã 3 Tân Vạn đến điểm cuối tuyến QL1 tránh TPBH	Biên Hòa	An Bình; Long Bình Tân	0,29	91	2018
413	Đường dây 110 kV; 220 kV đầu nối vào Trạm biến áp 500 kV Tân Uyên	Biên Hòa	Bửu Hòa; Hóa An; Tân Hạnh	1,60	91	2018
414	Nút giao thông ngã tư Amata và Tam Hiệp	Biên Hòa	Các phường	0,03	91	2018
415	Giếng khoan nghiên cứu địa chất thủy văn (TD46)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,01	91	2018
416	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghènh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,46	91	2018
417	Đường dẫn vào Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	0,18	91	2018
418	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-9A, NB-9B)	Biên Hòa	Long Bình	0,02	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
419	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-10)	Biên Hòa	Long Bình	0,01	91	2018
420	Giếng khoan nghiên cứu địa chất thủy văn (TD40)	Biên Hòa	Long Bình	0,01	91	2018
421	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (TD36)	Biên Hòa	Phước Tân	0,01	91	2018
422	Chỉnh trang vỉa hè đường Phạm Văn Thuận	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,01	113	2018
423	Trạm bơm kết hợp quan trắc tự động	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,01	91	2018
424	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-12A, NB-12B)	Biên Hòa	Tam Phước	0,00	91	2018
425	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (TD29)	Biên Hòa	Tam Phước	0,01	91	2018
426	Dự án nạo vét suối Săn Máu (đoạn đầu của nhánh suối chính, xuất phát từ phường Tân Hòa đến cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Tân Hòa, Trảng Dài, Tân Biên, Hồ Nai	2,75	91	2018
427	Trụ RMU và Trạm Compact Tam Hiệp	Biên Hòa	Tân Mai	0,00	91	2018
428	Đường Lê A (mở rộng)	Biên Hòa	Tân Tiến	0,07	91	2018
429	Đường vào trạm bơm số 1	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02	91	2018
430	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-6A; NB-6B)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,00	91	2018
431	Chống ngập úng tại ngã 5 Biên Hùng	Biên Hòa	Trung Dũng, Thanh Bình	0,68	91	2018
432	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,80	113	2018
433	Trạm bơm nước Hồ Sông Ray	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,11	91	2018
434	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,01	91	2018
435	Hồ Sông Ray (mở rộng)	Cẩm Mỹ	Sông Ray, Lâm San	4,73	91	2018
436	Đường Rừng Tre - La Hoa	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	1,80	91	2018
437	Công trình khoan quan trắc động thái nước dưới đất	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,01	113	2018
438	Cầu Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,28	91	2018
439	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Điền	Định Quán	Phú Hòa	0,20	91	2018
440	Đường bao điểm công nghiệp Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,47	91	2018
441	Đường 11B	Định Quán	Túc Trưng	0,07	91	2018
442	Nhà máy xử lý rác sinh hoạt (mở rộng)	Định Quán	Túc Trưng	7,00	91	2018
443	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Bầu Cối xã Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,10	91	2018
444	Đường Ruộng đồng - Ruộng tràm	Long Khánh	Bầu Tràm	0,31	91	2018
445	Lưới điện trung thế nông thôn sinh hoạt thị xã (tuyến tổ 24 ấp Suối Tre)	Long Khánh	Suối tre	0,83	113	2018
446	Đường số 4 (Suối Tre)	Long Khánh	Suối Tre	1,06	91	2018
447	Đường vào trường Bình Minh	Long Khánh	Xuân Bình	0,06	91	2018
448	Lưới điện trung thế nông thôn sinh hoạt thị xã (tuyến tổ 8, khu Suối Hôn, xã Xuân Lập)	Long Khánh	Xuân Lập	1,40	113	2018
449	Cống thoát nước khu dân cư D2D	Long Thành	Lộc An	0,18	91	2018
450	Tuyến thoát nước ngoài hàng rào KCN Lộc An- Bình Sơn	Long Thành	Long An	0,30	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
451	Tuyến cấp nước D1200 (giai đoạn 2, đoạn từ Quốc lộ 51 đến khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6	Long Thành	Long Phước	2,64	113	2018
452	Trường Mầm non Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,66	91	2018
453	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	0,43	91	2018
454	Cầu Đạ-Huoi	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,15	91	2018
455	Trạm bơm Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	2,14	91	2018
456	Cầu Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	0,20	91	2018
457	Đường vào khu công nghiệp (đoạn từ ranh khu TMDV 55 ha đến ranh khu công nghiệp)	Tân Phú	TT. Tân Phú	1,50	91	2018
458	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa xả số 6 khu công nghiệp Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30	91	2018
459	Hệ thống kênh mương thủy lợi cánh đồng 78A - 78B	Thống Nhất	Lộ 25	5,00	91	2018
460	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc	Thống Nhất	Xuân Thiện	8,30	91	2018
461	Đường cây Da áp Tân Hoa - Tân Hợp (Nâng cấp, mở rộng đường từ đường 19/5 đến chùa Pháp Bảo)	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,84	91	2018
462	Nâng cấp mở rộng đường nối đường Hưng long- Lộ 25 với đường Đông Hòa 07km (đường dốc Độc)	Trảng Bom	Đông Hòa	0,25	91	2018
463	Đường liên xã Hưng Lộc - Hưng Thịnh - Đông Hòa (khu chăn nuôi tập trung)	Trảng Bom	Hưng Thịnh	2,40	91	2018
464	Khu xử lý chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt (giai đoạn 3)	Trảng Bom	Sông Thao, Tây Hòa	28,60	91	2018
465	Đường liên xã Tây Hòa - Trung Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa	2,20	91	2018
466	Nhựa hóa, mở mới đường liên xã Tây Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa, Đồi 61	0,50	91	2018
467	Mở rộng nâng cấp đường từ đường lô 42 đến Trường An	Trảng Bom	Thanh Bình	2,20	91	2018
468	Đường An Bình -Bàu Cá (Nghĩa địa Bàu Cá hay còn gọi là đường số 4)	Trảng Bom	Trung Hòa	2,00	91	2018
469	Tỉnh lộ 761 nối dài (đoạn từ ngã ba Mũi Dùi đến hết khu dân cư ấp 2, xã Phú Lý)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	2,00	91	2018
470	Đường Bùng Binh	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,00	91	2018
471	Bến thủy nội địa tại xã Thiện Tân (DNTN Bích Liên)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,21	91	2018
472	Đường vào cơ sở cai nghiện	Xuân Lộc	Suối Cao	1,20	91	2018
473	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	2,70	113	2018
474	Mở rộng nút giao thông giữa đường Hùng Vương và Quốc lộ 1 (trước bưu điện huyện)	Xuân Lộc	TT Gia Ray, Xuân Hiệp	2,83	91	2018
475	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (Đoạn từ QL.1A đến đường Song hành)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	0,20	91	2018
476	Kênh mương ấp 1, ấp 3 Xuân Tâm	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,13	91	2018
477	Trụ điện T38, T39	Biên Hòa	Bửu Hòa	0,11	113	2018
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
478	Nhà văn hóa ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,03	128	2014

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
479	Khu dân cư tái định cư Bửu Hòa - Tân Vạn	Biên Hòa	Bửu Hòa	21,30	144	2015
480	Khu dân cư phục vụ tái định cư nối khu tái định cư (khu F) với Khu dân cư Đình Tân Lại (Công ty TNHH Phúc Hiếu)	Biên Hòa	Bửu Long	2,60	144	2015
481	Khu dân cư phục vụ tái định cư tại xã Hiệp Hòa (Ban Quản lý dự án thành phố)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	4,80	144	2015
482	Giáo xứ Xuân Trà	Biên Hòa	Hố Nai	0,08	144	2015
483	Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh doanh tại phường Long Bình Tân (Công ty An Hưng Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	2,20	144	2015
484	Dự án tái định cư của Công ty Anh Vinh	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,80	166	2015
485	Nhà văn hóa ấp Đồng	Biên Hòa	Phước Tân	0,05	144	2015
486	Văn phòng khu phố 2	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,02	144	2015
487	Văn phòng Khu phố 2	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,02	144	2015
488	Văn phòng Khu phố 2	Biên Hòa	Tam Hòa	0,01	144	2015
489	Khu tái định cư	Biên Hòa	Tân Hạnh	3,05	144	2015
490	Văn phòng khu phố 5	Biên Hòa	Tân Mai	0,02	144	2015
491	Văn phòng khu phố 6	Biên Hòa	Tân Mai	0,02	144	2015
492	Văn phòng khu phố 1	Biên Hòa	Tân Mai	0,02	144	2015
493	Văn phòng khu phố 1	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02	144	2015
494	Văn phòng khu phố 5	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02	144	2015
495	Văn phòng khu phố 6	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02	144	2015
496	Văn phòng 2 khu phố (4,6)	Biên Hòa	Trung Dũng	0,02	144	2015
497	Nhà văn hoá ấp Tân Hoà	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,03	144	2015
498	Nhà văn hoá ấp Tân Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05	144	2015
499	Nhà văn hoá ấp Lò Than	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05	144	2015
500	Nhà văn hoá ấp Tân Xuân	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05	144	2015
501	Nhà văn hoá ấp 1	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,04	144	2015
502	Nhà văn hoá ấp 3	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,05	144	2015
503	Nhà văn hoá ấp 6	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,04	144	2015
504	Nhà văn hoá cụm ấp 1,2,3	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,30	144	2015
505	Nhà văn hoá cụm ấp 4,5,6	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,39	144	2015
506	Nhà văn hoá cụm ấp 7,8	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,16	144	2015
507	Nhà văn hoá ấp 1	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,10	144	2015
508	Nhà văn hoá ấp 7	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,04	144	2015
509	Nhà văn hoá ấp Tân Mỹ	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,03	144	2015
510	Tịnh thất Viên An	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,59	144	2015
511	Nhà văn hóa ấp Láng Me 1	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04	144	2015
512	Nhà văn hóa ấp La Hoa	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05	144	2015
513	Nhà văn hoá ấp Láng Me 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05	144	2015
514	Nhà văn hoá ấp Thoại Hương	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
515	Nhà văn hoá ấp Cọ Dầu 1	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05	144	2015
516	Nhà văn hoá ấp Cọ Dầu 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05	144	2015
517	Nhà văn hoá ấp Suối Nhát	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04	144	2015
518	Cộng đoàn Đa minh thánh thể Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,06	144	2015
519	Nhà văn hoá ấp Suối Râm	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,04	144	2015
520	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2/97	Định Quán	La Ngà	0,12	144	2015
521	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Quý 1	Định Quán	La Ngà	0,03	144	2015
522	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Mít Nài	Định Quán	La Ngà	0,03	144	2015
523	Phước Nghiêm Bửu Tự	Định Quán	La Ngà	0,49	144	2015
524	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Thuận	Định Quán	Ngọc Định	0,18	144	2015
525	Chùa Tịnh Quang	Định Quán	Ngọc Định	0,39	144	2015
526	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Tân	Định Quán	Phú Cường	0,03	144	2015
527	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Dông	Định Quán	Phú Cường	0,05	144	2015
528	Giáo xứ Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,63	144	2015
529	Sân thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16	144	2015
530	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Định Quán	Phú Tân	0,19	144	2015
531	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Định Quán	Phú Tân	0,05	144	2015
532	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Cây Xăng	Định Quán	Phú Túc	0,02	144	2015
533	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Chợ	Định Quán	Phú Túc	0,04	144	2015
534	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa 1	Định Quán	Phú Túc	0,24	144	2015
535	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa 2	Định Quán	Phú Túc	0,07	144	2015
536	Tịnh thất Pháp Độ	Định Quán	Phú Túc	0,76	144	2015
537	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Chợ	Định Quán	Suối Nho	0,05	144	2015
538	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Định Quán	Suối Nho	0,03	144	2015
539	Nhà thi đấu đa năng của huyện	Định Quán	TT.Định Quán	2,59	144	2015
540	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 94	Định Quán	Túc Trung	0,50	144	2015
541	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Suối Dzui	Định Quán	Túc Trung	0,16	144	2015
542	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Thắng 2	Định Quán	Túc Trung	0,12	144	2015
543	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 1	Định Quán	Túc Trung	0,03	144	2015
544	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 3	Định Quán	Túc Trung	0,13	144	2015
545	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình	Định Quán	Túc Trung	0,26	144	2015
546	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồng Xoài	Định Quán	Túc Trung	0,07	144	2015
547	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Thắng 1	Định Quán	Túc Trung	0,04	144	2015
548	Chùa Từ Thiện	Định Quán	Túc Trung	0,17	144	2015
549	Nhà văn hóa dân tộc Chơ Ro	Định Quán	Túc Trung	0,51	144	2015
550	Chợ Bàu Sen	Long Khánh	Bàu Sen	0,08	144	2015
551	Nhà văn hóa ấp Bàu Trâm	Long Khánh	Bàu Trâm	0,05	144	2015
552	Nhà văn hóa ấp Bàu Sấm	Long Khánh	Bàu Trâm	0,05	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
553	Nhà văn hóa khu phố 2	Long Khánh	Xuân Trung	0,04	144	2015
554	Khu nhà ở công nhân (Cty TM Lộc Khang)	Long Thành	An Phước	1,50	144	2015
555	Nghĩa địa huyện Long Thành	Long Thành	Bình An	52,00	144	2015
556	Nhà văn hóa ấp 8	Long Thành	Bình Sơn	0,10	144	2015
557	Khu tái định cư Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	282,73	144	2015
558	Chợ Cẩm Đường	Long Thành	Cẩm Đường	0,27	144	2015
559	Nhà văn hóa ấp Hiền Đức	Long Thành	Phước Thái	0,05	144	2015
560	Nhà văn hóa ấp Hiền Hòa	Long Thành	Phước Thái	0,05	144	2015
561	Công viên nghĩa trang	Long Thành	Tân Hiệp	50,00	144	2015
562	Tu xá chúa Thánh Linh	Long Thành	TT. Long Thành	0,10	144	2015
563	Tu xá mẹ Mân Côi 2	Long Thành	TT. Long Thành	0,20	144	2015
564	Chợ và khu phố thương mại trong KDC Đại Lộc	Nhơn Trạch	Đại Phước	0,23	144	2015
565	Khu dân cư Phước An	Nhơn Trạch	Phước An	10,39	144	2015
566	Trung tâm văn hoá thể dục thể thao	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,38	144	2015
567	Chùa Phước Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,22	144	2015
568	Mở rộng chùa Phước Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,08	144	2015
569	Mở rộng giáo xứ Đồng Hiệp (GĐ1)	Tân Phú	Phú Điền	0,31	144	2015
570	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,03	144	2015
571	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,03	144	2015
572	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03	144	2015
573	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,02	144	2015
574	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03	144	2015
575	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,03	144	2015
576	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,07	144	2015
577	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03	144	2015
578	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,04	144	2015
579	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Mây (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,18	144	2015
580	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Giang Điền	Tân Phú	Phú Thanh	0,05	144	2015
581	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,20	144	2015
582	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,20	144	2015
583	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Tân Phú	Phú Thịnh	0,03	144	2015
584	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 1	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	144	2015
585	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
586	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 3	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	144	2015
587	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	144	2015
588	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	144	2015
589	Họ đạo cao đài	Tân Phú	Trà Cổ	0,13	144	2015
590	Họ đạo Cao đài Tân Phú	Tân Phú	Trà Cổ	0,13	144	2015
591	Chợ Phan Bội Châu	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30	144	2015
592	Chùa Tịnh Quang	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,13	144	2015
593	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 2	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05	144	2015
594	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đông Kim	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,03	166	2015
595	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 2	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05	144	2015
596	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04	166	2015
597	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đông Bắc	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,02	166	2015
598	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Dốc Mơ 2	Thống Nhất	Gia Tân 1	0,06	144	2015
599	Trung tâm mục vụ	Thống Nhất	Gia Tân 1	4,43	166	2015
600	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Long 3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05	144	2015
601	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05	144	2015
602	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,09	144	2015
603	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	144	2015
604	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hưng Hiệp	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,05	144	2015
605	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nguyễn Huệ 1	Thống Nhất	Quang Trung	0,05	144	2015
606	Nghĩa địa huyện Thống Nhất	Thống Nhất	Quang Trung	39,82	144	2015
607	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 9 / 4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,05	144	2015
608	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp ấp 5	Trảng Bom	An Viễn	0,03	166	2015
609	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp ấp 6	Trảng Bom	An Viễn	0,05	166	2015
610	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp ấp Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,07	166	2015
611	TT Văn hóa thể thao học tập cộng đồng xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,30	166	2015
612	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Việt	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,04	144	2015
613	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Suối Tiên	Trảng Bom	Cây Gáo	0,05	144	2015
614	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình	Trảng Bom	Đông Hòa	0,04	144	2015
615	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình (mở rộng)	Trảng Bom	Giang Điền	0,01	144	2015
616	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc liên ấp Xây dựng - Bảo vệ	Trảng Bom	Giang Điền	0,04	166	2015
617	TT Văn hóa thể thao học tập cộng đồng xã Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,50	166	2015
618	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,05	144	2015
619	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hưng Long	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,08	144	2015
620	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng	Trảng Bom	Sông Thao	0,25	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
621	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nhân Hòa	Trảng Bom	Tây Hòa	0,06	144	2015
622	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Trung Tâm	Trảng Bom	Thanh Bình	0,05	144	2015
623	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Cá	Trảng Bom	Trung Hòa	0,08	144	2015
624	Khu tái định cư	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,30	144	2015
625	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05	144	2015
626	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,30	144	2015
627	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,05	144	2015
628	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,13	144	2015
629	Linh Sơn Cổ Tự	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,84	144	2015
630	Nhà văn hóa khu phố 8	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,03	144	2015
631	Nhà văn hóa khu phố 4	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,04	144	2015
632	Trạm y tế Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	0,38	144	2015
633	Nghĩa trang huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	Xuân Tâm	14,30	144	2015
634	Chùa Từ Bi	Biên Hòa	Phước Tân	0,09	21	2016
635	Chợ Lâm San	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,18	183	2016
636	Chợ Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,30	183	2016
637	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Gia Canh	0,05	21	2016
638	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Hòa	0,10	183	2016
639	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Tân	0,03	183	2016
640	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 8	Định Quán	Phú Tân	0,03	183	2016
641	Nhà văn hóa ấp 4 kết hợp Khu thể thao các ấp 1, 2, 3, 4	Định Quán	Phú Vinh	0,15	183	2016
642	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Ba tầng	Định Quán	Phú Vinh	0,20	183	2016
643	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Soong 1	Định Quán	Phú Vinh	0,18	183	2016
644	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Soong 2	Định Quán	Phú Vinh	0,04	183	2016
645	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Suối Nho	0,03	183	2016
646	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 1	Định Quán	Thanh Sơn	0,10	21	2016
647	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 7	Định Quán	Thanh Sơn	0,20	183	2016
648	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Thanh Sơn	0,20	21	2016
649	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Hòa Bình	Định Quán	Túc Trung	0,16	183	2016
650	Nhà triển lãm và văn phòng TTVH thể thao thị xã	Long Khánh	Xuân Bình	0,67	21	2016
651	Nhà văn hóa khu phố 2 phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,04	183	2016
652	Giáo xứ Nghĩa Yên	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,04	183	2016
653	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Tân Phú	Đắc Lua	0,11	21	2016
654	Nghĩa địa ấp 10 (mở rộng)	Tân Phú	Đắc Lua	2,73	21	2016
655	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5B	Tân Phú	Đắc Lua	0,05	21	2016
656	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Tân Phú	Đắc Lua	0,23	21	2016
657	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc 07 ấp	Tân Phú	Phú Bình	0,33	183	2016

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
658	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Tân Phú	Phú Điền	0,05	183	2016
659	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Tân Phú	Phú Điền	0,05	21	2016
660	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 7	Tân Phú	Phú Lộc	0,03	183	2016
661	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 8	Tân Phú	Phú Lộc	0,03	183	2016
662	Trung tâm VH-TT xã Phú Sơn	Tân Phú	Phú Sơn	0,37	183	2016
663	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Tân Phú	Phú Thịnh	0,06	183	2016
664	Trung tâm văn hóa thể thao	Tân Phú	Phú Trung	0,90	183	2016
665	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc 03 ấp	Tân Phú	Phú Trung	0,13	183	2016
666	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Bình	Trảng Bom	Bình Minh	0,05	183	2016
667	Trung tâm VH-TT, học tập cộng đồng xã Hồ Nai 3	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,50	183	2016
668	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc khu phố 4	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10	183	2016
669	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,13	183	2016
670	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22	183	2016
671	Chùa Thiên Ân	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	0,63	183	2016
672	Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	Biên Hòa	An Hòa	0,32	38	2017
673	Khu nhà ở xã hội	Biên Hòa	Tam Hòa	0,75	38	2017
674	Nghĩa địa ấp 4 (mở rộng)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,47	38	2017
675	Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,09	38	2017
676	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Định Quán	Gia Canh	0,10	38	2017
677	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Gia Canh	0,07	38	2017
678	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Gia Canh	0,04	38	2017
679	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	La Ngà	0,05	38	2017
680	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Định Quán	Ngọc Định	0,03	38	2017
681	Nhà văn hóa ấp Hòa Thành	Định Quán	Ngọc Định	0,10	38	2017
682	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Phú Tâm	Định Quán	Phú Cường	0,07	38	2017
683	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Hòa	0,05	38	2017
684	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Định Quán	Phú Lợi	0,08	38	2017
685	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 3	Định Quán	Phú Lợi	0,10	38	2017
686	Đường và khu tái định cư ấp 3 xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	10,70	38	2017
687	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	Phú Lợi	0,03	38	2017
688	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Tân	0,03	38	2017
689	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Định Quán	Phú Tân	0,07	38	2017
690	Nhà văn hóa ấp 2	Định Quán	Phú Vinh	0,11	38	2017
691	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Phú Vinh	0,11	38	2017
692	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Suối Nho	0,18	38	2017
693	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Suối Nho	0,04	38	2017
694	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	Suối Nho	0,08	38	2017
695	Khu tái định cư chợ Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	0,24	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
696	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Định Quán	Thanh Sơn	0,17	38	2017
697	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 4	Định Quán	Thanh Sơn	0,28	38	2017
698	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Định Quán	Thanh Sơn	0,21	38	2017
699	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 6	Định Quán	Thanh Sơn	0,54	38	2017
700	Nhà văn hóa ấp 1	Long Khánh	Bình Lộc	0,05	38	2017
701	Khu đất tái định cư 4D	Long Khánh	Xuân Lập	1,13	38	2017
702	Nhà văn hóa ấp 2	Long Thành	Tam An	0,04	38	2017
703	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Tân Phú	Đắc Lua	0,05	38	2017
704	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 11	Tân Phú	Đắc Lua	0,10	38	2017
705	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Tân Phú	Đắc Lua	0,10	38	2017
706	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Dũng	Tân Phú	Phú Bình	0,03	38	2017
707	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Kiên	Tân Phú	Phú Bình	0,03	38	2017
708	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Phú Điền	0,05	38	2017
709	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Tân Phú	Phú Điền	0,05	38	2017
710	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Tân Phú	Phú Lộc	0,03	38	2017
711	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Tân Phú	Phú Thịnh	0,06	38	2017
712	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Tân Phú	Phú Thịnh	0,07	38	2017
713	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Phú Thịnh	0,03	38	2017
714	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Lợi	Tân Phú	Phú Trung	0,04	38	2017
715	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Thắng	Tân Phú	Phú Trung	0,05	38	2017
716	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 3	Tân Phú	Phú Xuân	0,04	38	2017
717	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Chim	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	38	2017
718	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	38	2017
719	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 3	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	38	2017
720	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Ngọc Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	38	2017
721	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Chim	Tân Phú	Phú Xuân	0,03	38	2017
722	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,04	38	2017
723	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Tân Phú	Trà Cổ	0,05	38	2017
724	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	Tân Phú	Trà Cổ	0,13	38	2017
725	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Tân Phú	Trà Cổ	0,05	38	2017
726	Giáo xứ Bình Lộc	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,20	38	2017
727	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Trảng Bom	An Viễn	0,04	38	2017
728	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Trảng Bom	Sông Trầu	0,05	38	2017
729	Chợ Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,84	38	2017
730	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05	38	2017
731	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,12	38	2017
732	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,06	38	2017
733	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP1	Biên Hòa	An Bình	0,02	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
734	Đình Bình Long - Miếu Bà Ngũ Hành	Biên Hòa	Bửu Hòa	0,06	91	2018
735	Khu tái định cư Hiệp Hòa (ấp Nhị Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,49	91	2018
736	Chùa Trúc Lâm Viên Nghiêm	Biên Hòa	Long Bình	0,21	91	2018
737	Khu tái định cư phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,52	91	2018
738	Khu tái định cư số 51 (xây dựng hạ tầng)	Biên Hòa	Tân Biên	1,73	91	2018
739	Mở rộng chợ Sắt	Biên Hòa	Tân Biên	0,08	91	2018
740	Khu dân cư và tái định cư số 55 (xây dựng hạ tầng)	Biên Hòa	Tân Hiệp	4,64	91	2018
741	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP5	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,05	91	2018
742	Khu dân cư số 83	Biên Hòa	Trảng Dài	4,50	91	2018
743	Tịnh xá Ngọc Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,47	91	2018
744	Giáo xứ Gia Vinh	Cẩm Mỹ	Lâm San	2,00	91	2018
745	Giáo xứ Thiên Đức	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	1,55	91	2018
746	Chi hội Tin lành Xuân Đông	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,20	91	2018
747	Giáo xứ Suối Cả	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,31	91	2018
748	Giáo xứ Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,68	91	2018
749	Chùa Huyền Quang	Định Quán	La Ngà	0,31	91	2018
750	Nhà văn hóa ấp Hòa Hiệp	Định Quán	Ngọc Định	0,03	91	2018
751	Chùa Phước Lộc	Định Quán	Ngọc Định	1,14	91	2018
752	Chi hội Tin Lành Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	0,10	91	2018
753	Thiền viện Trúc Lâm Chân pháp (mở rộng)	Định Quán	Phú Vinh	0,62	91	2018
754	Nhà văn hóa ấp 4	Định Quán	Phú Vinh	0,05	91	2018
755	Giáo xứ Xuân Kiên	Định Quán	Thanh Sơn	0,47	91	2018
756	Giáo xứ Minh Long	Long Thành	Bình An	0,40	91	2018
757	Nghĩa trang Bình An (mở rộng - đấu giá)	Long Thành	Bình An	50,00	113	2018
758	Khu tái định cư Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	284,00	91	2018
759	Công viên nghĩa trang Long Đức	Long Thành	Long Đức	58,00	91	2018
760	Nhà văn hóa ấp Vĩnh Tuy	Nhơn Trạch	Long Tân	0,05	91	2018
761	Khu dân cư đô thị	Nhơn Trạch	Phước Thiện	12,66	91	2018
762	Nhà văn hóa ấp Phú Hợp A, Phú Hợp B	Tân Phú	Phú Bình	0,03	91	2018
763	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (điểm 1)	Tân Phú	Phú Lộc	0,05	91	2018
764	Nhà ở công nhân lao động tại khu công nghiệp	Tân Phú	Phú Lộc	1,00	91	2018
765	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 1	Tân Phú	Phú Sơn	0,31	91	2018
766	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 4	Tân Phú	Phú Sơn	0,04	91	2018
767	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Bàu Mây	Tân Phú	Phú Thanh	0,06	91	2018
768	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Thọ Lâm 1 (điểm 2)	Tân Phú	Phú Thanh	0,08	91	2018
769	Chùa Pháp Trụ	Tân Phú	Phú Xuân	0,28	91	2018
770	Giáo xứ Tà Lài (mở rộng)	Tân Phú	Tà Lài	0,17	91	2018
771	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 (điểm 2)	Tân Phú	Tà Lài	0,08	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
772	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	0,07	91	2018
773	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	0,03	91	2018
774	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	0,10	91	2018
775	Trung tâm Mục vụ Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	13,63	91	2018
776	Chợ Đồi 61	Trảng Bom	Đồi 61	0,49	113	2018
777	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Quảng Đà	Trảng Bom	Đông Hòa	0,07	91	2018
778	Miếu Thần Hoàng	Trảng Bom	Tây Hòa	0,06	91	2018
779	Tịnh thất Tự Đức	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,99	91	2018
780	Khu thể thao kết hợp công viên huyện	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	1,47	91	2018
781	Giáo xứ Hiệp Lực (phần hoán đổi đất trường học)	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,06	91	2018
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
782	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long (Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm ĐN)	Biên Hòa	Bửu Long	48,90	166	2015
783	Xây dựng nhà ở cao tầng kết hợp trường mầm non (Cty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Long Bình	0,99	144	2015
784	Khu dân cư theo quy hoạch (Cty An Hưng Phát)	Biên Hòa	Phước Tân	49,79	144	2015
785	Dự án khu dân cư và tái định cư Tân Biên 2 (Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Tân Biên	0,23	166	2015
786	Khu TM và nhà ở cao tầng (Công ty Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Thống Nhất	2,10	144	2015
787	Cụm công nghiệp Long Giao	Cẩm Mỹ	Long Giao	57,30	166	2015
788	Khu dân cư theo quy hoạch (Cty Khánh Nam)	Long Thành	An Phước	1,18	144	2015
789	Cụm CN Phước Bình	Long Thành	Phước Bình	75,00	144	2015
790	Khu dân cư	Long Thành	TT. Long Thành	40,00	144	2015
791	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Đại Phước	9,60	166	2015
792	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	1,46	144	2015
793	Khu dân cư theo quy hoạch duyệt	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	2,10	144	2015
794	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	4,75	144	2015
795	Khu dân cư Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	125,00	144	2015
796	Khu dân cư Cty Takwangvina mở rộng	Nhơn Trạch	Long Tân	0,30	144	2015
797	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	55,70	144	2015
798	Khu dân cư	Nhơn Trạch	Long Thọ	18,50	144	2015
799	Khu dân cư	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,54	144	2015
800	Khu dân cư (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thạnh	186,17	144	2015
801	Khu dân cư Phước An	Nhơn Trạch	Phước An	70,00	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
802	Khu dân cư Phước An	Nhơn Trạch	Phước An	50,00	144	2015
803	Khu dân cư xã Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	12,00	144	2015
804	Nhà máy tái chế Ấc quy chì tại khu xử lý chất thải Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	10,00	144	2015
805	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84	144	2015
806	Khu dân cư theo Quy hoạch (DNTN An Phú Hưng)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	2,90	144	2015
807	Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ (trong cụm công nghiệp Thạnh Phú- Thiện Tân)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,21	144	2015
808	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu từ gỗ rừng trồng và gỗ nhập khẩu chính ngạch (trong cụm công nghiệp Thạnh Phú- Thiện Tân)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,70	144	2015
809	Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	8,54	166	2015
810	Khu dân cư An Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	5,69	21	2016
811	Khu dân cư Bình Đa (Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Đa)	Biên Hòa	Bình Đa	2,32	21	2016
812	Khu tái định cư phường Tam Hiệp	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,60	21	2016
813	Khu dân cư - Cty Đồng Nai Long Châu	Biên Hòa	Tam Hiệp	1,10	183	2016
814	Dự án Khu dân cư phường Thống Nhất (Cty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	24,08	183	2016
815	Nhà ở chuyên gia-Cty TNHH MTV cao ốc văn phòng Minh Thành	Long Thành	An Phước	0,30	183	2016
816	Khu biệt thự nhà vườn Thịnh Phú	Long Thành	Bình Sơn	4,70	183	2016
817	Khu dân cư theo QH của công ty TNHH BĐS Song Phương	Long Thành	Phước Thái	4,00	183	2016
818	Khu dân cư kết hợp thương mại	Long Thành	Phước Thái	3,60	183	2016
819	Khu dân cư kết hợp thương mại	Long Thành	Phước Thái	3,60	183	2016
820	Khu dân cư Riverside	Long Thành	TT. Long Thành	40,00	183	2016
821	Khu tái định cư Phước An	Nhơn Trạch	Phước An	40,00	21	2016
822	Khu Nhà ở cho người có thu nhập thấp của Công ty TNHH Địa ốc Nguyên Khang	Nhơn Trạch	Phước An	2,16	21	2016
823	Khu dân cư xã Đồi 61	Trảng Bom	Xã Đồi 61	6,50	21	2016
824	Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	42,43	21	2016
825	Cụm công nghiệp Tân An (Trong đó: Công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm 3.5ha; Công ty TNHH Hồ Nai 5.7 ha; DNTN Nguyễn Phi Hùng 5ha, Công ty TNHH Phúc Lộc Thịnh Phát 2ha, công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm, DNTN Phi Hùng, công ty TNHH HỒ NAI 14,05 ha)	Vĩnh Cửu	Tân An	40,00	21	2016
826	Cụm CN Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	48,90	21	2016
827	Khu Dofico	Xuân Lộc	Xã Xuân Bắc	405,92	183	2016
828	Khu nhà ở chung cư A6, A7	Biên Hòa	Quang Vinh	0,60	57	2017
829	Khu dân cư theo quy hoạch	Biên Hòa	Tam Phước	8,98	38	2017
830	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Đại Phước	2,00	38	2017
831	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	1,88	38	2017
832	Khu dân cư, tái định cư số 15 (TĐC cho đường Bửu Hòa Tân Vạn)	Biên Hòa	Bửu Hòa	1,60	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
833	Khu dân cư số 32 (Cty CP Kinh doanh nhà)	Biên Hòa	Long Bình	0,87	91	2018
834	Khu dân cư (Công ty Thái Thành Tài)	Long Thành	An Phước	9,00	113	2018
835	Khu dân cư theo quy hoạch (đầu giá)	Long Thành	An Phước, Long Đức	94,00	91	2018
836	Khu dân cư (Công ty Ngân Hà)	Long Thành	Lộc An	3,80	113	2018
837	Khu dân cư (công ty Vi như)	Long Thành	Lộc An	1,65	113	2018
838	Khu dân cư (Công ty Cát Linh)	Long Thành	Long An	3,69	113	2018
839	Khu dân cư (công ty TNHH Phích nước Hoàng Long)	Long Thành	Long Phước	2,40	91	2018
840	Khu dân cư (Công ty Vi Như)	Long Thành	Phước Bình	2,78	113	2018
841	Khu đất công ty Phú Việt Tín	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,85	91	2018
842	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Sông Trầu	97,99	91	2018
843	Khu dân cư (Công ty CP Tín Khai)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	51,45	91	2018
844	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú- Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,48	91	2018
đ) Dự án khai thác khoáng sản						
845	Mỏ đá Thiện Tân 1A (công ty TNHH Vĩnh Hải)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,00	166	2015
846	Mỏ đá thị trấn Vĩnh An (đợt 2, công ty Tín Nghĩa)	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	1,03	166	2015
847	Mỏ đá xây dựng Núi Nứa 2	Long Khánh	Xuân Lập	50,00	38	2017
Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP						
848	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản	Vĩnh Cửu	Phú Lý	12,16	91	2018
849	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	27,35	91	2018
TỔNG				3.854,66		

PHỤ LỤC 8B
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018))

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
I. Các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư						
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
1	Dự án xây dựng phòng Khám Đa Khoa do Công ty Cổ phần Đầu tư báí Tử Long làm chủ đầu tư	Nhon Trách	Đại Phước	0,57	166	2015
2	Dự án xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	Nhon Trách	Hiệp Phước	0,50	166	2015
3	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ	Nhon Trách	Long Thọ	0,04	144	2015
4	Kênh mương Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Các xã	15,00	144	2015
5	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Quang	Long Khánh	Hàng Gòn	0,05	38	2017
6	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05	38	2017
7	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05	38	2017
8	Trường TH Long Bình Tân 2	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,18	91	2018
9	Trường MN Quang Vinh (vị trí hạt duy tu cũ)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,76	91	2018
10	Mở rộng trụ sở UBNDTTQ tỉnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,07	91	2018
11	Trung tâm VH-TT phường Tân Biên (Khu vui chơi giải trí kết hợp sân bãi tập luyện TDTT - hồ bơi trẻ em)	Biên Hòa	Tân Biên	0,38	91	2018
12	Trung tâm Công tác xã hội tổng hợp	Biên Hòa	Tân Hiệp	2,88	91	2018
13	Trung tâm học tập cộng đồng phường Thanh Bình	Biên Hòa	Thanh Bình	0,12	91	2018
14	Trường TH Trảng Dài (Kp4)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,27	91	2018
15	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10	91	2018
16	Di tích danh thắng đá Ba Chồng	Định Quán	TT.Định Quán	9,75	91	2018
17	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	Định Quán	TT.Định Quán	0,15	91	2018
18	Trường Mầm non Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,89	91	2018
19	Khu văn hóa - TDTT (tại khu đất thuộc bệnh viện đa khoa Long Khánh cũ)	Long Khánh	Xuân An	1,62	91	2018
20	Mở rộng trường MN 19/5 (Trường Mẫu giáo Xuân Lập)	Long Khánh	Xuân Lập	2,20	91	2018
21	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Nhon Trách	Phú Thạnh	0,31	91	2018
22	Bệnh viện đa khoa huyện (Trung tâm y tế dự phòng huyện)	Nhon Trách	Phước An	5,00	91	2018
23	Trường THPT Phước Thiện	Nhon Trách	Phước Thiện	2,00	91	2018
24	Trường MG Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,10	91	2018
25	Trường TH Bán trú	Xuân Lộc	TT Gia Ray	1,20	91	2018
26	Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,12	91	2018
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
27	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70	166	2015
28	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	46,10	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
29	Hồ Cà Ròn và hệ thống kênh thủy lợi	Định Quán	Gia Canh	174,00	144	2015
30	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	P. X.Bình, X.An, X.Hòa, X.Trung	0,05	144	2015
31	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,18	144	2015
32	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,65	144	2015
33	Bãi đậu xe kết hợp trồng cây xanh	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,12	144	2015
34	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 3	Nhơn Trạch	Phú Hữu	42,70	144	2015
35	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	183	2016
36	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Ngọc - Ngọc Định - La Ngà	Định Quán	Ngọc Định	0,68	183	2016
37	Bến xe Phú Túc (mở rộng)	Định Quán	Phú Túc	0,65	183	2016
38	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	21	2016
39	Đ. Suối Chồn - Bầu Cối (nâng cấp, mở rộng)	Long Khánh	Bảo Vinh, Bảo Quang	11,38	21	2016
40	Đường CMT8 (ND)	Long Khánh	X.An, X.Hòa	5,71	183	2016
41	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	5,61	21	2016
42	Trạm 110kV khu đô thị Long Hưng và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,40	38	2017
43	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Các huyện	Xuân Đông	1,14	38	2017
44	Hồ Thoại Hương	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	50,00	38	2017
45	Trạm bơm áp 1 Thanh Sơn và hệ thống kênh	Định Quán	Thanh Sơn	6,40	38	2017
46	Trạm biến áp 220KV An Phước	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,28	57	2017
47	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03	57	2017
48	Dự án xây dựng dịch vụ hàng hải khu vực Cảng biển Nhóm 5 Nhơn Trạch do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Thạch làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phước Khánh	25,42	57	2017
49	Cải tạo tăng công suất tải đường dây 110kV từ TBA 500kV Sông Mỹ - TBA 110kV Bắc Sơn (đoạn số 1) và từ TBA 110 Bắc Sơn - TBA 110kV Tân Hòa	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,03	38	2017
50	Đường vào trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	0,16	91	2018
51	Trạm BA 220 kV Tam Phước	Biên Hòa	Phước Tân	4,30	91	2018
52	Đoạn kết nối hạ tầng giữa giai đoạn 1 và giai đoạn 2 khu công nghiệp Hồ Nai	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình	0,45	91	2018
53	Đường Cao Cang (đoạn 3)	Định Quán	Gia Canh	33,38	91	2018
54	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt áp 3	Định Quán	Gia Canh	0,05	91	2018
55	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt áp 9	Định Quán	Gia Canh	0,05	91	2018
56	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	La Ngà	0,05	91	2018
57	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Ngọc Định	0,05	91	2018
58	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Cường	0,05	91	2018
59	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Hòa	0,60	91	2018
60	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Lợi	0,05	91	2018
61	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Ngọc	0,05	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
62	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	7,22	91	2018
63	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 1	Định Quán	Thanh Sơn	0,05	91	2018
64	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 7	Định Quán	Thanh Sơn	0,05	91	2018
65	Hồ Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	86,50	91	2018
66	Đường song hành 21/4, đoạn qua khu phân lô tại ấp Núi Túng, xã Suối Tre	Long Khánh	Suối Tre	1,80	113	2018
67	Đường QL1 - Xuân Lập (Đoạn từ đường 21/4 đến đường số 4 xã Suối Tre)	Long Khánh	Suối Tre	1,97	91	2018
68	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Nhơn Trạch	Long Tân	4,06	91	2018
69	Tuyến ống cấp nước từ Quốc lộ 51 đến khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6	Nhơn Trạch	Long Thọ	2,00	113	2018
70	Cảng tổng hợp Phú Hữu	Nhơn Trạch	Phú Hữu	40,59	113	2018
71	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An	0,40	91	2018
72	Nạo vét và nâng cấp hành lang suối Reo	Thống Nhất	Các xã	46,20	91	2018
73	Điểm truy cập thông tin khoa học công nghệ	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,01	113	2018
74	Đường tránh ngã tư Dầu Giấy nối ĐT769	Thống Nhất	Xuân Thạnh	5,30	91	2018
75	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đấu nối	Xuân Lộc	Xuân Tâm, Xuân Hiệp, Xuân Phú, Suối Cát	1,01	91	2018
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
76	Nhà văn hóa khu phố 6	Long Khánh	Xuân An	0,03	144	2015
77	Nhà văn hóa khu phố 2	Long Khánh	Xuân An	0,01	144	2015
78	Nhà văn hóa khu phố 5	Long Khánh	Xuân Hòa	0,06	144	2015
79	Nhà văn hóa khu phố 4	Long Khánh	Xuân Thạnh	0,02	144	2015
80	Nhà văn hóa khu phố 4	Long Khánh	Xuân Thạnh	0,02	144	2015
81	Khu Tái định cư Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	21,00	144	2015
82	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,04	144	2015
83	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,02	183	2016
84	Khu dân cư phục vụ tái định cư ấp Ông Hường	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,60	183	2016
85	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Phú Đông	1,96	38	2017
86	Nghĩa địa ấp Lò Than	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,30	91	2018
87	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25	91	2018
88	Giáo xứ Xuân Triệu (điểm Suối Râm)	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,77	91	2018
89	Giáo xứ Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,35	91	2018
90	Chợ Phú Vinh	Định Quán	Phú Vinh	0,20	91	2018
91	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Định Quán	TT.Định Quán	0,52	91	2018
92	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
93	Niệm phật đường Quan Thế Âm	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,34	91	2018
94	Sân bóng đá huyện	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,90	91	2018
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
95	Khu dân cư lấn sông (Cty Cổ phần ĐTKT_XD Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Quyết Thắng	8,40	144	2015
96	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Nhon Trạch	Đại Phước	20,00	144	2015
97	Khu đô thị du lịch Đại Phước	Nhon Trạch	Đại Phước	130,00	144	2015
98	Khu dân cư Long Tân (1)	Nhon Trạch	Long Tân	95,00	144	2015
99	Khu dân cư Long Thọ - Phước An	Nhon Trạch	Long Thọ, Phước An	40,00	144	2015
100	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phú Hữu	4,45	144	2015
101	Trung tâm Hành chính - Văn hóa - Thể thao kết hợp chợ, phố chợ	Nhon Trạch	Phú Thạnh	48,18	144	2015
102	Khu dân cư và trạm kinh doanh xăng dầu - Cty Cổ phần Đồng Tiến	Biên Hòa	Tân Tiến	2,74	21	2016
103	Khu dân cư số 3, Trung tâm huyện	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,21	183	2016
104	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Long Tân	9,50	21	2016
105	Khu dân cư tạo vốn đường từ cầu Bửu Hòa đến QL1K (dự án BT)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	40,00	38	2017
106	Cụm Công nghiệp Bàu Trâm (Sản xuất gạch không nung)	Long Khánh	Bàu Trâm	0,27	57	2017
107	Đô thị du lịch xã Đại Phước(Tín Nghĩa)	Nhon Trạch	Đại Phước	20,00	38	2017
108	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Khang Việt Hưng làm chủ đầu tư.	Nhon Trạch	Long Tân	46,50	57	2017
109	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Đông	3,29	57	2017
110	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhon Trạch	Phú Thạnh	8,16	38	2017
111	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhon Trạch	Phước Thiện	9,90	38	2017
112	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn	Nhon Trạch	Phước Thiện	16,18	57	2017
113	Cụm công nghiệp Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	30,00	57	2017
114	Khu dân cư số 13 (Cty cổ phần An Bình)	Biên Hòa	An Bình	3,02	91	2018
115	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Biên Hòa	Tam Phước	0,13	91	2018
116	Khu dân cư Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,40	113	2018
117	Khu trung tâm thương mại - Dịch vụ - dân cư và phố đi bộ	Biên Hòa	Thống Nhất	2,60	91	2018
118	Khu dân cư số 85 (Cty Nhị Phú Gia)	Biên Hòa	Trảng Dài	4,70	91	2018
119	Trung tâm thương mại và dân cư Long Khánh	Long Khánh	Xuân Bình	0,50	113	2018
120	Khu dân cư đô thị mới Bình Sơn (thu hồi thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất)	Long Thành	Bình Sơn, Lộc An	555,23	113	2018
121	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Nhon Trạch	Long Tân	88,41	91	2018
122	Khu dân cư Long Tân (Khang Việt Hưng)	Nhon Trạch	Long Tân	46,52	91	2018
123	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Nhon Trạch	Phước An	2,12	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
124	Khu dân cư Phước An 6 (Bảo Giang)	Nhơn Trạch	Phước An	70,00	91	2018
125	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Nhơn Trạch	Phước Thiện	2,00	91	2018
126	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	8,20	91	2018
127	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Nhơn Trạch	Phước Thiện, Phú Hội	16,27	91	2018
128	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	46,09	91	2018
129	Khu dân cư (công ty Tân Đông Dương)	Trảng Bom	Hố Nai 3	2,48	91	2018
130	Khu dân cư (Công ty CP đầu tư - kinh doanh nhà)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú, Tân Bình	38,77	91	2018
Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP						
131	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Jico	Long Thành	Long Đức	9,75	91	2018
II. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi						
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
132	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	1,00	166	2015
133	Bảo tồn lăng mộ Trịnh Hoài Đức	Biên Hòa	Trung Dũng	0,58	166	2015
134	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20	144	2015
135	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20	144	2015
136	Trường mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20	144	2015
137	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20	144	2015
138	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,25	144	2015
139	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58	183	2016
140	Trường MN Tam An	Long Thành	Tam An	1,00	183	2016
141	Trụ sở công an xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,19	183	2016
142	Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	Biên Hòa	An Hòa	0,21	38	2017
143	Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	1,00	38	2017
144	Trường THCS Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,09	57	2017
145	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,07	57	2017
146	Giếng khoan quan trắc (TD1, TD3, TD4, TD7, TD8, TD9, TD13, TD14, TD21, TD22, TD23, TD28)	Xuân Lộc	Các xã	0,12	38	2017
147	Giếng khoan quan trắc (NB-19AB; NB-22AB)	Xuân Lộc	Các xã	0,04	38	2017
148	Trường MN Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,82	91	2018
149	Trường TH Tân Hiệp (mới)	Biên Hòa	Tân Hiệp	1,48	91	2018
150	Trường Mẫu giáo Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,55	91	2018
151	Trường TH Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,83	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
152	Trường MN công lập (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,55	91	2018
153	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	4,43	91	2018
154	Trường MN Sen Hồng	Định Quán	Suối Nho	0,33	91	2018
155	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Định Quán	Suối Nho	0,15	91	2018
156	Mở rộng Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,45	91	2018
157	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Nhon Trạch	Phú Hội	0,70	113	2018
158	Trụ sở BCHQS xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,08	91	2018
159	Trường Mẫu giáo xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,30	113	2018
160	Trường mầm non Quang Trung B	Thống Nhất	Quang Trung	0,14	113	2018
161	Trường MN Phú Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,25	91	2018
162	Trụ sở công an Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,20	91	2018
163	Nhà công vụ giáo viên tại Xuân Định	Xuân Lộc	Xuân Định	0,50	91	2018
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
164	Dự án mở rộng đường Trương Định (khu vực mũi tàu)	Biên Hòa	Tân Mai	0,10	166	2015
165	Mở rộng đường Lưu Văn Việt	Biên Hòa	Tân Tiến	0,70	144	2015
166	Đường liên cảng	Nhon Trạch	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	94,55	144	2015
167	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,78	144	2015
168	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,32	144	2015
169	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhon Trạch 6 - Nhon Trạch 3 - Long Thành	Nhon Trạch	Hiệp Phước - Long Thọ	0,10	166	2015
170	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	43,66	144	2015
171	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	15,04	144	2015
172	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69	166	2015
173	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhon Trạch	Phú Hữu	33,72	144	2015
174	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	Nhon Trạch	Phước An	6,50	144	2015
175	Đường vào KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44	144	2015
176	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	166	2015
177	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhon Trạch	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,22	166	2015
178	Hệ thống cấp nước Nhon Trạch (giai đoạn 2)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
179	Trạm bơm Giang Điền và hệ thống kênh mương dẫn nước	Tân Phú	Phú Thanh	8,10	144	2015
180	Đường N1	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,60	144	2015
181	Đường D6	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,40	144	2015
182	Đường Nguyễn Huệ đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến QL 1A	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50	144	2015
183	Đường D6 nối dài đoạn từ đường Lý Nam Đế đến hết tuyến (giáp sân Golf)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,10	144	2015
184	Hệ thống thoát nước khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình Tân	18,00	183	2016
185	Đường ven sông Cái	Biên Hòa	Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình	29,30	183	2016
186	Dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao đường cao tốc TP HCM-Long Thành-Dầu Giây.	Long Thành	các xã, thị trấn	13,00	183	2016
187	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Nhon Trạch	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội	0,03	21	2016
188	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,10	21	2016
189	Đường Phú An - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú An, Thanh Sơn	0,34	21	2016
190	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú Xuân, Thanh Sơn	0,61	21	2016
191	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	21	2016
192	Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú -Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	3,00	21	2016
193	Đường Nguyễn Tri Phương	Biên Hòa	Bửu Hòa	2,63	57	2017
194	Đường vào Nhà tang lễ	Biên Hòa	Bửu Long	0,37	38	2017
195	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	Biên Hòa	Bửu Long	7,40	38	2017
196	Đường vào Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,33	38	2017
197	Trạm biến áp 110Kv Giang Điền và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	0,27	38	2017
198	Đường vào THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,23	38	2017
199	Tuyến đường kết nối vào khu nhà ở kết hợp du lịch (đường D6 và D35) phường Tân Vạn -Công ty Tín Nghĩa Á Châu	Biên Hòa	Tân Vạn	7,88	38	2017
200	Đường D9 (nối đường Võ Thị Sáu và đường Nguyễn Văn Hoa)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,87	38	2017
201	Đường dây 110 kV Vĩnh An - Định Quán 2	Các huyện	các xã	0,63	38	2017
202	Hệ thống thủy lợi trồng mía Định Quán	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	11,50	38	2017
203	Trạm BA 110 kV Định Quán 2 và đường dây đầu nối	Định Quán	La Ngà	0,64	38	2017
204	Trạm bơm áp 7 và kênh tưới Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	2,02	38	2017
205	Hệ thống tiêu thoát lũ xã Bình Lộc	Long Khánh	các xã	1,00	38	2017
206	Đường Phước Bình	Long Thành	các xã	3,27	38	2017
207	Đường be 29 đoạn từ km0+00 đến km 3+560 (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	0,64	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
208	Đường Trương Công Định	Tân Phú	TT Tân Phú, Trà Cỏ	0,77	38	2017
209	Đường 29/4 (đoạn trước NT cao su)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,40	38	2017
210	Đường 3/2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50	38	2017
211	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng Hoàng đến QL 1A)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,55	38	2017
212	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường Hùng Vương)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,36	38	2017
213	Đường từ Huỳnh Văn Nghệ và bến đò Trạm phường Bửu Long (đường Ngô Thi Nhậm)	Biên Hòa	Bửu Long	0,53	91	2018
214	Đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	91	2018
215	Mở rộng Nhà máy nước Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	0,35	91	2018
216	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	0,84	91	2018
217	Đường Cách Mạng Tháng 8	Định Quán	TT.Định Quán	2,14	91	2018
218	Kiên cố hạ lưu Suối Cài (chống ngập úng khu vực Suối Cài)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08	91	2018
219	Đường vào CCN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	3,50	91	2018
220	TBA 220kv An Phước	Long Thành	TT.Long Thành	3,40	91	2018
221	Dự án Cảng tổng hợp	Nhơn Trạch	Phú Hữu, Đại Phước	69,20	113	2018
222	Bờ kè sông Vàm Mương- Lòng Tàu	Nhơn Trạch	Phước Khánh	1,40	91	2018
223	Đường từ QL 20 vào Trung tâm Mục vụ Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,98	91	2018
224	Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	3,20	91	2018
225	Tổng kho trung chuyển miền Đông	Trảng Bom	Các xã	300,55	91	2018
226	Đường nội bộ khu tái định cư	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,46	113	2018
227	Hai tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,14	113	2018
228	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Trị An	0,05	91	2018
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
229	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	144	2015
230	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	144	2015
231	Nghĩa trang Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	2,40	144	2015
232	Chùa Long Hương	Nhơn Trạch	Long Tân	0,96	144	2015
233	Nhà văn hoá trên địa bàn 4 ấp thuộc xã Vĩnh Thanh	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,20	144	2015
234	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,22	144	2015
235	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05	144	2015
236	Khu tái định cư	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,45	144	2015
237	Nghĩa trang Hàng Gòn (mở rộng)	Long Khánh	Hàng Gòn	47,49	21	2016
238	Chùa Vĩnh Giác	Tân Phú	Phú An	0,80	21	2016
239	Niệm Phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66	183	2016

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
240	Nhà Văn hóa Hòa Bình	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,04	38	2017
241	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	38	2017
242	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,03	38	2017
243	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	28,60	91	2018
244	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,87	91	2018
245	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 71	Biên Hòa	Tân Vạn	3,59	91	2018
246	Khu dân cư tái định cư phường Thống Nhất (gồm: khu TDC3, TDC4)	Biên Hòa	Thống Nhất	3,78	91	2018
247	Khu tái định cư (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,73	91	2018
248	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT.Định Quán	1,00	91	2018
249	Khu dân cư tái định cư	Thống Nhất	Lộ 25	25,00	91	2018
250	Chợ Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,00	91	2018
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản.						
251	Khu dân cư (Công ty Đồng Thuận)	Biên Hòa	Phước Tân	10,40	144	2015
252	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (1)	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	64,13	144	2015
253	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Tân	35,00	144	2015
254	Khu dân cư thương mại	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	9,90	144	2015
255	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Văn Lang làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,00	166	2015
256	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,00	166	2015
257	Khu dân cư	Nhơn Trạch	Phú Hữu	56,00	144	2015
258	KDC Cty cổ phần Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	90,00	144	2015
259	KDC Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	35,00	144	2015
260	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	144	2015
261	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	97,00	144	2015
262	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền, Đồi 61, Quảng Tiến	50,00	166	2015
263	Khu dân cư An Hòa 3 (Bàn giao khu gia đình Quân nhân Trường Sĩ quan Lục quân II)	Biên Hòa	An Bình	2,40	21	2016
264	Khu nhà ở biệt thự và khu tái định cư Núi Đồng Dài	Biên Hòa	Phước Tân	154,62	183	2016
265	Khu đô thị du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	771,00	183	2016
266	Khu dân cư nhà ở Phú Thuận Lợi (Cty CP Địa ốc Phú Thuận Lợi)	Biên Hòa	Tam Phước	19,10	183	2016
267	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00	183	2016
268	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Nhơn Trạch	Đại Phước	4,50	21	2016
269	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	25,00	21	2016
270	Cụm CN Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50,00	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
271	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	38	2017
272	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT.Long Thành	4,60	38	2017
273	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Hội	34,04	57	2017
274	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	Nhơn Trạch	Phú Hội Long Tân	9,99	57	2017
275	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Phước Thiện	43,48	38	2017
276	Cụm công nghiệp Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	54,80	57	2017
277	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	20,69	38	2017
278	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	63,15	38	2017
279	Khu dân cư số 86 (Cty Phú Gia)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,80	91	2018
280	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Nhơn Trạch	Long Tân	34,19	91	2018
281	Khu dân cư Lê Hương Sơn	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	7,00	91	2018
TỔNG				5.053,68		

PHỤ LỤC 8C
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018))

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
I. Danh mục các dự án, công trình đề xuất hủy						
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
1	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,60	144	2015
2	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,08	21	2016
3	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,03	21	2016
4	Mở rộng trường Tiểu học Hiệp Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	38	2017
5	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	38	2017
6	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,20	38	2017
7	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,20	38	2017
8	Nhà cộng đồng dân tộc Mường	Định Quán	Phú Túc	0,16	38	2017
9	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	0,44	38	2017
10	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,30	91	2018
11	Trụ sở kho bạc	Định Quán	TT.Định Quán	0,13	91	2018
12	Trạm y tế thị trấn Long Thành	Long Thành	TT.Long Thành	0,10	91	2018
13	Trường THCS Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	1,20	91	2018
14	Trường MN Phú Lý (tách trường)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	1,00	91	2018
15	Trường Tiểu học Bàu Phụng	Vĩnh Cửu	Phú Lý	1,24	91	2018
16	Trạm y tế xã Lang Minh	Xuân Lộc	Lang Minh	0,08	113	2018
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
17	Đầu tư xây dựng bờ kè sông Đồng Nai	Biên Hòa	Hiệp Hòa	1,55	144	2015
18	Đường liên ấp 2,3,4	Trảng Bom	An Viễn	1,80	144	2015
19	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	183	2016
20	Đường số 11	Trảng Bom	An Viễn	0,12	38	2017
21	Lắp dựng cầu ghềnh cũ	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,10	113	2018
22	Trạm viễn thông	Biên Hòa	Tam Phước	0,04	91	2018
23	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	0,05	91	2018
24	Đường liên xã Gia Canh - Thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán Gia Canh	0,78	91	2018
25	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trưng	0,06	91	2018
26	Đường nội đồng tổ 2	Long Khánh	Xuân Tân	0,70	91	2018
27	Đường số 3 nối dài đi Phú Bình	Long Khánh	Xuân Tân	1,24	91	2018
28	Nâng cấp đường số 10, ấp 4, xã An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	0,30	91	2018
29	Đường dây 220KV Sông Mây - Tam Phước	Trảng Bom	Bình Minh	0,07	91	2018
30	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,10	91	2018
31	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,18	91	2018
32	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh, Xuân Tâm	11,50	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
33	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,10	144	2015
34	Khu tái định cư 3	Định Quán	TT.Định Quán	11,70	183	2016
35	Chi hội Tin Lành Cẩm Đường	Long Thành	Cẩm Đường	0,12	21	2016
36	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5a	Tân Phú	Đắc Lua	0,10	38	2017
37	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,20	38	2017
38	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nhị Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,06	91	2018
39	Văn phòng ấp Nhất Hòa 2	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,12	91	2018
40	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP2A	Biên Hòa	Long Bình	0,03	91	2018
41	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4	Biên Hòa	Tân Tiến	0,04	91	2018
42	Văn phòng khu phố 3A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
43	Văn phòng khu phố 2A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
44	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4B	Biên Hòa	Trảng Dài	0,02	91	2018
45	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
46	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP5A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
47	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP3	Biên Hòa	Trảng Dài	0,05	91	2018
48	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp khu phố 4C	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
49	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	1,93	91	2018
50	Viện Chuyên Tu	Long Thành	Lộc An	0,91	91	2018
51	Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm	Long Thành	Phước Thái	0,03	91	2018
52	Nhà máy cấp nước Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,16	91	2018
53	Nhà máy cấp nước Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,37	91	2018
54	Nhà máy cấp nước Tân Bình	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20	91	2018
55	Giáo xứ Chà Rang	Xuân Lộc	Suối Cao	1,17	91	2018
56	Trụ sở Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	Suối Cát	0,46	91	2018
57	Hội thánh Cao đài Tây Ninh	Xuân Lộc	Suối Cát	0,28	91	2018
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
58	Khu dân cư theo quy hoạch của Cty TNHH Quản lý tài sản Phúc Thịnh	Long Thành	Phước Bình	5,81	144	2015
59	Khu dân cư phường Tân Tiến (khu đất Cty Đồng Tiến)	Biên Hòa	Tân Tiến	0,84	183	2016
60	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hiệp Phú làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Long Tân	22,28	57	2017
61	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phước An	43,20	57	2017
62	Khu nuôi tôm siêu thâm canh do Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư.	Nhơn Trạch	Phước An	51,00	57	2017
63	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 1 - Cty cổ phần Đinh Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,90	91	2018
64	Khu dân cư số 58	Biên Hòa	Tân Hòa	2,85	91	2018
65	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	19,83	91	2018
66	Khu đất đầu tư BT (dự án đường Bưng Môn)	Long Thành	Long An	11,80	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
67	Khu đất đầu tư BT (khu dân cư dọc trục 25B, dự án đường Trần Phú)	Long Thành	Long An	60,00	91	2018
68	Khu đất đầu tư BT(khu TĐC Long Đức, dự án đường vào KCN Long Đức GD2)	Long Thành	Long Đức	25,00	91	2018
69	Khu đất đầu tư BT (khu dân cư Tân Hiệp, dự án đường Trần Phú)	Long Thành	Tân Hiệp	30,00	91	2018
70	Khu đất đầu tư BT (dự án đường Trần Phú)	Long Thành	TT.Long Thành	33,85	91	2018
71	Khu đất đầu tư BT(khu đất huyện đội cũ, dự án xây dựng huyện đội mới)	Long Thành	TT.Long Thành	0,75	91	2018
II. Các dự án, công trình đã có quyết định hủy						
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
72	Mở rộng Trường Bùi Thị Xuân	Biên Hòa	Tân Tiến	1,30	144	2015
73	Bia tưởng niệm kết hợp công viên văn hóa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,14	91	2018
74	Trung tâm VH-TT, HTCD TT.Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,10	91	2018
75	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,00	91	2018
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
76	Đường Bùi Văn Hòa	Biên Hòa	An Bình, Long Bình, Long Bình Tân, Bình Đa	15,59	91	2018
77	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ P.Tân Mai đến giáp KCN Biên Hòa I)	Biên Hòa	An Bình, Tân Mai, Tam Hiệp	0,84	91	2018
78	Dự án tuyến thoát nước khu phố 13	Biên Hòa	Hố Nai	0,02	91	2018
79	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	Phước Tân	0,70	91	2018
80	Đường song hành xa lộ Hà Nội	Biên Hòa	Tam Hòa, Tân Hiệp, An Bình, Bình Đa	10,63	91	2018
81	Đường đầu nối từ ấp Long Đức 3 đến đường Phùng Hưng (đoạn từ công ty CP Tổ hợp SaDo ra đường Phùng Hưng)	Biên Hòa	Tam Phước	1,36	91	2018
82	Dự án thoát nước và xử lý nước thải - nhánh suối Săn Máu	Biên Hòa	Tân Biên, Tân Hòa, Hồ Nai	8,00	91	2018
83	Đường Trương Quyền	Biên Hòa	Tân Mai	0,33	91	2018
84	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Các huyện	Tam Phước, An Viễn, Bình An, Long Đức	49,70	91	2018
85	Trạm nước sạch làng dân tộc ấp 4	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,01	91	2018
86	Hồ chứa nước Gia Đức	Thống Nhất	Bàu Hàm 2, Xuân Thạnh	45,00	91	2018
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
87	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Tân Phú	Tà Lài	0,09	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
88	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Tà Lài	0,06	38	2017
89	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP3	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,01	91	2018
90	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP1	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02	91	2018
91	Văn phòng khu phố 3	Biên Hòa	Tân Tiến	0,01	91	2018
92	Nghĩa trang xã Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	1,77	91	2018
93	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (điểm 2)	Tân Phú	Tà Lài	0,10	91	2018
94	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (mở rộng)	Tân Phú	Tà Lài	0,02	91	2018
95	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Kim	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05	91	2018
96	Chi hội tin lành Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,51	91	2018
97	Giáo xứ Gia Ray	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,53	91	2018
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
98	KDC Phước An (1) - (Công ty cổ phần Căn Nhà Mơ Ước)	Nhon Trạch	Phước An	45,86	91	2018
99	Khu dân cư Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	69,00	91	2018
100	Trung tâm dịch vụ và khu nhà ở công nhân phục vụ KCN Sông Mây, Hồ Nai	Trảng Bom	Hồ Nai 3	72,00	91	2018
101	Dự án Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh	Xuân Lộc	Bảo Hòa	96,70	91	2018
102	Dự án Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ	Xuân Lộc	TT Gia Ray	58,00	91	2018
Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP						
103	Mở rộng khách sạn Hòa Bình	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06	91	2018
III. Danh mục công trình, dự án chưa thực hiện						
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
104	Xây dựng bia tưởng niệm liệt sỹ và trung tâm học tập công đồng	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,08	166	2015
105	Mở rộng Trường tiểu học Lê Lợi	Long Khánh	Suối Tre	0,22	21	2016
106	Mở rộng trường Tiểu học Lê Lợi	Long Khánh	Suối Tre	0,22	21	2016
107	Trường mầm non Phú Trung	Tân Phú	Phú Trung	0,45	183	2016
108	Trường TH Võ Thị Sáu ấp 5 (mở rộng)	Định Quán	Suối Nho	1,00	38	2017
109	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Bình Minh	0,20	38	2017
110	Mở rộng khu di tích danh thắng Chùa Bửu Phong	Biên Hòa	Bửu Long	1,20	113	2018
111	Trụ sở Ban CHQS xã	Định Quán	Ngọc Định	0,32	91	2018
112	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 1)	Định Quán	Thanh Sơn	1,40	91	2018
113	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 2)	Định Quán	Thanh Sơn	0,54	91	2018
114	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Túc Trưng	Định Quán	Túc Trưng	0,15	91	2018
115	Ban chỉ huy quân sự xã Bàu Sen	Long Khánh	Bàu Sen	0,04	91	2018
116	Ban chỉ huy quân sự xã Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20	91	2018
117	Trụ sở công an xã Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20	91	2018
118	Mở rộng Trường PTTH Trần Phú	Long Khánh	Suối Tre	0,62	91	2018
119	Mở rộng trường tiểu học Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,19	113	2018
120	Trường MN ấp 7 Phú Thịnh	Tân Phú	Phú Thịnh	0,56	91	2018
121	Trường MN Tà Lài (ấp 1)	Tân Phú	Tà Lài	0,69	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
122	Trụ sở tòa án nhân dân huyện	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,37	91	2018
123	Trường Mẫu giáo Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,30	113	2018
124	Trạm kiểm lâm địa bàn Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,06	91	2018
125	Trụ sở và nhà khách Khu bảo tồn Thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Mã Đà	7,10	91	2018
126	trường MN Bình Minh và đường vào	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,50	113	2018
127	Trường TH Nam Cao và đường vào	Trảng Bom	Trung Hòa	0,83	113	2018
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
128	Nâng cấp hệ thống thoát nước và via hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	Xuân Hòa	0,05	144	2015
129	Đường Hương Lộ 2 nối dài	Long Thành	Tam An	35,00	183	2016
130	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	49,78	38	2017
131	Đường Phú Trung - Phú An	Tân Phú	Phú Trung, Phú An	7,31	38	2017
132	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	6,00	38	2017
133	Đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh	8,29	91	2018
134	Trạm thu phí và Nhà điều hành trên đường vận chuyển khoáng sản	Biên Hòa	Phước Tân	1,16	91	2018
135	Đường dây 110 kV 4 mạch từ TC 110 kV trạm 220 kV Tam Phước đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Bình - Long Thành	Biên Hòa	Tam Phước	0,07	91	2018
136	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	0,02	113	2018
137	Trạm biến áp	Biên Hòa	Thống Nhất	0,50	91	2018
138	Đường xã hội hóa giao thông nông thôn (20 tuyến)	Cẩm Mỹ	Các xã	1,00	91	2018
139	Đường Ngô Quyền (Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Thành Thái)	Long Khánh	Bảo Vinh	2,75	91	2018
140	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (mở rộng)	Long Khánh	Bình Lộc	2,79	91	2018
141	Trạm biến áp 110kV KCN Long Khánh và đầu nối	Long Khánh	Suối Tre, Xuân Trung	0,68	91	2018
142	Hồ chứa nước dự phòng	Long Khánh	Xuân Bình	0,05	91	2018
143	Đường Lý Thái Tổ (Đoạn mở mới theo quy hoạch)	Long Khánh	Xuân Hòa	1,97	91	2018
144	Đường Phạm Lạc (D9-X.Thanh)	Long Khánh	Xuân Thanh	0,34	91	2018
145	Lộ ra 110KV trạm 220 KV An Phước	Long Thành	An Phước	0,15	91	2018
146	Hồ Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	86,60	91	2018
147	Đường Trần Phú	Long Thành	TT.Long Thành	9,20	91	2018
148	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV khu Công nghệ cao, Amata đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Thành - Tam Phước	Long Thành	TT.Long Thành	0,19	91	2018
149	Bến xe Đắc Lua	Tân Phú	Đắc Lua	0,20	91	2018
150	Đường vào cầu Đa-Huoi	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,12	91	2018
151	Trạm BA 110 kV Núi Tượng	Tân Phú	Núi Tượng	0,40	91	2018
152	Đường Lê Hồng Phong	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	1,78	113	2018
153	Đường ven hồ Trị An	Vĩnh Cửu	Mã Đà	25,13	91	2018
154	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đầu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,62	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
155	Cầu Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Trị An, Hiếu Liêm	1,00	91	2018
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
156	Trung tâm Văn hóa, thể thao và HTCD phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,13	21	2016
157	Khu nhà ở xã hội và TMDV số 68 (Cty Tín Nghĩa Á Châu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	15,17	91	2018
158	Niệm Phật Đường Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	0,40	91	2018
159	Hộ đạo Cao Đài Tân Hạnh (CĐTN)	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,37	91	2018
160	Nhà ở tái định cư số 60 (phục vụ mở rộng Giáo xứ Tân Lộc)	Biên Hòa	Tân Mai	0,09	91	2018
161	Giáo xứ Tân Lộc	Biên Hòa	Tân Mai	0,07	91	2018
162	Đình làng 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,10	91	2018
163	Hộ đạo Long Khánh (CĐTN)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,08	91	2018
164	Chùa Bảo Sơn (cơ sở bảo trợ xã hội)	Long Khánh	Bàu Trâm	0,24	91	2018
165	Khu cây xanh dọc Suối Rết	Long Khánh	Xuân An; Xuân Hòa; Phú Bình	25,82	91	2018
166	Tịnh thất Từ Lâm	Long Khánh	Xuân Bình	0,10	91	2018
167	Nhà văn hoá ấp Nông Doanh	Long Khánh	Xuân Tân	0,05	91	2018
168	Khu tái định cư Long An	Long Thành	Long An	2,35	91	2018
169	Khu tái định cư Long Đức	Long Thành	Long Đức	14,00	91	2018
170	Giáo xứ Đắc Lua (mở rộng)	Tân Phú	Đắc Lua	0,98	91	2018
171	Giáo xứ Tiên Lâm (GX. Xuân Lâm)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,32	91	2018
172	Chợ Phú Lập (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	0,11	91	2018
173	Chùa Bửu Thiên	Tân Phú	Phú Lộc	0,66	91	2018
174	Nhà văn hóa ấp Phú Lâm 5 (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	0,04	91	2018
175	Giáo xứ Giang Lâm	Tân Phú	Phú Thanh	0,40	91	2018
176	Giáo xứ Hòa Lâm	Tân Phú	Phú Trung	1,43	91	2018
177	Tu xá thánh Phanxico	Trảng Bom	Thanh Bình	0,34	91	2018
178	Giáo xứ Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,43	91	2018
179	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,08	91	2018
180	Giáo xứ Thịnh An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	1,28	91	2018
181	Giáo xứ Xuân Bình	Xuân Lộc	Bảo Hòa	0,15	91	2018
182	Chùa Phóng Sanh	Xuân Lộc	Lang Minh	0,40	91	2018
183	Giáo xứ Xuân Tôn	Xuân Lộc	Xuân Bắc	1,31	91	2018
184	Chi hội Hưng Xuân Tự	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,12	91	2018
185	Giáo xứ Tân Ngải	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	91	2018
186	Giáo xứ Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,68	91	2018
187	Giáo xứ Thọ Hòa	Xuân Lộc	Xuân Thọ	2,04	91	2018
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
188	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	144	2015
189	Khu dân cư An Thuận (mở rộng giai đoạn 2)	Long Thành	Long An	45,00	21	2016
190	Khu dân cư số 87 (cty Thánh Phong)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,60	91	2018
191	Khu gia đình chiến sỹ quân khu 7	Long Khánh	Bảo Vinh	4,64	91	2018
192	Khu đất đầu tư BT (khu hầm đá, dự án xây dựng huyện đội mới)	Long Thành	An Phước	6,60	91	2018
193	Khu đất đầu tư BT (xí nghiệp nước đá cũ, dự án trường TH Tập Phước)	Long Thành	An Phước	0,87	91	2018
194	Khu dân cư nhà ở xã hội (điều chỉnh từ Cụm CN Hưng Thuận sang)	Trảng Bom	Hố Nai 3	40,03	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
195	Khu dân cư Công ty KTXDCB cao su khu 2	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,76	91	2018
196	Quỹ đất tạo vốn đầu tư dự án Xây dựng trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom, UBND xã Bắc Sơn; đường Nguyễn Tri Phương và đường Nguyễn Trãi, theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BT	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,50	91	2018
197	Cụm công nghiệp Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	50,00	91	2018
đ) Dự án khai thác khoáng sản						
198	Mỏ đá xây dựng Núi Nứa 2	Long Khánh	Xuân Lập	80,00	38	2017
TỔNG				1.474,02		

PHỤ LỤC 9A
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA

(Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018))

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
I. Dự án, công trình đã thực hiện									
1	Trạm y tế phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	0,19	0,13	-	-	144	2015
2	Nối dài tuyến đường số 1 và số 3 khu dân cư An Hòa 2 và khu dân cư An Bình	Biên Hòa	An Bình	1,08	0,10	-	-	144	2015
3	Trạm chiết nạp khí oxy, nito, argon (Công ty Tân Tân)	Biên Hòa	An Hòa	0,40	0,40	-	-	144	2015
4	Ký túc xá và khu học tập sinh viên (trường ĐH Lạc Hồng)	Biên Hòa	Bửu Long	1,92	1,30	-	-	144	2015
5	Trụ sở làm việc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà	Biên Hòa	Bửu Long	0,40	0,03	-	-	144	2015
6	Đường Đỗ Văn Thi (HL10, đoạn 1)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,70	0,21	-	-	144	2015
7	Khu dân cư phục vụ tái định cư tại xã Hiệp Hòa (Ban Quản lý dự án thành phố)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	4,80	4,37	-	-	144	2015
8	Xây dựng cầu An Hảo	Biên Hòa	Hiệp Hòa, An Bình	10,04	3,88	-	-	166	2015
9	Khu Công nghiệp Hố Nai (Giai đoạn II)	Biên Hòa	Phước Tân	85,00	2,35	-	-	144	2015
10	Tuyển mua nước KCN Giang Điền (Tổng Công ty phát triển KCN)	Biên Hòa	Phước Tân	1,71	0,03	-	-	144	2015
11	Mỏ đá Tân Cang 9	Biên Hòa	Phước Tân	16,00	2,00	-	-	144	2015
12	Đường Huỳnh Văn Lũy nối dài	Biên Hòa	Quang Vinh	0,73	0,25	-	-	144	2015
13	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viện kiểm sát)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,34	0,24	-	-	144	2015
14	UBND phường Quang Vinh mở rộng	Biên Hòa	Quang Vinh	0,05	0,05	-	-	144	2015
15	Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh (Sở Nội Vụ)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,30	0,04	-	-	144	2015
16	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98	0,13	-	-	144	2015
17	Hệ thống thoát nước Suối Nước Trong	Biên Hòa	Tam Phước	0,98	0,01	-	-	144	2015
18	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Biên Hòa	Tam phước, phước Tân	24,16	4,70	-	-	144	2015
19	Đường chuyên dùng vận chuyển khoáng sản tại xã Phước Tân và xã Tam Phước	Biên Hòa	Tam phước, Phước Tân	13,77	0,33	-	-	144	2015
20	Đường số 16 tại xã Tân Hạnh qua cánh đồng Bà Nghè	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,32	0,32	-	-	144	2015
21	Xây dựng chợ truyền thống Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	1,60	0,80	-	-	144	2015
22	Trường Tiểu học Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	0,95	0,12	-	-	144	2015

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
23	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Thống Nhất	0,30	0,01	-	-	144	2015
24	Trạm bơm nước thải	Biên Hòa	Thống Nhất	0,49	0,13	-	-	144	2015
25	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Tân	Định Quán	Phú Cường	0,03	0,03	-	-	144	2015
26	Giáo xứ Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,63	0,11	-	-	144	2015
27	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Hòa	0,10	0,10	-	-	144	2015
28	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Hòa	0,05	0,05	-	-	144	2015
29	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	1,01	0,80	-	-	144	2015
30	Mở rộng hệ thống kênh tưới trạm bơm Ba Giọt	Định Quán	Phú Vinh	5,00	0,05	-	-	144	2015
31	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Suối Nho	0,18	0,03	-	-	144	2015
32	Điểm công nghiệp thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán, Phú Vinh	4,80	0,30	-	-	144	2015
33	Đường Suối Rắc	Định Quán	Túc Trung	4,60	0,38	-	-	144	2015
34	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Long Thành	An Phước, Lộc An, Bình Sơn, Phước Thái, Long Phước, Long An, Phước Bình	7,82	0,20	-	-	144	2015
35	Đường Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc (HL10)	Long Thành	Cẩm Đường, Bình An	12,00	1,10	-	-	144	2015
36	Trạm xăng dầu 515 (Công ty TNHH Tân Hiệp)	Long Thành	Long An	0,15	0,15	-	-	144	2015
37	Trạm dừng chân Hoa Mai	Long Thành	Long An	0,60	0,60	-	-	144	2015
38	Dự án đầu nối hạ tầng KDC An Thuận vào QL51 (do CTy Cổ phần Đình Thuận làm chủ đầu tư)	Long Thành	Long An	0,20	0,20	-	-	144	2015
39	Đầu nối hạ tầng khu dân cư An Thuận vào TL25B	Long Thành	Long An	0,20	0,20	-	-	144	2015
40	Đường 25B	Long Thành	Long An	14,00	6,61	-	-	144	2015
41	Đường ấp 1 - ấp 3	Long Thành	Phước Bình	3,48	0,48	-	-	144	2015
42	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Đại Phước	2,00	1,78	-	-	144	2015
43	Đường vào trung tâm đo kiểm	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,09	0,09	-	-	144	2015
44	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	9,84	8,55	-	-	144	2015
45	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Nhơn Trạch	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60	2,87	-	-	144	2015
46	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	6,36	2,24	-	-	144	2015
47	Nghĩa trang Long Thọ	Nhơn Trạch	Long Thọ	20,77	1,10	-	-	144	2015
48	Khu nghỉ dưỡng phục hồi chức năng	Nhơn Trạch	Phú Đông	0,38	0,32	-	-	144	2015

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
49	Xây dựng tuyến đường vào khu TĐC Sen Việt (Cty CP Đầu tư Sen Việt Công thương)	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,80	1,04	-	-	144	2015
50	Dự án xây dựng cảng xăng dầu tại xã Phú Đông do Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ quốc phòng làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Đông	37,60	8,70	-	-	166	2015
51	Trạm Biên phòng cửa khẩu Cảng Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Phước Khánh	1,00	0,77	-	-	144	2015
52	Cảng tổng hợp	Nhơn Trạch	Phước Khánh	10,00	0,80	-	-	144	2015
53	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	86,60	5,69	-	-	144	2015
54	Trung tâm Văn hoá thể thao - học tập cộng đồng	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,88	0,18	-	-	144	2015
55	Trụ sở xã đội	Tân Phú	Phú Sơn	0,10	0,01	-	-	144	2015
56	Trường MN Phú Thanh (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	0,45	0,45	-	-	144	2015
57	Trạm bơm Giang Điền và hệ thống kênh mương dẫn nước	Tân Phú	Phú Thanh	9,00	0,16	-	-	144	2015
58	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,20	0,20	-	-	144	2015
59	Chợ Ngọc Lâm	Tân Phú	Phú Xuân	0,31	0,31	-	-	144	2015
60	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,09	0,09	-	-	144	2015
61	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phúc Nhac 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	0,07	-	-	144	2015
62	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	97,00	0,55	-	-	144	2015
63	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84	8,34	-	-	144	2015
64	Công ty Đại Huy Hoàng	Trảng Bom	Hố Nai 3	1,23	0,19	-	-	144	2015
65	Kho chứa hàng và sân phơi gạch	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,90	0,52	-	-	144	2015
66	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng	Trảng Bom	Sông Thao	0,25	0,10	-	-	144	2015
67	Đường dân sinh tránh nhà máy xử lý chất thải (Tài Tiến)	Trảng Bom	Sông Thao	0,15	0,04	-	-	144	2015
68	Khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa - U1	Trảng Bom	Thanh Bình	3,70	0,05	-	-	144	2015
69	Đường vào trường MN	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,39	0,07	-	-	144	2015
70	Bến vượt của Lữ đoàn Công Binh 25	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	17,15	5,70	-	-	144	2015
71	Đường Cộ Cây xoài	Vĩnh Cửu	Tân An	10,15	1,37	-	-	144	2015
72	Cây xăng ấp Bình Lục	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,10	0,10	-	-	144	2015
73	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22	0,22	-	-	144	2015
74	Cây xăng tại ấp 7 (Hương lộ 6)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,10	0,10	-	-	144	2015
75	Mở rộng xưởng sản xuất cơ khí tại Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,25	0,18	-	-	144	2015
76	Trường Mầm non Trị An (cơ sở 2)	Vĩnh Cửu	Trị An	0,31	0,31	-	-	144	2015
77	Đường vào bãi rác Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	4,64	0,07	-	-	144	2015
78	Cầu tập đoàn 7	Xuân Lộc	Suối Cát, Lang Minh	0,08	0,02	-	-	144	2015
79	HTX Tiểu thủ công nghiệp Đại Nam xin Chuyển mục đích từ đất lúa sang Nuôi trồng thủy sản	Xuân Lộc	Xuân Hưng	3,18	3,18	-	-	144	2015
80	Mở rộng Trường Tiểu học Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,09	0,09	-	-	183	2016

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
81	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,04	0,04	-	-	183	2016
82	Nạo vét suối Đa Tôn	Tân Phú	Phú Thanh, Thanh Sơn, Phú Lâm	18,80	3,60	-	-	183	2016
83	Cơ sở gia công hàng thủ công mỹ nghệ từ mây, tre, lục bình, dây nhựa (ông Lê Đức Tiến)	Trảng Bom	Đồng Hòa	0,99	0,99	-	-	21	2016
84	Đường từ Trung tâm xã Hồ Nai 3 đi 2 ấp Đồng Hải và Lộ Đức	Trảng Bom	Hồ Nai 3	2,50	0,22	-	-	183	2016
85	KCN Hồ Nai	Trảng Bom	Hồ Nai 3, Bắc Sơn	387,00	1,14	-	-	183	2016
86	Cụm công nghiệp Tân An (Trong đó, Công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm 3,5 ha; Công ty TNHH Hồ Nai 5,7 ha; DNTN Nguyễn Phi Hùng 5 ha; Công ty TNHH Phúc Lộc Thịnh Phát 2 ha) và phần diện tích còn lại	Vĩnh Cửu	Tân An	40,00	10,00	-	-	21	2016
87	Trang trại chăn nuôi	Vĩnh Cửu	Tân An	2,90	1,80	-	-	21	2016
88	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,13	0,13	-	-	183	2016
89	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	2,50	1,60	-	-	21	2016
90	Nhà máy sản xuất nhôm thép định hình và nhà máy sản xuất kính xây dựng	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,40	1,00	-	-	21	2016
91	Công ty TNHH sản xuất vật liệu và xây dựng Vĩnh Hải	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	2,24	0,20	-	-	21	2016
92	Nạo vét Suối Sâu	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An, Vĩnh Tân	23,59	4,87	-	-	183	2016
93	Mở rộng đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh	12,00	3,40	-	-	21	2016
94	Trụ sở công an xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	0,20	0,20	-	-	38	2017
95	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	Định Quán	TT. Định Quán	0,40	0,24	-	-	38	2017
96	Đường Năm Rươi (mở rộng đoạn từ ấp 2 đến bến đò)	Tân Phú	Phú Thịnh	3,37	-	-	-	38	2017
97	Đường Tây Hòa - Trung Hòa	Trảng Bom	Các xã	10,83	0,18	-	-	38	2017
98	Mở rộng đường Sông Dinh (8m)	Trảng Bom	Tây Hòa	1,82	0,18	-	-	38	2017
99	Đường Quang Trung nói dài (từ ngã tư UBND huyện đến giáp đường Lê Quý Đôn)	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	5,10	0,40	-	-	38	2017
100	Tỉnh lộ 765 (GĐ 2)	Xuân Lộc	Các xã	7,00	0,39	-	-	38	2017
101	Tuyến kênh N15 (hệ thống kênh dẫn nước hồ Gia Măng)	Xuân Lộc	Lang Minh	1,68	1,25	-	-	38	2017
102	Tuyến kênh thuộc xã Xuân Hiệp (kênh dẫn nước hồ Gia Măng)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	12,43	1,53	-	-	38	2017
103	Đường Tân Hữu - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	29,44	0,11	-	-	38	2017

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
104	Trang trại của Công ty TNHH MTV Nguyên Toàn Tâm	Xuân Lộc	Xuân Thành	11,10	3,01	-	-	38	2017
105	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghènh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,10	0,10	-	-	91	2018
106	Trung tâm VH-TT, HTCD xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	1,05	1,05	-	-	91	2018
107	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Thanh Sơn	0,01	0,01	-	-	91	2018
108	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Định Quán	TT. Định Quán	0,93	0,93	-	-	91	2018
109	Đường bao điểm công nghiệp Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	0,27	0,27	-	-	91	2018
110	Văn phòng làm việc công ty IDICO	Long Thành	Long An	0,11	0,11	-	-	91	2018
111	Văn phòng làm việc công ty Ngọc Song Anh	Long Thành	Long An	0,95	0,95	-	-	91	2018
112	Khu dân cư (Công ty Cát Linh)	Long Thành	Long An	3,69	3,69	-	-	113	2018
113	Cơ sở Điều khắc Thiên Kỳ	Long Thành	Long Phước	0,35	0,35	-	-	91	2018
114	Trạm bơm Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	1,85	1,85	-	-	91	2018
115	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	0,02	0,02	-	-	91	2018
116	Trường THCS Duy Tân	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,47	0,47	-	-	91	2018
117	Hệ thống kênh mương thủy lợi cánh đồng 78A - 78B	Thống Nhất	Lộ 25	1,20	1,20	-	-	91	2018
118	KCN Hồ Nai	Trảng Bom	Các xã	3,75	3,75	-	-	91	2018
119	Đường liên xã Hưng Lộc - Hưng Thịnh - Đông Hòa (khu chăn nuôi tập trung)	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,09	0,09	-	-	91	2018
120	Khu xử lý chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt (giai đoạn 3)	Trảng Bom	Sông Thao, Tây Hòa	5,30	5,30	-	-	91	2018
121	Nhựa hóa, mở mới đường liên xã Tây Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa, Đồi 61	0,03	0,03	-	-	91	2018
122	Trường tiểu học Nam Cao	Trảng Bom	Trung Hòa	0,83	0,83	-	-	113	2018
123	Đường liên xã Tây Hòa - Trung Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Trung Hòa	0,09	0,09	-	-	91	2018
124	Đường An Bình -Bàu Cá (Nghĩa địa Bàu Cá hay còn gọi là đường số 4)	Trảng Bom	Trung Hòa	0,32	0,32	-	-	91	2018
125	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty Cp chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	9,00	9,00	-	-	91	2018
126	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú-Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,05	0,05	-	-	91	2018
II. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện									
a) Các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư									
127	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	61,70	1,69	-	-	144	2015
128	Vùng chăn nuôi tập trung	Long Thành	Bàu Cạn	106,60	1,52	-	-	144	2015

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
129	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	0,31	-	-	144	2015
130	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	0,62	-	-	183	2016
131	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	6,00	1,60	-	-	21	2016
132	Làng nghề mây tre đan Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	2,64	0,03	-	-	38	2017
133	Đô thị du lịch xã Đại Phước (Tín Nghĩa)	Nhơn Trạch	Đại Phước	130,75	8,92	-	-	38	2017
134	Trạm biến áp 220KV An Phước	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,28	0,28	-	-	57	2017
135	Trường THCS Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,09	0,80	-	-	57	2017
136	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,07	0,75	-	-	57	2017
137	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	8,16	5,50	-	-	38	2017
138	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	9,90	9,50	-	-	38	2017
139	Khu dân cư Long Bình Tân (Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	3,83	0,56	-	-	113	2018
140	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Biên Hòa	Tam Phước	0,35	0,35	-	-	91	2018
141	Nhà ở cao tầng kết hợp TMDV số 46 (Cty Văn Tiến Nghĩa)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02	0,02	-	-	91	2018
142	Khu trung tâm thương mại - Dịch vụ - dân cư và phố đi bộ	Biên Hòa	Thống Nhất	0,80	0,80	-	-	91	2018
143	Làng nghề mây tre đan Gia Canh (sản xuất hàng mây, tre đan và sản phẩm đan lát, tết bện thủ công)	Định Quán	Gia Canh	0,03	0,03	-	-	91	2018
144	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	Định Quán	TT. Định Quán	0,16	0,16	-	-	91	2018
145	Di tích danh thắng đá Ba Chông	Định Quán	TT. Định Quán	0,02	0,02	-	-	91	2018
146	Nạo vét và nâng cấp hành lang suối Reo	Thống Nhất	Các xã	4,80	4,80	-	-	91	2018
147	Giáo xứ Tân Ngã	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	1,45	-	-	91	2018
148	Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,09	0,09	-	-	91	2018
b) Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất									
149	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70	4,00	-	-	166	2015
150	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	3,40	-	-	144	2015
151	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	0,12	-	-	144	2015
152	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhơn Trạch	Phú Hữu	33,72	0,41	-	-	144	2015
153	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,22	0,14	-	-	144	2015
154	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền	50,00	7,70	-	-	166	2015
155	Khu dân cư Thương mại dịch vụ	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	21,30	1,21	-	-	38	2017
156	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	Biên Hòa	Bửu Long	7,40	0,51	-	-	38	2017
157	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58	0,57	-	-	57	2017

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
158	Đường D9 (nối đường Võ Thị Sáu và đường Nguyễn Văn Hoa)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,87	0,32	-	-	38	2017
159	Cụm công nghiệp Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50,00	0,51	-	-	38	2017
160	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	1,85	-	-	38	2017
161	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	4,60	4,60	-	-	38	2017
162	Đường từ Huỳnh Văn Nghệ và bến đò Trạm phường Bửu Long (đường Ngô Thị Nhậm)	Biên Hòa	Bửu Long	0,29	0,29	-	-	91	2018
163	Đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	0,74	0,74	-	-	91	2018
164	Mở rộng Nhà máy nước Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	0,35	0,35	-	-	91	2018
165	Khu tái định cư phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,06	0,06	-	-	91	2018
166	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,03	0,03	-	-	91	2018
167	Trường MN Tân Hạnh 2	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,35	0,35	-	-	91	2018
168	Khu dân cư tái định cư phường Thống Nhất (gồm: khu TDC3, TDC4)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,50	1,50	-	-	91	2018
169	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	0,16	0,16	-	-	91	2018
170	Trụ sở Ban CHQS xã	Định Quán	Ngọc Định	0,30	0,30	-	-	91	2018
171	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	2,28	2,28	-	-	91	2018
172	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Định Quán	Suối Nho	0,12	0,12	-	-	91	2018
173	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	0,81	0,81	-	-	91	2018
174	Đường vào CCN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	1,00	1,00	-	-	91	2018
175	TBA 220kv An Phước	Long Thành	TT. Long Thành	3,40	3,40	-	-	91	2018
176	Tổng kho trung chuyển miền Đông	Trảng Bom	Các xã	0,06	0,06	-	-	91	2018
177	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,34	0,34	-	-	91	2018
III. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện									
a. Các công trình dự án đã có quyết định hủy									
178	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	0,04	-	-	21	2016
179	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,20	0,20	-	-	183	2016
180	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	Phước Tân	0,03	0,03	-	-	91	2018
181	Trung tâm VH-TT, HTCĐ TT.Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	0,10	0,10	-	-	91	2018
182	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	0,06	0,06	-	-	91	2018

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
183	Đường Bình Lợi - Thiện Tân (Cây Cóc)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,12	0,12	-	-	91	2018
184	Tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,60	0,57	-	-	113	2018
185	Dự án Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh	Xuân Lộc	Bảo Hoà	6,67	6,67	-	-	91	2018
186	Dự án Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ	Xuân Lộc	TT Gia Ray	0,41	0,41	-	-	91	2018
187	Chi hội tin lành Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,52	0,52	-	-	91	2018
b. Các công trình dự án đề xuất hủy									
188	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Phú Hòa	0,40	0,06	-	-	144	2015
189	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,56	0,29	-	-	144	2015
190	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	4,90	-	-	183	2016
191	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	0,06	-	-	38	2017
192	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Long Bình Tân	2,22	2,22	-	-	91	2018
193	Khu dân cư số 95 (Cty Thiên Lộc)	Biên Hòa	Bửu Long, Quang Vinh, Tân Phong	1,62	1,62	-	-	91	2018
194	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	1,85	1,85	-	-	91	2018
195	Khu dân cư số 106	Biên Hòa	Hóa An	0,58	0,58	-	-	91	2018
196	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 1 - Cty cổ phần Đình Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,48	0,48	-	-	91	2018
197	Đường liên xã Gia Canh - Thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán, Gia Canh	0,06	0,06	-	-	91	2018
198	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh, Xuân Tâm	2,51	2,51	-	-	91	2018
IV. Các công trình, dự án chưa thực hiện									
199	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	6,61	-	-	144	2015
200	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	Trảng Bom	các xã	21,02	0,77	-	-	144	2015
201	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	130,16	0,03	-	-	38	2017
202	Khu nhà ở xã hội và TMDV số 68 (Cty Tín Nghĩa Á Châu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	0,94	0,94	-	-	91	2018
203	Mở rộng khu di tích danh thắng Chùa Bửu Phong	Biên Hòa	Bửu Long	1,20	1,00	-	-	113	2018
204	Đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh	2,75	2,75	-	-	91	2018
205	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 1)	Định Quán	Thanh Sơn	0,04	0,04	-	-	91	2018

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
206	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV khu Công nghệ cao, Amata đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Thành - Tam Phước	Long Thành	TT. Long Thành	0,19	0,19	-	-	91	2018
207	Trụ sở UBND xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,02	0,02	-	-	91	2018
208	Khu dân cư nhà ở xã hội (điều chỉnh từ Cụm CN Hưng Thuận sang)	Trảng Bom	Hố Nai 3	6,64	6,64	-	-	91	2018
209	Cụm công nghiệp Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	1,30	1,30	-	-	91	2018
TỔNG CỘNG				2.257,74	277,45	-	-		

PHỤ LỤC 9B
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG

(Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018))

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
I. Dự án, công trình đã thực hiện									
a) Đất rừng phòng hộ									
1	Khu nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng rừng	Nhơn Trạch	Phước An	82,00	-	0,004	-	144	2015
2	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99	-	1,84	-	144	2015
3	Hệ thống cáp treo phục vụ du lịch Núi Chúa Chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	9,90	-	6,80	-	144	2015
4	Mở rộng đường vào núi Chúa Chan (đường vào chùa Gia Lào)	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,52	-	1,00	-	183	2016
5	Nhà văn hóa ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,03	-	0,03	-	91	2018
II. Dự án, công trình đang thực hiện									
a) Đất rừng phòng hộ									
6	Công trình ANTT tại khu vực ngã 3 sông Đồng Tranh	Nhơn Trạch	Phước An	10,00	-	0,05		144	2015
7	Niệm Phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66	-	1,66		183	2016
8	Mở rộng, đánh giá trữ lượng, diện tích mỏ đá Gia Canh 1 của Cty Mai Phong (Gia Canh - ĐQ.Đ2-3)	Định Quán	Gia Canh	0,31	-	0,31		91	2018
9	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 1	Tân Phú	Phú Sơn	0,12	-	0,12		91	2018
III. Dự án, công trình chưa thực hiện									
a) Đất rừng phòng hộ									
11	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	12,00	-	0,19	-	38	2017
12	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	2,8	-	1,47	-	145	2019
b) Đất rừng đặc dụng									
13	Đường ven hồ Trị An	Vĩnh Cửu	Mã Đà	13,57	-	-	13,57	91	2018
TỔNG CỘNG				299,90	-	13,47	13,57		

PHỤ LỤC 9C
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VỪA SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA VỪA SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ

(Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018))

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
I. Dự án, công trình đã thực hiện									
1	Tiêu nước cánh đồng Bàu Kiên	Định Quán	Thanh Sơn	24,40	7,74	1,47	-	144	2015
2	Đường 107 - Tư Sở	Định Quán	Thanh Sơn	23,39	0,01	0,07	-	38	2017
3	Đường Xuân Thành - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	25,60	0,42	1,55	-	38	2017
II. Dự án, công trình đang thực hiện									
4	Điểm du lịch sinh thái Bàu Nước Sôi	Định Quán	Gia Canh	10,03	1,96	8,07	-	91	2018
TỔNG CỘNG				83,42	10,13	11,16	-		

PHỤ LỤC 9D
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VỪA SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA VỪA SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ VỪA SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG ĐẶC DÙNG

(Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018))

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
I. Dự án, công trình đang thực hiện									
1	Đường Cao Cang (đoạn 3)	Định Quán	Gia Canh	3,05	0,89	1,67	0,49	91	2018
TỔNG CỘNG				3,05	0,89	1,67	0,49		

PHỤ LỤC 10
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CẦN THU HỒI ĐẤT ĐÃ QUÁ 3 NĂM ĐƯỢC TIẾP TỤC THỰC

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/nq-hdnd ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
I. Các dự án đã hoàn thành việc thu hồi đất						
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	144	2015
2	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,27	166	2015
3	Mở rộng Trường Tiểu học An Bình	Trảng Bom	Trung Hòa	0,30	144	2015
4	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	0,45	183	2016
5	Trường TH Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	1,00	183	2016
6	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấp 2	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,32	38	2017
7	Trường MN Phú Bình (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	0,62	38	2017
8	Trụ sở UBND thị trấn Tân Phú	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,40	38	2017
9	Mở rộng trường TH Phân hiệu Phú Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,30	38	2017
10	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Giang Điền	0,10	38	2017
11	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,15	38	2017
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
12	Đường A11 (đường vào trường Phan Bội Châu)	Biên Hòa	Long Bình	2,94	144	2015
13	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98	144	2015
14	Đường vào trường THCS Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,40	183	2016
15	Đường vào cụm công nghiệp Long Giao	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	2,40	21	2016
16	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tập trung	Long Khánh	Hàng Gòn	0,10	21	2016
17	Đường Nguyễn Hữu Cảnh từ đường Đình Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,73	21	2016
18	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đình Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,60	38	2017
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
19	Khu dân cư tái định cư Bửu Hòa - Tân Vạn	Biên Hòa	Bửu Hòa	21,30	144	2015
20	Sân thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16	144	2015
21	Tu xá mẹ Mân Côi 2	Long Thành	TT. Long Thành	0,20	144	2015
22	Văn phòng khu phố 2	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,02	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
23	Dự án khu dân cư và tái định cư Tân Biên 2 (Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Tân Biên	0,23	166	2015
24	Cụm công nghiệp Long Giao	Cẩm Mỹ	Long Giao	57,30	166	2015
25	Cụm CN Phước Bình	Long Thành	Phước Bình	75,00	144	2015
26	Khu dân cư	Long Thành	TT. Long Thành	40,00	144	2015
27	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm	Nhơn Trạch	Đại Phước	9,60	166	2015
28	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84	144	2015
29	Khu dân cư Riverside	Long Thành	TT. Long Thành	40,00	183	2016
II. Các dự án đang triển khai thực hiện						
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
30	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	1,00	166	2015
31	Bảo tồn lăng mộ Trịnh Hoài Đức	Biên Hòa	Trung Dũng	0,58	166	2015
32	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20	144	2015
33	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20	144	2015
34	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05	144	2015
35	Dự án xây dựng phòng Khám Đa Khoa do Công ty Cổ phần Đầu tư bất Tử Long làm	Nhơn Trạch	Đại Phước	0,57	166	2015
36	Dự án xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo sớm xa môi trường	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,50	166	2015
37	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ	Nhơn Trạch	Long Thọ	0,04	144	2015
38	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,25	144	2015
39	Kênh mương Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Các xã	15,00	144	2015
40	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58	183	2016
41	Trường mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20	21	2016
42	Trường MN Tam An	Long Thành	Tam An	1,00	183	2016
43	Trụ sở công an xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,19	183	2016
44	Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	Biên Hòa	An Hòa	0,21	38	2017
45	Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	1,00	38	2017
46	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Quang	Long Khánh	Hàng Gòn	0,05	38	2017
47	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05	38	2017
48	Trường THCS Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,09	57	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
49	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,07	57	2017
50	Giếng khoan quan trắc (TD1, TD3, TD4, TD7, TD8, TD9, TD13, TD14, TD21, TD22, TD23, TD28)	Xuân Lộc	Các xã	0,12	38	2017
51	Giếng khoan quan trắc (NB-19AB; NB-22AB)	Xuân Lộc	Các xã	0,04	38	2017
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
52	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70	166	2015
53	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	46,10	144	2015
54	Hồ Cà Ròn và hệ thống kênh thủy lợi	Định Quán	Gia Canh	174,00	144	2015
55	Nâng cấp hệ thống thoát nước và via hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	P. X.Bình, X.An, X.Hòa, X.Trung	0,05	144	2015
56	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,65	144	2015
57	Đường liên cảng	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phước Khánh,	94,55	144	2015
58	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,78	144	2015
59	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,32	144	2015
60	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Hiệp Phước - Long Thọ	0,10	166	2015
61	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	43,66	144	2015
62	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	15,04	144	2015
63	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69	166	2015
64	Bãi đậu xe kết hợp trồng cây xanh	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,12	144	2015
65	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhơn Trạch	Phú Hữu	33,72	144	2015
66	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 3	Nhơn Trạch	Phú Hữu	42,70	144	2015
67	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	Nhơn Trạch	Phước An	6,50	144	2015
68	Đường vào KCN Ông Kèo	Nhơn Trạch	Phước An, Phước Khánh,	91,44	144	2015
69	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	166	2015
70	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,22	166	2015
71	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phước Khánh,	4,26	144	2015
72	Đường N1	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,60	144	2015
73	Đường D6	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,40	144	2015
74	Đường Nguyễn Huệ đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến QL 1A	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
75	Đường D6 nối dài đoạn từ đường Lý Nam Đế đến hết tuyến (giáp sân Golf)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,10	144	2015
76	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	183	2016
77	Hệ thống thoát nước khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình Tân	18,00	183	2016
78	Đường ven sông Cái	Biên Hòa	Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân	29,30	183	2016
79	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Ngọc - Ngọc Định - La Ngà	Định Quán	Ngọc Định	0,68	183	2016
80	Bến xe Phú Túc (mở rộng)	Định Quán	Phú Túc	0,65	183	2016
81	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	21	2016
82	Đ. Suối Chồn - Bầu Cối (nâng cấp, mở rộng)	Long Khánh	Bảo Vinh, Bảo Quang	11,38	21	2016
83	Đường CMT8 (ND)	Long Khánh	X.An, X.Hòa	5,71	183	2016
84	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,18	21	2016
85	Dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao đường cao tốc TP HCM-Long Thành-Dầu	Long Thành	các xã, thị trấn	13,00	183	2016
86	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hvosung từ 02 mạch lên 04 mạch cần điện	Nhon Trạch	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hới	0,03	21	2016
87	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,10	21	2016
88	Đường Phú An - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú An, Thanh Sơn	0,34	21	2016
89	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú Xuân, Thanh Sơn	0,61	21	2016
90	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	21	2016
91	Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiên Tân	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	3,00	21	2016
92	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	5,61	21	2016
93	Đường Nguyễn Tri Phương	Biên Hòa	Bửu Hòa	2,63	57	2017
94	Đường vào Nhà tang lễ	Biên Hòa	Bửu Long	0,37	38	2017
95	Đường ven sông từ cầu Hòa An đến bến đò Tràm	Biên Hòa	Bửu Long	7,40	38	2017
96	Trạm 110kv khu đô thị Long Hưng và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,40	38	2017
97	Trạm biến áp 110Kv Giang Điền và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	0,27	38	2017
98	Đường vào THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,23	38	2017
99	Tuyến đường kết nối vào khu nhà ở kết hợp du lịch (đường D6 và D35) nhườn Tân Vạn -	Biên Hòa	Tân Vạn	7,88	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
100	Đường dây 110 kV Vĩnh An - Định Quán 2	Các huyện	các xã	0,63	38	2017
101	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Các huyện	Xuân Đông	1,14	38	2017
102	Hồ Thoại Hương	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	50,00	38	2017
103	Hệ thống thủy lợi trồng mía Định Quán	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	11,50	38	2017
104	Trạm BA 110 kV Định Quán 2 và đường dây đầu nối	Định Quán	La Ngà	0,64	38	2017
105	Trạm bơm áp 7 và kênh tưới Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	2,02	38	2017
106	Trạm bơm áp 1 Thanh Sơn và hệ thống kênh	Định Quán	Thanh Sơn	6,40	38	2017
107	Hệ thống tiêu thoát lũ xã Bình Lộc	Long Khánh	các xã	1,00	38	2017
108	Đường Phước Bình	Long Thành	các xã	3,27	38	2017
109	Trạm biến áp 220KV An Phước	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,28	57	2017
110	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03	57	2017
111	Dự án xây dựng dịch vụ hàng hải khu vực Cảng biển Nhóm 5 Nhơn Trạch do Công ty	Nhơn Trạch	Phước Khánh	25,42	57	2017
112	Đường be 29 đoạn từ km0+00 đến km 3+560 (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,64	38	2017
113	Đường Trương Công Định	Tân Phú	TT Tân Phú, Trà Cỏ	0,77	38	2017
114	Cải tạo tăng công suất tải đường dây 110kV từ TBA 500kV Sông Mây - TBA 110kV Bắc	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,03	38	2017
115	Đường 29/4 (đoạn trước NT cao su)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,40	38	2017
116	Đường 3/2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50	38	2017
117	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng Hoàng đến QL 1A)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,55	38	2017
118	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,36	38	2017
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
119	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	144	2015
120	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	144	2015
121	Nghĩa trang Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	2,40	144	2015
122	Khu Tái định cư Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	21,00	144	2015
123	Chùa Long Hương	Nhơn Trạch	Long Tân	0,96	144	2015
124	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Phú Đông	1,96	144	2015
125	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,04	144	2015
126	Nhà văn hoá trên địa bàn 4 ấp thuộc xã Vĩnh Thanh	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,20	144	2015
127	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,22	144	2015
128	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
129	Khu tái định cư	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,45	144	2015
130	Nghĩa trang Hàng Gòn (mở rộng)	Long Khánh	Hàng Gòn	47,49	21	2016
131	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,02	183	2016
132	Chùa Vĩnh Giác	Tân Phú	Phú An	0,80	21	2016
133	Niệm phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66	183	2016
134	Khu dân cư phục vụ tái định cư ấp Ong Hường	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,60	183	2016
135	Nhà Văn hóa Hòa Bình	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,04	38	2017
136	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	38	2017
137	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,03	38	2017
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
138	Khu dân cư (Công ty Đồng Thuận)	Biên Hòa	Phước Tân	10,40	144	2015
139	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Nhơn Trạch	Đại Phước	20,00	144	2015
140	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (1)	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	64,13	144	2015
141	Khu dân cư Long Tân (1)	Nhơn Trạch	Long Tân	95,00	144	2015
142	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Tân	35,00	144	2015
143	Khu dân cư thương mại	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	9,90	144	2015
144	Khu dân cư Long Thọ - Phước An	Nhơn Trạch	Long Thọ, Phước An	40,00	144	2015
145	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Văn Lang làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,00	166	2015
146	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,00	166	2015
147	Khu dân cư	Nhơn Trạch	Phú Hữu	56,00	144	2015
148	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Phú Hữu	4,45	144	2015
149	KDC Cty cổ phần Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	90,00	144	2015
150	Trung tâm Hành chính - Văn hóa - Thể thao kết hợp chợ, phố chợ	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	48,18	144	2015
151	KDC Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	35,00	144	2015
152	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Phước Thiện	43,48	144	2015
153	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	144	2015
154	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	97,00	144	2015
155	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền, Đồi 61, Quảng Tiến	50,00	166	2015
156	Khu nhà ở biệt thự và khu tái định cư Núi Dông Dài	Biên Hòa	Phước Tân	154,62	183	2016
157	Khu đô thị du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	771,00	183	2016
158	Khu dân cư nhà ở Phú Thuận Lợi (Cty CP Địa ốc Phú Thuận Lợi)	Biên Hòa	Tam Phước	19,10	183	2016
159	Khu dân cư và trạm kinh doanh xăng dầu - Cty Cổ phần Đồng Tiến	Biên Hòa	Tân Tiến	2,74	21	2016
160	Khu dân cư số 3, Trung tâm huyện	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,21	183	2016
161	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00	183	2016

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
162	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Nhơn Trạch	Đại Phước	4,50	21	2016
163	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Long Tân	9,50	21	2016
164	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	25,00	21	2016
165	Khu dân cư tạo vốn đường từ cầu Bửu Hòa đến QL1K (dự án BT)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	40,00	38	2017
166	Cụm CN Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50,00	38	2017
167	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	38	2017
168	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT.Long Thành	4,60	38	2017
169	Đô thị du lịch xã Đại Phước(Tín Nghĩa)	Nhơn Trạch	Đại Phước	20,00	38	2017
170	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Khang Việt Hưng làm chủ đầu tư.	Nhơn Trạch	Long Tân	46,50	57	2017
171	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Đông	3,29	57	2017
172	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Hội	34,04	57	2017
173	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	Nhơn Trạch	Phú Hội Long Tân	9,99	57	2017
174	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	8,16	38	2017
175	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	9,90	38	2017
176	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn	Nhơn Trạch	Phước Thiện	16,18	57	2017
177	Cụm công nghiệp Phú Thạnh	Tân Phú	Phú Thạnh	30,00	57	2017
178	Cụm công nghiệp Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	54,80	57	2017
179	Cụm Công Nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	20,69	38	2017

III. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
180	Xây dựng bia tưởng niệm liệt sỹ và trung tâm học tập công đồng	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,08	166	2015
181	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,03	144	2015
182	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,60	144	2015
183	Trường mầm non Phú Trung	Tân Phú	Phú Trung	0,45	183	2016
184	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	38	2017
185	Nhà cộng đồng dân tộc Mường	Định Quán	Phú Túc	0,16	38	2017
186	Trường TH Võ Thị Sáu ấp 5 (mở rộng)	Định Quán	Suối Nho	1,00	38	2017
187	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	0,44	38	2017
188	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Bình Minh	0,20	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
189	Đường Hương Lộ 2 nối dài	Long Thành	Tam An	35,00	183	2016
190	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	183	2016
191	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	49,78	38	2017
192	Đường Phú Trung - Phú An	Tân Phú	Phú Trung, Phú An	7,31	38	2017
193	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	6,00	38	2017
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
194	Chi hội Tin Lành Cẩm Đường	Long Thành	Cẩm Đường	0,12	21	2016
195	Khu tái định cư 3	Định Quán	TT.Định Quán	11,70	183	2016
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản.						
196	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	144	2015
197	Khu dân cư theo quy hoạch của Cty TNHH Quản lý tài sản Phúc Thịnh	Long Thành	Phước Bình	5,81	144	2015
198	Khu dân cư phường Tân Tiến (khu đất Cty Đồng Tiến)	Biên Hòa	Tân Tiến	0,84	183	2016
199	Khu dân cư An Thuận (mở rộng giai đoạn 2)	Long Thành	Long An	45,00	21	2016
200	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hiệp Phú làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Long Tân	22,28	57	2017
201	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phước An	43,20	57	2017
202	Khu nuôi tôm siêu thâm canh do Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư.	Nhơn Trạch	Phước An	51,00	57	2017
TỔNG				3.839,64		

PHỤ LỤC 11A

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT LỬA ĐƯỢC TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/nq-hdnd ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		Đất rừng đặc dụng (ha)	Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)			
I. Các dự án đã thực hiện									
1	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nơi Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viên kiểm sát)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,34	0,24	-	-	144	2015
2	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98	0,13	-	-	144	2015
3	Xây dựng tuyến đường vào khu TĐC Sen Việt (Cty CP Đầu tư Sen Việt Công thương)	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,8	1,04	-	-	144	2015
4	Trung tâm Văn hoá thể thao - học tập cộng đồng	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,88	0,18	-	-	144	2015
5	Trụ sở xã đội	Tân Phú	Phú Sơn	0,1	0,01	-	-	144	2015
6	Chợ Ngọc Lâm	Tân Phú	Phú Xuân	0,31	0,31	-	-	144	2015
7	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84	8,34	-	-	144	2015
8	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	Định Quán	TT. Định Quán	0,4	0,24	-	-	38	2017
II. Các dự án đang triển khai thực hiện									
9	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,7	4,00	-	-	166	2015
10	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,4	3,40	-	-	144	2015
11	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	0,12	-	-	144	2015
12	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	61,7	1,69	-	-	144	2015
13	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhơn Trạch	Phú Hữu	33,72	0,41	-	-	144	2015
14	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92	0,31	-	-	144	2015
15	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,22	0,14	-	-	144	2015
16	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền	50	7,70	-	-	166	2015
17	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,2	0,62	-	-	183	2016
18	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	6	1,60	-	-	21	2016
19	Khu dân cư Thương mại dịch vụ	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	21,3	1,21	-	-	38	2017
20	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	Biên Hòa	Bửu Long	7,4	0,51	-	-	38	2017

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		Đất rừng đặc dụng (ha)	Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)			
21	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58	0,57	-	-	57	2017
22	Làng nghề mây tre đan Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	2,64	0,03	-	-	38	2017
23	Cụm công nghiệp Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50	0,51	-	-	38	2017
24	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	1,85	-	-	38	2017
25	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	4,6	4,60	-	-	38	2017
26	Đô thị du lịch xã Đại Phước (Tín Nghĩa)	Nhơn Trạch	Đại Phước	130,75	8,92	-	-	38	2017
27	Trạm biến áp 220KV An Phước	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,28	0,28	-	-	57	2017
28	Trường THCS Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,09	0,80	-	-	57	2017
29	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,07	0,75	-	-	57	2017
30	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	8,16	5,50	-	-	38	2017
31	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	9,9	9,50	-	-	38	2017
III. Các dự án chưa triển khai thực hiện									
a) Các dự án chưa thực hiện									
33	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	6,61	-	-	144	2015
32	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	130,16	0,03	-	-	38	2017
b) Các dự án đã có quyết định hủy									
34	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	0,04	-	-	21	2016
c) Các dự án đề xuất hủy									
35	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,56	0,29	-	-	144	2015
36	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	4,90	-	-	183	2016
37	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	0,06	-	-	38	2017
TỔNG CỘNG				831,2	77,44	-	-		

PHỤ LỤC 11B

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG ĐƯỢC TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Danh mục đã được thông qua Nghị quyết số 196/nq-hđnd ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		Đất rừng đặc dụng (ha)	Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)			
I. Các dự án chưa triển khai thực hiện									
1	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	12,00	-	0,19	-	38	2017
II. Các dự án đang triển khai thực hiện									
2	Công trình ANTT tại khu vực ngã 3 sông Đồng Tranh	Nhơn Trạch	Phước An	10,00	-	0,05	-	144	2015
3	Niệm Phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66	-	1,66	-	183	2016
TỔNG CỘNG				23,66	-	1,90	-		

PHỤ LỤC 12: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2021 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương							
1	Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa	TSC	Biên Hòa	Bửu Long	0,20	0,20	+ Văn bản số 1594/SKHĐT-TĐ ngày 08/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất 2020 để thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất xây dựng Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. + Văn bản thỏa thuận địa điểm số 2682/UBND-ĐT ngày 13/3/2017 của UBND thành phố Biên Hòa ; + Quyết định số 2232/QĐ-BTP ngày 21/8/2019 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ; + Quyết định số 1116/QĐ-TCTHADS ngày 01/10/2019 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị thực hiện dự án ; + Quyết định số 1252/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng ; + Văn bản số 1396/TCTHADS-KHTC ngày 29/4/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc thông báo kế hoạch đầu tư vốn HSN năm 2020 dự án Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
2	Bệnh viện điều dưỡng kết hợp trung tâm chuẩn đoán y khoa	DYT	Biên Hòa	Hóa An	2,24	2,24	Thông báo thu hồi đất số 174/TB-UBND ngày 7/1/2011 của UBND tỉnh
3	Trường TH Long Bình 1	DGD	Biên Hòa	Long Bình	2,17	0,03	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 VB số 5133/KH-UBND ngày 26/04/2018 của UBND thành phố về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện dự án. Bổ sung diện tích thu hồi do sai số đo đạc
4	Trường MN ấp Vườn Dừa	DGD	Biên Hòa	Phước Tân	0,56	0,06	Đã có quyết định bồi thường, giải phóng mặt bằng. Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
5	Trường THCS Tân Hạnh	DGD	Biên Hòa	Tân Hạnh	1,50	0,02	Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 3/5/2019 của UBND thành phố về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019
6	Trường MN Tân Hạnh 2	DGD	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,85	0,03	NQ số 57/NQ-HĐND ngày 24/08/2018 của HĐND thành phố về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-
7	Trường THCS Tân Phong	DGD	Biên Hòa	Tân Phong	1,60	0,02	Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 3/5/2019 của UBND thành phố về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019
8	Trường MN Tân Vạn	DGD	Biên Hòa	Tân Vạn	0,65	0,65	- Nghị quyết 102/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
9	Cơ sở điều trị Methadone	DYT	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,64	0,64	Văn bản số: 13308/UBND-TH ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai Văn bản số 937/HĐND-VP ngày 28/06/2019 của Thường trực HĐND tỉnh. Nội dung
10	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (điểm Mít Nài)	DGD	Định Quán	La Ngà	0,56	0,38	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
11	Trường TH Nguyễn Du	DGD	Định Quán	TT. Định Quán	1,00	1,00	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
12	Trường MN Hoa Hồng	DGD	Định Quán	TT. Định Quán	1,00	1,00	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
13	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	DGD	Định Quán	TT. Định Quán	1,29	1,29	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
14	Trường mầm non Xuân Thanh	DGD	Long Khánh	Xuân Thanh	0,87	0,87	Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025,
15	Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng	DVH	Long Khánh	Hàng Gòn	0,60	0,60	Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn từ ngân sách thành phố
16	Mở rộng trường THCS Hiệp Phước	DGD	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,41	0,41	- Quyết định số 7244/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình mở tổng trường THCS Hiệp Phước. -
17	Trường TH Phước An (ấp Vũng Gấm)	DGD	Nhơn Trạch	Phước An	0,22	0,22	- Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trường Tiểu học Phước An (ấp Vũng Gấm) của UBND huyện Nhơn Trạch. -
18	Trường mầm non Đắc Lua (cơ sở DdabongKua)	DGD	Tân Phú	Đắc Lua	0,21	0,21	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Tân Phú về điều chỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
19	Trường tiểu học Phú Đồng	DGD	Tân Phú	Phú Lâm	0,60	0,60	Quyết định số 5922/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020
20	Trụ sở công an xã	TSC	Tân Phú	Phú Lập	0,10	0,10	Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
21	Đền thờ vua Hùng	DDT	Tân Phú	Phú Sơn	12,50	12,23	Thông báo Kết luận cuộc họp của đồng chí Đinh Quốc Thái số 9655/TB-UBND ngày 20/8/2019;
22	Công viên trung tâm	DKV	Tân Phú	TT. Tân Phú	12,00	12,00	Thông báo Kết luận cuộc họp của đồng chí Đinh Quốc Thái số 9655/TB-UBND ngày 20/8/2019;
23	Trường TH Nguyễn Thị Định	DGD	Tân Phú	TT. Tân Phú	1,78	1,24	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Tân Phú về điều chỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2021; dự án được ghi
24	Trung tâm hành chính xã Bàu Hàm 2	TSC	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	5,00	5,00	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019
25	Trường MN Kim Đồng	DGD	Thống Nhất	Hưng Lộc	1,00	1,00	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
26	Trường TH Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Lộ 25	0,24	0,24	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
27	Trường TH,THCS Dầu Giây (A1-C1)	DGD	Thống Nhất	TT.Dầu Giây	2,00	2,00	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
28	Trạm y tế Bình Hòa	DYT	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,13	0,07	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 3773/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai; Thông báo số 865/TGB-SKHĐT ngày 11/12/2018 của Sở Kế
29	Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao)	DTT	Vĩnh Cửu	Mã Đà	1,70	1,70	Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
30	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	DGD	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	0,91	0,91	- Quyết định 4194A/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải							
31	Nút giao thông kết nối khu nhà ở Bửu Long vào đường Nguyễn Du	DGT	Biên Hòa	Bửu Long	0,14	0,14	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa.
32	Hương lộ 2 nối dài (đoạn 1 - giai đoạn 1)		Biên Hòa	Các phường	11,70	0,30	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư. Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đường Hương lộ 2 (đoạn 1 - giai đoạn 1), thành phố Biên Hòa
33	Đường vào trường THPT Nam Hà	DGT	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,11	0,11	Quyết định chủ trương đầu tư số 3742/QĐ-UBND ngày 14/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa. 'Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019
34	Đường Đỗ Văn Thi (mở rộng đoạn 1)	DGT	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,75	0,04	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án. Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
35	Xây dựng cầu vòm cái Sút trên hương lộ 2 nối dài	DGT	Biên Hòa	Long Hưng, Tam Phước	3,87	0,37	- Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Đồng Nai Thông báo số 154/TB-HĐND ngày 13/03/2019 của HĐND tỉnh về việc kết luận phiên họp thường trực HĐND tỉnh khóa IX, trong đó, quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, trọng điểm nhóm C. Bổ sung diện tích thu hồi do đo đạc bản đồ - Thông báo số 970/SKHĐT-TĐ ngày 10/12/2020 về việc chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020.
36	Lộ ra 110kV trạm 220 kV Tam Phước	DNL	Biên Hòa	Phước Tân	0,14	0,07	Công văn số 13033/UBND-CNN ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận hướng tuyến
37	Trạm BA 220 kV Tam Phước và đường dây đầu nối	DNL	Biên Hòa	Phước Tân	5,95	1,65	Quyết định số 14507/QĐ-BCT ngày 29/12/2015 về phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai; VB số 157/SCT-ĐN ngày 19/1/2016 về việc đăng ký nhu cầu SĐĐ giai đoạn 2016-2025. Bổ sung diện tích thu hồi theo bản vẽ mới
38	Nạo vét suối Săn Máu đoạn đầu (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu xóm Mai	SON	Biên Hòa	Phường Tân Hòa; Tân Biên;Hố Nai; Trảng Dài	13,75	13,75	- Văn bản số 3073/SKHĐT-XDCB ngày 27/11/2015 của Sở KHĐT về việc thông báo đơn vị chủ đầu tư về Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh; - Thông báo số 970/SKHĐT-TĐ ngày 10/12/2020 về việc chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020.

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
39	Đường dây 220kV 2 mạch xuất tuyến TC 220kV trạm 500kV Long Thành - Công nghệ cao	DNL	Biên Hòa	Tam Phước	3,00	3,00	Công văn số 01/UBND-KTN ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh về việc thống nhất điều chỉnh hướng tuyến
40	Đường 23 theo quy hoạch (dự án đường kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất)	DGT	Biên Hòa	Tân Biên	0,13	0,01	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
41	Đường vào trường THCS Lê Quang Định (HT)	DGT	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,42	0,01	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 Quyết định số 1338,1339/QĐ-UBND ngày 23/04/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc phê duyệt báo cáo junh tế kỹ thuật (điều chỉnh). Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
42	Đường vào trường TH Tân Tiến A	DGT	Biên Hòa	Tân Tiến	0,47	0,02	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019. Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
43	Đường Lưu Văn Việt	DGT	Biên Hòa	Tân Tiến	0,88	0,18	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 Quyết định số 2685,2717/QĐ-UBND ngày 18,19/8/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án
44	Đường nối từ đường ven sông Cái đến đường Võ Thị Sáu	DGT	Biên Hòa	Thống Nhất	0,90	0,90	Nghị quyết 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa
45	Trạm bơm nước thải số 1, phường Thống Nhất thuộc dự án HTTN và XLNT thành phố Biên Hòa, giai đoạn I	DTL	Biên Hòa	Thống Nhất	0,49	0,49	- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 phê duyệt dự án đầu tư; - Thông báo số 970/SKHĐT-TĐ ngày 10/12/2020 về việc chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020 - Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Đồng Nai
46	Đường vào trạm bơm nước thải số 1 phường Thống Nhất thuộc dự án HTTN và XLNT thành phố Biên Hòa, giai đoạn I	DGT	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02	0,02	- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 phê duyệt dự án đầu tư; - Thông báo số 970/SKHĐT-TĐ ngày 10/12/2020 về việc chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020. - Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Đồng Nai
47	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	DGT	Cẩm Mỹ	Lâm San	4,80	0,62	Văn bản số: 4981/UBND-KTNS ngày 05/05/2020 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình, mở rộng đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành, huyện Cẩm Mỹ
48	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	DGT	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	6,00	3,08	Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
49	Đường dọc Sông Ray	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	7,92	7,92	Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
50	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Đường, Thừa Đức	18,90	10,00	Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
51	Nâng cấp mở rộng Trạm bơm Ngọc Định	DTL	Định Quán	Ngọc Định	20,00	20,00	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
52	Đường Phú Cường - La Ngà	DGT	Định Quán	Phú Cường; La Ngà	8,00	7,30	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
53	Đường Gia Canh - 120 nối dài (mở rộng)	DGT	Định Quán	Phú Lợi	0,82	0,82	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
54	Thủy điện Thác Trời	DNL	Định Quán	Phú Ngọc	27,76	27,76	Báo cáo số 01/BC-SKHĐT ngày 02/01/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Thác Trời tại huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc của Công ty Cổ phần Năng lượng La Ngà
55	Thủy điện Phú Tân 2	DNL	Định Quán	Phú Tân, Thanh Sơn, Phú Vinh	98,76	98,76	Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 17/7/2020.
56	Đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện Phú Tân 2	DNL	Định Quán	Phú Vinh	0,80	0,80	Văn bản số 12415/UBND-KTN ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ý kiến đối với việc điều chỉnh quy hoạch dự án thủy điện Phú Tân 2.
57	Nâng cấp, sửa chữa đường 118 (mở rộng)	DGT	Định Quán	Phú Vinh - Phú Tân	10,20	4,25	Văn bản 12254/UBND-KTN ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối Thủy điện Phú Tân 2.
58	Nâng cấp, sửa chữa đường Cầu Trắng (mở rộng)	DGT	Định Quán	TT Định Quán, Ngọc Định	7,32	3,05	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
59	xây dựng mở rộng Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	DGT	Định Quán	TT. Định Quán	3,85	3,51	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
60	Đường vành đai thị trấn Định Quán	DGT	Định Quán	TT. Định Quán	6,20	6,20	Thông báo số 1021/TB-SKHĐT ngày 31/12/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2019-2020
61	Đường Suối Rắc	DGT	Định Quán	Túc Trung	1,48	1,48	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
62	Đường Duy Tân	DGT	Long Khánh	Bảo Vinh	7,33	7,33	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án nâng cấp tuyến đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh
63	Đường Điều Xiển	DGT	Long Khánh	Bàu Trâm	17,63	17,63	- Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 (đợt 1); - Quyết định số 137/NQ-HĐND ngày 26/5/2020 của HĐND thành phố Long Khánh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công của thành phố.

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
64	Đường Thổ Lùn	DGT	Long Khánh	Bàu Trâm	1,26	1,26	- Quyết định số 691//QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường Thổ Lùn giai đoạn 2 xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh. - Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn từ ngân sách thành phố
65	Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ	DGT	Long Khánh	Bàu Trâm	1,83	1,83	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án nâng cấp tuyến đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh
66	Trạm biến áp 110kV KCN Long Khánh và hướng tuyến đường dây đầu nối	DNL	Long Khánh	Suối Tre	0,56	0,56	Văn bản số 9245/UBND-KTN ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí Trạm biến áp
67	Đường song hành với đường 21/4, đoạn phân lô tại khu phố Núi Tung, phường Suối Tre	DGT	Long Khánh	Suối Tre	2,56	2,56	- Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 (đợt 1). - Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố Long Khánh duyệt chủ trương đầu tư.
68	Đường qua khu đô thị mới từ Nguyễn Trãi đến Lê Hồng Phong (Đường từ đường 908 nối dài đến đường Xuân Tân - Xuân Định)	DGT	Long Khánh	X.Hòa; P. Bình; X Tân	6,11	0,42	Quyết định thu hồi đất số :3259/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND thành phố Long Khánh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án. (thu hồi bổ sung diện tích đất an ninh quốc phòng)
69	Đường Phạm Lạc	DGT	Long Khánh	Xuân Thanh	0,78	0,78	Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn từ ngân sách thành phố
70	Đường ranh Xuân Bình-Phú Bình-Bàu Sen (Phú Bình 26)	DGT	Long Khánh	X.Bình, B.Sen, P.Bình	2,35	2,35	Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn từ ngân sách thành phố
71	Đường Hoàng Diệu	DGT	Long Khánh	Xuân Thanh	1,30	1,30	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án nâng cấp tuyến đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh
72	TBA 110kV Bàu Cạn & đường dây đầu nối	DNL	Long Thành	Long Phước, Phước Thái, Tân Hiệp	0,53	0,53	Văn bản số 8079/UBND-KTN ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp Bàu Cạn và hướng tuyến đường dây đầu nối
73	Đường dây 220kV đầu nối NMD Nhon Trạch 3 TBP 500kV Long Thành	DNL	Long Thành	Tam An	4,00	4,00	Văn bản số 9419/UBND-KTN ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí
74	Đường dây 220kV TBM 500kV Long Thành - Công nghệ cao	DNL	Long Thành	Tam An, Lộc AN, Long Đức, An Phước	3,00	3,00	Văn bản số 01/UBND-KTN ngày 02/1/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
75	TBA 220kv An Phước	DNL	Long Thành	TT.Long Thành	0,47	0,47	Dự án đã được hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua tại Nghị quyết số 91 năm 2018 là 3,4 ha, KHSD đất năm 2021 đăng ký bổ sung 0,47 ha theo báo cáo số 11274/BC-SPMB ngày 5/10/2020 của tổng công ty truyền tải điện Quốc gia về tình hình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư công các công trình điện cao thế trên địa bàn huyện Long Thành
76	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký	DTL	Nhon Trạch	Hiệp Phước	9,50	4,70	Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký.
77	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	DNL	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,14	0,14	Văn bản số 1214/UBND-CNN ngày 29/01//2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
78	Đường 25C (giai đoạn 1) đoạn từ HL 19 đến đường 319, đoạn 2A từ đầu đường số 9 ranh khu công nghiệp đến đường Nguyễn Hữu Cánh	DGT	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	12,20	12,20	- Thông báo số 415/TB-UBND ngày 08/8/2019 của UBND huyện về chủ trương đầu tư dự án đường 25C giai đoạn 1 (đoạn từ HL 19 đến đường 319) đoạn 2A (đoạn từ đầu đường số 9 đến đường Nguyễn Hữu Cánh) . - Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 huyện Nhon Trạch (đợt 1). - Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng Nhân dân huyện Nhon Trạch về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2020 huyện Nhon Trạch. - Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Đồng Nai. - Nghị quyết 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
79	Đường số 13 giai đoạn 1 (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Nguyễn Ái Quốc)	DGT	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	10,11	10,11	- Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang). - Nghị quyết 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
80	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang)	DGT	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Thạnh	30,40	22,80	Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang)
81	Đường chắn nước nối dài đến khu công nghiệp Nhon Trạch	DGT	Nhon Trạch	Phú Hội	7,45	2,23	- Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường chắn nước nối dài đến khu công nghiệp I. - Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 huyện Nhon Trạch (đợt 1). - Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng Nhân dân huyện Nhon Trạch về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2020 huyện Nhon Trạch.

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
82	Trạm 220KV KCN Nhơn Trạch và đường dây đầu nối	DNL	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,50	4,50	Văn bản số 13032/UBND-KTN ngày 11/11/2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
83	Cảng - Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	DGT	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	4,50	4,50	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cảng bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh
84	Xuất tuyến TBA 220kV thành phố Nhơn Trạch	DNL	Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	0,13	0,13	Văn bản số 15045/UBND-CNN ngày 27/02//2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
85	Đường số 7 (đoạn từ KCN V đến đường Nguyễn Ái Quốc) giai đoạn 1	DGT	Nhơn Trạch	Phước An	10,12	10,12	Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 về việc triển khai Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của UBND huyện đối với dự án đường số 7 giai đoạn 1.
86	Hạ tầng khu tái định cư Phước An	DGT	Nhơn Trạch	Phước An	44,00	44,00	- Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu tái định cư Phước An. - Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 huyện Nhơn Trạch (đợt 1).
87	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	DNL	Nhơn Trạch	Phước Khánh	1,20	1,20	Văn bản số 9418/UBND-KTN ngày 14/8/2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
88	DZ 220kV đầu nối NMĐ Nhơn Trạch 3 - TBA 500kV Long Thành	DNL	Nhơn Trạch	Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiển	4,00	4,00	Văn bản số 9419/UBND-KTN ngày 14/8/2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
89	Đường áp 7 ĐabongKua	DGT	Tân Phú	Đắc Lua	7,20	7,20	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Tân Phú về điều chỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Tân Phú về việc Đầu tư công năm 2021 huyện Tân Phú
90	Trạm biến áp 110kV Núi Tượng và đường dây đầu nối	DNL	Tân Phú	Phú Thịnh; Phú Lộc; TT. Tân Phú	0,76	0,76	Văn bản số 8364/UBND-KTN ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV Núi Tượng và hướng tuyến đường dây đầu nối
91	Kênh tạo nguồn Thanh Sơn - Phú Xuân	DTL	Tân Phú	Thanh Sơn	1,20	1,20	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Tân Phú về điều chỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Tân Phú về việc Đầu tư công năm 2021 huyện Tân Phú
92	Đường Nguyễn Văn Cừ	DGT	Tân Phú	TT. Tân Phú	3,20	3,20	Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú
93	Đường Lý Thường Kiệt	DGT	Tân Phú	TT. Tân Phú	3,10	3,10	Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc cho phép chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường nội thị thị trấn Tân Phú

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
94	Đường Nguyễn Tri Phương	DGT	Tân Phú	TT. Tân Phú	5,70	5,70	Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc cho phép chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường nội thị thị trấn Tân Phú
95	Đường Hùng Vương đoạn cuối	DGT	Tân Phú	TT. Tân Phú	5,10	5,10	Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc cho phép chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường nội thị thị trấn Tân Phú
96	Hệ thống thoát nước chung TT Tân Phú (đoạn từ QL20 đến Suối Tranh)	DTL	Tân Phú	TT. Tân Phú; Trà Cổ	3,00	3,00	Văn bản số 10030/UBND-KTNS ngày 21/8/2020 về việc chủ trương đầu tư và hỗ trợ nguồn vốn một số dự án trên địa bàn huyện Tân Phú; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Tân Phú về việc Đầu tư công năm 2021 huyện Tân Phú
97	Đường D17	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2; TT.Dầu Giấy	7,28	7,28	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020; Thông báo kết luận số 6961/TB-UBND ngày 20/6/2019 về việc chấp thuận chủ trương cho UBND huyện Thống Nhất tạm ứng vốn từ ngân sách tỉnh để đầu tư
98	Đường phía Tây Quốc lộ 20	DGT	Thống Nhất	Các xã	31,00	31,00	Thông báo kết luận số 6961/TB-UBND ngày 20/6/2019 về việc chấp thuận chủ trương cho UBND huyện Thống Nhất tạm ứng vốn từ ngân sách tỉnh để đầu tư; Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 07/11/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư Đường song hành phía Tây QL 20.
99	Cải tạo đường dây 110kv TBA 220kv Trị An - Kiềm Tân	DNL	Thống Nhất	Gia Tân 1; Gia Tân 2	0,02	0,02	Văn bản số 4897/UBND-KNT ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiềm Tân
100	Đường Chu Văn An - Định Quán (giai đoạn 3)	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,80	1,80	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020; Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;
101	Mương thoát nước Khu dân cư A1 – C1 đến cống 3 miệng	DTL	Thống Nhất	TT.Dầu Giấy	1,20	1,20	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
102	Cầu và đường dẫn 02 đầu tư ấp Tân Bắc	DGT	Trảng Bom	Bình Minh	1,26	0,08	- Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom. - Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán dự án Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom.
103	ĐZ 220kV mạch hai Sông Mây - Bảo Lộc	DNL	Trảng Bom	Bắc Sơn, Bình Minh, Sông Trầu, Tây Hòa, Sông Thao, Hưng Thịnh, Trung Hòa, Đông Hòa	0,09	0,09	Đã được UBND tỉnh thỏa thuận tại văn bản số 1613/UBND-CNN ngày 15/02/2019 Văn bản số 4399/SCT-KH ngày 23/9/2020 về việc lập quy hoạch sử dụng đất năm 2021 của ngành Công Thương tỉnh Đồng Nai.

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
104	Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân	DNL	Trảng Bom	Thanh Bình	0,04	0,04	Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến dây và phương án Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân và Quyết định số 857/QĐ-EVN SPC ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt hiệu chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.
105	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom (giai đoạn 1)	DTL	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,20	1,20	Nghị quyết 169/NQ-HĐND ngày 16/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai; Thông báo số 2725/SKHĐT-TĐ ngày 3/8/2020 về việc thông báo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020.
106	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng hồ Gia Măng	DTL	Xuân Lộc	Lang Minh, Xuân Hiệp, Xuân Tâm	6,60	6,60	Quyết định số 3466/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư dự án Kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng. Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
107	Hồ Gia Ui 2 (bổ sung)	MNC	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	329,00	98,40	- Văn bản 2791/SKHĐT ngày 31/8/2017 của SKHĐT về triển khai Văn bản 483/HĐND tỉnh thông báo về chủ trương đầu tư. Quyết định 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
108	Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (bổ sung)	DGT	Xuân Lộc	Xuân Tâm	284,21	10,06	- Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021. Bổ sung thêm diện tích thu hồi do điều chỉnh quy hoạch
109	Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát) bổ sung	DGT	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Hiệp	2,60	0,02	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất; Bổ sung thêm diện tích thu hồi do điều chỉnh quy hoạch Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
110	Đường Hùng Vương - Trần Phú (bổ sung)	DGT	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	15,30	2,69	Đã có quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
111	Đường Xuân Hưng-Xuân Tâm	DGT	Xuân Lộc	Xuân Tâm, Xuân Hưng	44,48	35,34	Thông báo kết luận số 3959/TB-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh. Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
112	Đường Phước Bình – Thọ Phước Xuân Thọ	DGT	Xuân Lộc	Xuân Thọ	3,3	1,75	Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường Phước Bình, xã Xuân Thọ; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
113	Đường Làng dân tộc Choro Xuân Phú	DGT	Xuân Lộc	Xuân phú	4,13	3,06	Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường làng dân tộc Choro ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
114	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân.	DGT	Xuân Lộc	Xuân Thọ	5,5	2,5	Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường Thọ Chánh- Thọ Tân, xã Xuân Thọ (từ Km 0+00 đến Km1+200); Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
115	Nâng cấp, mở rộng đường Thành Công, ấp Trung Nghĩa	DGT	Xuân Lộc	Xuân Trường	2,1	0,46	Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường Thành Công, xã Xuân Trường; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
116	Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Đình Thương	DGT	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	1,15	0,75	Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
117	Đường Chiến Thắng - Nam Hà	DGT	Xuân Lộc	Bảo Hòa	10,00	6,01	Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
118	Đường nội đồng giáo Tùng	DGT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,65	0,65	- Quyết định chủ trương đầu tư số 4237/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
119	Đường Bình Ninh	DGT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,67	0,67	- Quyết định chủ trương đầu tư số 4238/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
120	Đường nội đồng cây Gõ	DGT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,45	0,45	- Quyết định chủ trương đầu tư số 4239/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
121	Đường Cây Gõ	DGT	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,50	0,50	- Quyết định chủ trương đầu tư số 4196 ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
122	Đường Ông Thanh	DGT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,30	0,30	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
123	Hệ thống thoát nước Khu công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	DTL	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,80	0,80	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
124	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiềm Tân	DNL	Vĩnh Cửu	Trị An, TT Vĩnh An	0,26	0,26	Công văn số 4897/UBNDKTN ngày 29/4/2020 UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hường tuyến và phương án cải tạo đường dây và trạm; Quyết định 857/QO-EVN SPC ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt hiệu chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
125	Điểm trung chuyển rác kết hợp với chôn xác động vật	DRA	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2	2	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư XD CB năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý (Điều chỉnh, bổ sung lần thứ 1)
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng							
126	Hạ tầng khu tái định cư 2 phường Long Bình Tân	ODT	Biên Hòa	Long Bình Tân	6,30	6,30	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm
127	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	DKV	Biên Hòa	Quang Vinh	1,52	0,22	Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 2/8/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình. Bổ sung diện tích thu hồi do đo đạc bản đồ
128	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Kim	DSH	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,03	0,03	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
129	Mở rộng trường MN Xuân Trường (ấp Trung Lương)	DGD	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,67	0,32	Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
130	Nhà văn hóa ấp Bảo Thị	DSH	Xuân Lộc	Xuân Định	0,22	0,22	Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 06/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc cấp kinh phí cho xã Xuân Định
131	Khu dân cư phục vụ tái định cư xã Bình Lợi	ONT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	3,40	3,40	- Biên bản làm việc giữa Ban QLDA, Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, phòng Tài nguyên - Môi trường, UBND xã Bình Lợi và công ty TNHH Tuấn Thắng ngày 25/9/2019. - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
132	Khu tái định cư xã Thạnh Phú	ONT	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	2,39	2,39	- Quyết định 811A/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết 111/2019/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch. - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng							
133	Khu nhà ở An Hòa	ODT	Biên Hòa	An Hòa	0,30	0,30	Kết luận Thanh tra số 250/KL-STNMT ngày 4/9/2020 về việc sử dụng đất để thực hiện dự án của Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại phường
134	Khu dân cư tạo vốn số 3 (phục vụ dự án đường từ cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K)	ODT	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	40,88	0,88	Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500. Bổ sung diện tích thu hồi do đo đạc bản đồ

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
135	Hạ tầng khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,30 ha	ODT	Biên Hòa	Bửu Long	6,30	6,30	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công
136	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	ODT	Biên Hòa	Thống Nhất	0,17	0,02	Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cấp chủ trương đầu tư. Bổ sung diện tích thu hồi đo đạc bản đồ
137	Khu dân cư - thương mại Phú Gia	ODT	Biên Hòa	Trảng Dài	3,89	3,89	Quyết định chủ trương đầu tư số 260/QĐ-UBND ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh
138	Khu dân cư Trảng Dài	ODT	Biên Hòa	Trảng Dài	1,63	1,63	Quyết định chủ trương đầu tư số 262/QĐ-UBND ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh
139	Xây dựng hạ tầng khu dân cư theo quy hoạch (Đại Hoàng Hào)	ONT	Long Thành	Bình Sơn	4,06	4,06	Quyết định chủ trương đầu tư số 236/QĐ-UBND ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
140	Khu dân cư Khiết Linh	ONT	Long Thành	Lộc An	0,95	0,95	Quyết định chủ trương đầu tư số 264/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
141	Khu dân cư tại xã Long Đức	ONT	Long Thành	Long Đức	0,79	0,79	Quyết định chủ trương đầu tư số 2917/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
142	Khu dân cư Vi Như	ONT	Long Thành	Long Phước	1,05	1,05	Quyết định chủ trương đầu tư số 2745/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
143	Khu dân cư Tâm Khánh Land	ONT	Long Thành	Phước Bình	1,16	1,16	Quyết định chủ trương đầu tư số 2744/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
144	Khu dân cư Bình Khiết	ONT	Long Thành	Phước Bình	1,95	1,95	Quyết định chủ trương đầu tư số 3817/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai

PHỤ LỤC 13: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2021 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
	I. Các dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng							
1	Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Bửu Long	0,20	0,02			+ Văn bản thỏa thuận địa điểm số 2682/UBND-ĐT ngày 13/3/2017 của UBND thành phố Biên Hòa ; + Quyết định số 2232/QĐ-BTP ngày 21/8/2019 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ; + Quyết định số 1116/QĐ-TCTHADS ngày 01/10/2019 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị thực hiện dự án ; + Quyết định số 1252/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng ; + Văn bản số 1396/TCTHADS-KHTC ngày 29/4/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc thông báo kế hoạch đầu tư vốn HSN năm 2020 dự án Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa; + Văn bản số 1594/SKHĐT-TĐ ngày 08/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất 2020 để thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất xây dựng Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
2	Đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản	Biên Hòa	Các phường: Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình	19,37	2,60			Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 8/5/2020 về việc phê duyệt dự toán các công việc thực hiện giai đoạn chuẩn bị dự án để lập báo cáo NCKT. Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020. Bổ sung diện tích sử dụng đất trồng lúa.
3	Kho ngoại quan và cung cấp dịch vụ Logistic	Biên Hòa	Tân Vạn	0,27	0,27			Văn bản số 85/CV-TBS ngày 23/9/2020 Công ty CP ĐT Thái Bình đăng ký diện tích đã hoàn tất bồi thường, nay Công ty đăng ký đề xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa và lập thủ tục thuê đất
4	Khu gia đình B, sân bay Biên Hòa	Biên Hòa	Các phường	3,95	0,91			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
5	Nhà máy gạch TUYNEL (Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai)	Biên Hòa	Phước Tân	1,20	0,96			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
6	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Biên Hòa	Bửu Long	1,50	0,05			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
7	Đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản	Biên Hòa	Các phường	19,37	0,07			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
8	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viện kiểm sát)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,36	0,03			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
9	Tuyến đường giao thông dọc suối Sân Máu theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	1,20	0,11			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
10	Hương lộ 21	Biên Hòa	Tam Phước	1,10	0,09			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
11	Đường D9 (nối đường Võ Thị Sáu và đường Nguyễn Văn Hoa)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,87	0,02			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
12	Đường dẫn vào Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	0,15	0,06			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
13	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	29,73	0,21			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
14	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa và Suối Cầu Quan	Biên Hòa	Long Bình, Long Bình Tân, An Hòa, An Bình, Phước Tân	15,20	0,66			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
15	Khu dân cư phục vụ tái định cư 4,20 ha	Biên Hòa	Tân Hạnh	4,20	0,34			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
16	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 71	Biên Hòa	Tân Vạn	3,24	0,11			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
17	Khu dân cư An Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	1,37	0,20			Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/1/2006 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư An Hòa 2 Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
18	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	1,70	0,84			Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách Biên Hòa Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 01/06/2017 của UBND thành phố về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. VB số 838/UBND-ĐT ngày 17/01/2018 của UBND thành phố về việc xử lý đề xuất thu hồi thêm diện tích đất
19	Khai thác chế biến Đá xây dựng Mỏ đá Tân Cang 9	Biên Hòa	Tam Phước	15,10	0,26			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
20	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 4 -Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	18,17	0,02			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
21	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 7 -Phước Tân (BH.Đ8-2)	Biên Hòa	Phước Tân; Tam Phước	45,00	0,10			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
22	Dự án Kè và đường ven sông Đồng Nai đoạn từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh qua phường Hóa An và Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Bửu Hòa, Hóa An	10,50	0,01			Văn bản số 10230/UBND-ĐT ngày 05/08/2020 của UBND thành phố Biên Hòa về việc tham mưu lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án kè và đường ven sông Đồng Nai
23	Trường MN Tân Vạn	Biên Hòa	Tân Vạn	0,65	0,17			- Nghị quyết 102/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố Biên Hòa. - Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc Sửa đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố.

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
24	Đường dọc Sông Ray	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	7,92	0,69			Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
25	Hợp tác xã Nông nghiệp Xanh	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	6,02	1,58			Đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất Hợp tác xã Nông nghiệp xanh Xuân Đông
26	Thủy điện Phú Tân 2	Định Quán	Phú Tân, Thanh Sơn, Phú Vinh	98,76		10,05		Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 17/7/2020. Văn bản số 12415/UBND-KTN ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ý kiến đối với việc điều chỉnh quy hoạch dự án thủy điện Phú Tân 2.
27	Nâng cấp, sửa chữa đường 118 (mở rộng)	Định Quán	Phú Vinh, Phú Tân	10,20	0,28			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
28	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Định Quán	TT Định Quán	1,29	1,25			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
29	Trường TH Nguyễn Du	Định Quán	TT Định Quán	1,00	1,00			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
30	Trường MN Hoa Hồng	Định Quán	TT Định Quán	1,00	0,31			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
31	Xây dựng mở rộng Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	Định Quán	TT Định Quán	3,85	0,75			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
32	Nâng cấp, sửa chữa đường Cầu Trắng (mở rộng)	Định Quán	TT Định Quán	7,32	1,02			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
33	Đường Phú Cường - La Ngà	Định Quán	Xã Phú Cường; La Ngà	8,00	0,88			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
34	Đường Điều Xiển	Long Khánh	Bàu Trâm	17,63	0,19			- Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 (đợt 1); - Quyết định số 137/NQ-HĐND ngày 26/5/2020 của HĐND thành phố Long Khánh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công của thành phố.
35	Đường Thổ Lùn	Long Khánh	Bàu Trâm	1,26	0,33			Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường Thổ Lùn giai đoạn 2 xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh.
36	Khu dân cư Vi Như	Long Thành	Long Phước	1,05	1,05			Quyết định chủ trương đầu tư số 2745/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
37	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00	4,73			Dự án đã được hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua tại Nghị quyết số 196 năm 2020 đối với đất rừng phòng hộ, nay bổ sung diện tích đất trồng lúa
38	Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân	Nhon Trạch	Long Tân	7,60	3,74			Đã phê duyệt tại KH 2020, nằm trong danh mục thu hồi đất theo NQ196/2019; bổ sung diện tích đất lúa theo đo đạc để thực hiện dự án
39	Khu dân cư và cây xanh kết hợp dịch vụ giải trí	Nhon Trạch	Phú Đông	4,90	2,94			Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, thu hồi tại NQ57 trong KHSDĐ 2017 là 3,29 ha, bổ sung thêm 1,61 ha để tiếp tục thực hiện dự án
40	Khu dân cư An Gia	Nhon Trạch	Phú Hữu	4,52	1,70			Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, đã phê duyệt QHCT 1/500 theo QĐ số 2596/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh
41	Cảng - Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	Nhon Trạch	Phú Thạnh	4,50	0,10			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
42	Đền thờ vua Hùng	Tân Phú	Phú Sơn	12,50		3,48		Thông báo Kết luận cuộc họp của đồng chí Đinh Quốc Thái số 9655/TB-UBND ngày 20/8/2019
43	Đường Lý Thường Kiệt	Tân Phú	TT. Tân Phú	3,10	0,74			Quyết định cho phép đầu tư số 674/QĐ-UBND ngày 18/3/2019
44	Đường phía Tây Quốc lộ 20	Thống Nhất	Các xã	31,00	2,50			Thông báo kết luận số 6961/TB-UBND ngày 20/6/2019 về việc chấp thuận chủ trương cho UBND huyện Thống Nhất tạm ứng vốn từ ngân sách tỉnh để đầu tư; Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 07/11/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư Đường song hành phía Tây QL 20.
45	Điểm du lịch Trại An Lake View	Thống Nhất	Gia Tân 1	33,70	0,68			Quyết định số 4386/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thống Nhất; Văn bản số 10441/UBND-KTN ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận điều chỉnh quy mô, vị trí khu đất và đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2020
46	Khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	20,00	3,38			Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
47	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Lang Minh, Xuân Hiệp, Xuân Tâm	6,60	2,51			Quyết định số 3466/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư dự án Kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng. Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
48	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	329,00	24,78			- Văn bản 2791/SKHĐT ngày 31/8/2017 của SKHĐT về triển khai Văn bản 483/HĐND tỉnh thông báo về chủ trương đầu tư. Quyết định 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
49	Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Xuân Lộc	Các xã	10,06	4,30			- Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021. Bổ sung thêm diện tích thu hồi do điều chỉnh quy hoạch
50	Đường Hùng Vương - Trần Phú	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	9,10	0,01			Đã có quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
51	Đường Xuân Hưng-Xuân Tâm	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân tâm	44,48		10,67		Kết luận số 3959/TB-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh. Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
52	Đường Làng dân tộc Choro Xuân Phú	Xuân Lộc	Xuân phú	4,13	0,29			Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường làng dân tộc Choro ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
53	Đường Phước Bình – Thọ Phước Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	3,30	0,20			Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
54	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân.	Xuân Lộc	Xuân Thọ	5,50	0,47			Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường Thọ Chánh - Thọ Tân, xã Xuân Thọ (từ Km 0+00 đến Km 1+200); Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
55	Nâng cấp, mở rộng đường Thành Công, ấp Trung Nghĩa	Xuân Lộc	Xuân Trường	2,10	0,04			Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình : Nâng cấp , sửa chữa đường Thành Công , xã Xuân Trường ; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
56	Mở rộng trường MN Xuân Trường (ấp Trung Lương)	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,67	0,20			Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
57	Trang trại chăn nuôi vịt đẻ trứng giống quy mô 75.000 con	Xuân Lộc	Xuân Hòa	4,85	0,51			Quyết định chủ trương đầu tư số 1886/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
58	Đường Bình Ninh	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,67	0,67			- Quyết định chủ trương đầu tư số 4238/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
59	Đường nội đồng cây Gõ	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,45	0,26			- Quyết định chủ trương đầu tư số 4239/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
60	Trạm kiểm lâm Cù Đỉnh	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
61	Trạm kiểm lâm suối Linh	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
62	Trạm kiểm lâm cửa rừng Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,20			0,20	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
63	Trạm Kiểm lâm Bàu Điền	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
64	Trạm kiểm lâm Bà Cai	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
65	Trạm kiểm lâm Cơ Động	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
66	Trạm kiểm lâm cửa rừng Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,20			0,20	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
67	Trạm kiểm lâm cửa rừng Rang Rang	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,20			0,20	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
68	Trạm kiểm lâm cửa rừng Suối Trau	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,20			0,20	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
69	Trạm kiểm lâm Đakinde	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai
70	Hệ thống thoát nước Khu công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,80	0,35			Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
71	Đường Ông Thanh	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,30	0,26			Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
72	Mỏ đá Thiện Tân 3	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	16,17	5,93			Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2020 huyện Vĩnh Cửu; Văn bản số 60/2020/KH-HH ngày 12/9/2020 của Công ty TNHH Hoàng Hải vv Đăng ký KHSĐĐ năm 2021; giấy phép khai thác khoáng sản số 1633/GP-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh
73	Mỏ đá Thiện Tân 2	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	10,26	9,39			Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2020 huyện Vĩnh Cửu; Văn bản số 343/VLXD-KSCL ngày 25/8/2020 vv Đăng ký KHSĐĐ năm 2021 (Mỏ đá Thiện Tân 2); Giấy phép khai thác khoáng sản số 1362/GP-UBND ngày 28/5/2015 của UBND tỉnh
74	Mỏ đá Thiện Tân 4	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,24	0,24			Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2020 huyện Vĩnh Cửu; Văn bản số 149/KS 623 ĐN vv cập nhật kế hoạch sử dụng đất; Giấy phép khai thác khoáng sản số 2527/GP-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh
	II. Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân							

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Long Thành	các xã, thị trấn	5,00	5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Thành	các xã, thị trấn	35,00	35,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Long Thành	các xã, thị trấn	3,00	3,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Định Quán	Xã, thị trấn		3,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn		50,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn		5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		9,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
8	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã, thị trấn		15,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
9	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Nhon Trạch	Các xã	15,00	15,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
10	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Nhon Trạch	các phường, xã	6,00	6,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
11	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Thống Nhất	các xã, thị trấn		4,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
12	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Thống Nhất	Các xã, thị trấn		1,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
13	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã		20,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
14	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã		4,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
15	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã	3,00	3,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
16	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã	20,00	20,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
17	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã	40,00	40,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
18	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã	2,00	2,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
19	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã	3,00	3,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
20	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		7,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
21	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		11,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
22	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
23	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
24	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
25	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	các phường, xã	35,83	35,83			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
26	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Long Khánh	các phường, xã	5,70	5,70			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
27	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Long Khánh	các phường, xã	10,00	10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
28	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	các phường, xã	8,00	8,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
29	Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	các phường, xã	20,00	20,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
30	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Long Khánh	các phường, xã	7,00	7,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
31	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Biên Hòa			5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
32	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Biên Hòa	các phường, xã		5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
33	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn	4,30	4,30			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
34	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn	30,00	30,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
36	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn	8,00	8,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
41	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Vĩnh Cửu	các xã, thị trấn	2,00	2,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
42	Chuyển mục đích từ đất lúa sang cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Vĩnh Cửu	các xã, thị trấn	4,00	4,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
43	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Vĩnh Cửu	các xã, thị trấn	100,00	100,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
44	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	30,00	30,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
45	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
46	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	16,34	16,34			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
47	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã	5,00	5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương

PHỤ LỤC 14

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Tên dự án	Diện tích, trong đó:		Vị trí		Căn cứ pháp lý
		Diện tích dự án (ha)	Diện tích điều chỉnh địa điểm	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố, thị xã	
1	Cầu vàm Cái Sút	3,87	0,31	Tam Phước	Biên Hoà	- Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 28/5/2019 của HĐND tỉnh về việc giải quyết các vấn đề phát sinh từ sau kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khoá IX nhiệm kỳ 2016 - 2020 ngày 15/3/2019. - Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Xây mới cầu Vàm Cái Sút trên đường Hương lộ 2, thành phố Biên Hoà. - Thông báo số 970/TB-SKHĐT ngày 10/12/2019 của Sở KH&ĐT thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020.
2	Hương lộ 2 (đoạn 1, từ QL51 đến cầu Long Hưng)	11,70	0,30	An Hoà	Biên Hoà	- Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đường Hương lộ 2 (đoạn 1 - giai đoạn 1), thành phố Biên Hoà. - Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt phương án thi công đối soát, đo chỉnh lý bản đồ địa chính, lập bản đồ địa chính khu đất. - Thông báo số 10464/TB-UBND ngày 01/9/2020 về Kết luận của đồng chí Cao Tiến Dũng - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc về tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm.

STT	Tên dự án	Diện tích, trong đó:		Vị trí		Căn cứ pháp lý
		Diện tích dự án (ha)	Diện tích điều chỉnh địa điểm	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố, thị xã	
3	Cầu và đường dẫn 02 đầu tư ấp Tân Bắc	1,26	0,08	Bình Minh	Trảng Bom	- Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom. - Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán dự án Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom.
Tổng		16,83	0,69			